



# SỐNG CHUNG CÙNG GIỚI

TÌNH YÊU VÀ QUAN HỆ CHUNG SỐNG  
CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ  
CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM

Tác giả  
Vũ Thành Long  
Đỗ Quỳnh Anh  
Chu Lan Anh

Hà Nội, tháng 8 năm 2019

Bản quyền: Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE)  
Địa chỉ: Phòng 203, tòa nhà Lakeview D10, Giảng Võ,  
Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: +8424 6273 7933 - Fax: +8424 6273 7936  
Email: [research@isee.org.vn](mailto:research@isee.org.vn)  
Website: [www.isee.org.vn/vi](http://www.isee.org.vn/vi)

Quy định sao chép: Có thể sao chép, trích dẫn cuốn sách này nhằm phục vụ hoạt động giáo dục hoặc vì các mục đích phi thương mại khác mà không cần xin phép đơn vị giữ bản quyền. Tuy nhiên cần ghi rõ nguồn tài liệu khi sao chép hay trích dẫn.

# MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ	2
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
LỜI CẢM ƠN	5
1. GIỚI THIỆU	6
2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	8
Nghiên cứu định lượng	8
Nghiên cứu định tính	9
Đạo đức nghiên cứu, quản lý và bảo mật thông tin	10
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	11
3.1 Đặc điểm mẫu nghiên cứu	11
Đặc điểm Nhân khẩu - Xã hội của mẫu định lượng	11
Đặc điểm giới tính, bản dạng giới và tính dục của mẫu định lượng	13
3.2 Hôn nhân Khác giới	16
Mức độ phổ biến của hôn nhân khác giới trong cộng đồng người LGBT	16
Lý do kết hôn khác giới	17
Tình trạng hiện nay của quan hệ hôn nhân khác giới	18
Ý định kết hôn khác giới - áp lực đối với người LGBT	19
3.3 Tình yêu, Tình cảm cùng giới	21
Quan niệm về tình yêu cùng giới	21
Trải nghiệm, hiện thực hoá quan hệ tình yêu cùng giới	24
Thời gian của mối quan hệ cùng giới hiện tại	25
3.4 Sống chung cùng giới và mưu cầu hạnh phúc	27
Tình trạng chung sống cùng giới	27
Lý do quyết định sống chung	29
Hiện thực hoá cuộc sống chung	32
Quan hệ tài sản và những vấn đề liên quan	34
Có con và nuôi con	37
Mong muốn có con	39
Những khó khăn gặp phải trong cuộc sống chung	47
Dự định chung sống cùng giới	62
3.5 Quan hệ 'hôn nhân' trên thực hành - nhu cầu với những bảo hộ pháp luật	63
3.6 Quan điểm và nhu cầu đối với chính sách/pháp luật liên quan đến hôn nhân/sống chung cùng giới và việc có con, nuôi con của các cặp đôi cùng giới.	74
4. MỘT SỐ THẢO LUẬN VỀ CÁC PHÁT HIỆN NGHIÊN CỨU TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI HIỆN NAY VÀ Ý NGHĨA CỦA CHÚNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG CÔNG NHẬN VÀ HỢP PHÁP HOÁ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI	83
5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	87
Kết luận chung về kết quả nghiên cứu	87
Khuyến Nghị	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

# DANH MỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ

Bảng 1: Đặc điểm Nhân khẩu - Xã hội của mẫu định lượng	12
Bảng 2: Đặc điểm giới tính, bản dạng giới và tính dục của mẫu định lượng	14
Bảng 3: Thời gian của mối quan hệ cùng giới xét theo giới tính sinh học	26
Bảng 4: Thời gian của mối quan hệ cùng giới xét theo bản dạng giới/tính dục	26
Bảng 5: Thời gian của mối quan hệ cùng giới xét theo nhóm tuổi	26
Bảng 6: Hiện trạng sống chung theo nhóm tuổi	28
Bảng 7: Hiện trạng sống chung theo tình trạng việc làm	29
Bảng 8: Sở hữu nhà đất/tài sản theo nhóm tuổi	34
Bảng 9: Mong muốn có con theo giới tính sinh học	39
Bảng 10: Mong muốn có con theo nhóm tuổi	39
Bảng 11: Khó khăn trong sống chung cùng giới theo nhóm tuổi	48
Bảng 12: Khó khăn trong sống chung cùng giới theo bản dạng giới/tính dục	48
Biểu đồ 1: Trải nghiệm kết hôn khác giới theo địa bàn	16
Biểu đồ 2: Trải nghiệm kết hôn khác giới theo bản dạng tính dục	17
Biểu đồ 3: Lý do kết hôn khác giới	17
Biểu đồ 4: Tình trạng hiện nay của quan hệ hôn nhân khác giới	18
Biểu đồ 5: Vợ/chồng có biết bạn là người LGBT hay không	19
Biểu đồ 6: Lý do ly thân/ly hôn	19
Biểu đồ 7: Hiện đang trong quan hệ cùng giới theo giới tính sinh học	24
Biểu đồ 8: Hiện đang trong quan hệ cùng giới theo bản dạng giới/tính dục	25
Biểu đồ 9: Hiện trạng sống chung cùng giới	27
Biểu đồ 10: Sống chung cùng giới xét theo bản dạng giới/tính dục	28
Biểu đồ 11: Hiện trạng sống chung theo tình trạng di cư	29
Biểu đồ 12: Lý do quyết định sống chung	30
Biểu đồ 13: Thời gian sống chung theo nhóm tuổi	32
Biểu đồ 14: Thay đổi nơi ở	33
Biểu đồ 15: Hiện đang có con theo giới tính sinh học	37
Biểu đồ 16: Lý do con không sống cùng	38
Biểu đồ 17: Những vấn đề trong việc nuôi con của các cặp đôi cùng giới	38
Biểu đồ 18: Lý do không muốn có con	40
Biểu đồ 19: Dự định sống chung	62
Biểu đồ 20: Lý do không muốn sống chung	63
Biểu đồ 21: Ý kiến về thay đổi chính sách/pháp luật liên quan đến kết hôn đồng giới	75
Biểu đồ 22: Ý kiến về chính sách/pháp luật về việc sinh con, nhận con nuôi của các cặp đôi cùng giới	75
Biểu đồ 23: Dự đoán tác động xã hội của hợp pháp hoá/công nhận hôn nhân cùng giới	77
Biểu đồ 24: Dự đoán những hệ lụy có thể xảy ra nếu hôn nhân đồng giới được công nhận/hợp pháp hoá	82

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

iSEE	Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường
ICS	Trung tâm ICS - tổ chức bảo vệ và thúc đẩy quyền của người LGBT
LGBT	Người đồng tính, song tính, chuyển giới (Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender). Trong báo cáo này, khi nhắc đến người LGBT hay cặp đôi LGBT, chúng tôi bao hàm cả số ít những người tham gia nghiên cứu mà không tự xác định mình thuộc một trong những bản dạng này.
Trans man	Người chuyển giới nam, ngoài ra có những cách gọi khác như: FtM, transguy
Trans woman	Người chuyển giới nữ, ngoài ra có những cách gọi khác như: MtF, transgirl, TW, TG
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh

## LỜI CẢM ƠN

*Trước hết, chúng tôi muốn gửi lời trân trọng cảm ơn đến toàn thể những người đã tham gia vào cuộc nghiên cứu này, những người mà tên, tuổi cũng như các thông tin cá nhân không được nhắc đến trong báo cáo nghiên cứu vì lý do bảo mật thông tin. Nếu không có những những câu chuyện, trải nghiệm cá nhân mà họ chia sẻ thông qua các cuộc phỏng vấn, và thời gian họ dành cho việc trả lời hoàn thiện bộ câu hỏi trực tuyến, nghiên cứu này đã không thể trở thành hiện thực.*

*Nghiên cứu được hỗ trợ tài chính từ tổ chức COC Hà Lan, thực hiện bởi Viện Nghiên cứu Xã hội Kinh tế và Môi trường, với ý tưởng nghiên cứu và thiết kế ban đầu được xây dựng bởi Đỗ Quỳnh Anh và Chu Lan Anh (iSEE). Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các chuyên gia: Trương Hồng Quang, Nguyễn Hồng Hải, Nguyễn Thị Hiếu, Lương Thế Huy, và Vương Khả Phong, những người đã nhiệt tình đóng góp ý kiến quý báu trong suốt quá trình thiết kế, triển khai, và bình duyệt bản thảo báo cáo nghiên cứu. Báo cáo nghiên cứu được chấp bút và hoàn thiện bởi Vũ Thành Long vào tháng 8 năm 2019, được chỉnh sửa và thiết kế mỹ thuật bởi nhóm truyền thông của iSEE.*

# 1. GIỚI THIỆU

Năm 2015, ít ngày sau khi Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi chính thức có hiệu lực, dư luận cả nước cũng như cộng đồng LGBT ở Việt Nam được chứng kiến một đám cưới đồng tính “trong mơ” giữa hai người nổi tiếng, một nhà thiết kế tài năng và một doanh nhân thành đạt. Lần đầu tiên ở Việt Nam trên các phương tiện báo chí truyền thông, một đám cưới giữa hai người nam giới được nhắc đến cùng với những từ khoá như “tình yêu”, “lãng mạn”, “sang trọng”, “cảm động”..., điều mà trước đây chưa từng thấy khi người ta nói về đám cưới đồng tính ở Việt Nam. Đám cưới “đẹp như mơ” của hai người nổi tiếng này như một dấu ấn, một phát súng mở màn, một câu chuyện truyền cảm hứng cho rất nhiều cặp đôi cùng giới khác ở Việt Nam dần bước ra ánh sáng, thể hiện tình yêu một cách công khai, thuyết phục sự ủng hộ của gia đình và kết duyên với nhau bằng những đám cưới tương tự.

Sự nở rộ của đám cưới đồng tính được coi là kết quả tức thời của Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi năm 2014 ghi dấu cột mốc thay đổi mang tính lịch sử khi kết hôn cùng giới được loại bỏ ra khỏi danh sách các trường hợp cấm kết hôn; đồng nghĩa với việc tổ chức các sự kiện đám cưới đồng tính sẽ hoàn toàn không còn bị ngăn cấm và xử phạt theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa chính thức công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới, kể cả đối với các trường hợp kết hôn ở nước ngoài. Trên thực tế, thiếu vắng sự công nhận hợp pháp của hôn nhân đồng giới và các hình thức kết đôi khác vẫn khiến các cặp đôi cùng giới chưa được bảo hộ về pháp luật, bao gồm các quy định về quyền thừa kế, an sinh xã hội, và nhận con nuôi.<sup>1</sup>

Sau năm năm Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi 2014 đi vào cuộc sống, đám cưới đồng tính không còn là những tin sốc hay lạ lẫm với người dân, sự hiện diện của cộng đồng LGBT ở Việt Nam ngày càng trở nên rõ ràng và mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội, và ngày càng có nhiều cặp đôi LGBT công khai đến với nhau, tự tin tạo dựng cuộc sống gia đình của riêng họ hơn. Sự phát triển nở rộ các quan hệ chung sống cùng giới trong bối cảnh hiện nay đặt ra câu hỏi cho cả các tổ chức xã hội, các nhóm cộng đồng của người LGBT và các nhà làm luật về thực trạng trải nghiệm đời sống của các cặp đôi đồng giới, cũng như những vấn đề thực tại mà họ đang phải đối mặt trong điều kiện pháp luật Việt Nam hiện nay - không ngăn cấm nhưng cũng không công nhận và bảo hộ.

---

<sup>1</sup> Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Điều 8. <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqpqn-toanvan.aspx?ItemID=11018>, truy cập 11 tháng 7 2018.

Do vậy, với mục tiêu tìm hiểu hiện trạng của hình thức quan hệ sống chung cùng giới ở Việt Nam nhằm mang lại những khuyến nghị cụ thể và thiết thực cho các nỗ lực vận động chính sách tiến tới hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới, đề tài nghiên cứu này của iSEE tập trung trả lời các câu hỏi sau:

1. Quan niệm và kỳ vọng của người LGBT ở Việt Nam về tình yêu và sống chung cùng giới.<sup>2</sup>

2. Trải nghiệm thực tế sống chung cùng giới của người LGBT hiện nay? Bao gồm sự hình thành quan hệ sống chung, cách sắp xếp cuộc sống chung, những vấn đề phát sinh và phương cách giải quyết vấn đề trong cuộc sống chung của họ.

3. Nhu cầu hình thành quan hệ hôn nhân của người LGBT Việt Nam và quan điểm của họ đối với tiến trình vận động hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới?

---

<sup>2</sup> Trong nghiên cứu này, khi đề cập về mối quan hệ sống chung giữa hai người cùng giới, chúng tôi muốn nói đến mối quan hệ sống chung dựa trên tình yêu và tình dục, chứ không phải là mối quan hệ sống chung như bạn bè. Chúng tôi cũng không sử dụng từ sống chung như vợ chồng vì đó là mối quan hệ giữa hai người khác giới. Hơn nữa, khi sử dụng cụm từ “sống chung như vợ chồng” sẽ khiến cho nghiên cứu vướng vào lối mòn so sánh cuộc sống, mối quan hệ của người đồng tính với người dị tính. Nếu dùng cụm từ này có thể sẽ vô tình đặt ra một thước đo chuẩn là mối quan hệ vợ chồng dị tính. Trên thực tế, có thể cuộc sống chung giữa hai người cùng giới có những đặc điểm không giống mối quan hệ vợ chồng dị tính, ví dụ sự phân chia vai trò giới. Thay vào đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ sử dụng từ “sống chung cùng giới” và bản chất của mối quan hệ sống chung này sẽ được trình bày ở các khía cạnh gồm: quan điểm, nhu cầu và quyết định của người tham gia nghiên cứu về cuộc sống chung cùng giới; trải nghiệm của họ về cách sắp xếp, tổ chức cuộc sống chung giữa hai cá nhân và cuộc sống chung của họ với gia đình hai bên, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác. Cuối cùng, chúng tôi sẽ trình bày những khó khăn các cặp đồng giới gặp phải khi xã hội, pháp luật ở Việt Nam chưa thừa nhận mối quan hệ này.



## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này áp dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định lượng tập trung tìm hiểu số lượng, tỷ lệ những người đồng tính hiện đang có mối quan hệ sống chung với một người cùng giới, hình thức sống chung phổ biến, mức độ cam kết và chia sẻ của các cặp đôi trong mối quan hệ này, khó khăn họ gặp phải và nhu cầu, mong muốn từ luật pháp liên quan đến thực trạng cuộc sống chung đó. Bên cạnh đó, nghiên cứu định tính sẽ tìm hiểu sâu hơn bản chất mối quan hệ chung sống và tìm ra những câu chuyện, những trường hợp minh họa cụ thể về những vấn đề mà các cặp đôi cùng giới trải nghiệm.

### Nghiên cứu định lượng

Hiện nay ở Việt Nam các nhóm đa dạng tính dục vẫn được coi là nhóm dân số ẩn (underground), do đó việc đi phỏng vấn bảng hỏi trực tiếp với nhóm này là điều rất khó khăn. Việc chọn mẫu dây chuyền có kiểm soát (Responding Driven Sampling RDS) cũng thường được áp dụng cho nghiên cứu trên quần thể dân số khó tiếp cận, tuy nhiên phương pháp này đòi hỏi nguồn lực nhiều để có thể tiến hành điều tra quy mô toàn quốc. Do vậy, chúng tôi chọn cách thu thập thông tin định lượng thông qua điều tra trực tuyến trên các diễn đàn dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam. Bảng câu hỏi trực tuyến được thực hiện với trang web chuyên hỗ trợ nghiên cứu điều tra trực tuyến SurveyMonkey (surveymonkey.com) - một trang web cung cấp dịch vụ thu thập số liệu định lượng trực tuyến uy tín trên thế giới.

Việc tham gia trả lời bộ câu hỏi trực tuyến hoàn toàn dựa trên tinh thần tự nguyện của người trả lời. Trước khi bắt đầu vào nội dung bảng câu hỏi, chúng tôi cung cấp một trang mở đầu, nêu ra đầy đủ mục đích của cuộc điều tra cũng như giới thiệu về những chủ đề mà cuộc điều tra này sẽ tìm hiểu đến. Người trả lời sau đó sẽ lựa chọn giữa việc đồng ý và không đồng ý với việc tham gia vào nghiên cứu này. Với những người không đồng ý tham gia, bộ câu hỏi lập tức chuyển đến phần kết thúc. Chỉ với những người đã đồng ý tham gia, bộ câu hỏi trực tuyến mới chính thức được hiển thị. Do việc tham gia vào cuộc điều tra là hoàn toàn trực tuyến và khuyết danh, để đảm bảo tính chính xác của thông tin thu được, chúng tôi đặt chế độ lọc IP (mỗi một địa chỉ IP chỉ có thể tham gia trả lời một lần), đồng thời trong bộ câu hỏi có một số câu mang tính logic nhằm kiểm định lại độ chính xác của thông tin được cung cấp trong quá trình phân tích về sau.

Việc làm sạch số liệu được tiến hành ngay sau khi kết thúc một tháng thu thập số liệu. Các bản ghi có các phần trả lời mâu thuẫn về logic và các bản ghi có nhiều thông tin bỏ trống đều bị loại ra khỏi bộ dữ liệu phân tích cuối cùng. Phân tích số liệu được tiến hành với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS.

## Nghiên cứu định tính

Chúng tôi chọn Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là địa bàn để thu thập mẫu nghiên cứu định tính. Qua tìm hiểu thông tin ban đầu từ tổ chức cộng đồng người đồng tính ở Việt Nam, chúng tôi hiểu rằng các địa bàn tỉnh đều có các cặp sống chung cùng giới, tuy nhiên số lượng ít và khó tìm cũng như việc thuyết phục họ tham gia nghiên cứu là rất khó khăn. Trong khi đó ở hai địa bàn thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, số các cặp sống chung cùng giới nhiều hơn. Do vậy, nhóm nghiên cứu chỉ tập trung tìm các cặp sống chung cùng giới ở hai thành phố này.

Nhóm nghiên cứu chọn mẫu thông qua kỹ thuật quả tuyết lăn (snowball). Trước tiên, nhóm nghiên cứu dựa vào mạng lưới cộng đồng người đồng tính có liên hệ với iSEE và ICS để tìm các cặp đôi sống chung cùng giới. Sau đó, từ các cặp đôi đồng ý tham gia phỏng vấn, họ sẽ giới thiệu tiếp những cặp đôi khác mà họ biết để tham gia nghiên cứu. Thu thập mẫu nghiên cứu tiếp diễn đến khi các thông tin thu thập được đạt mức độ bão hòa, nghĩa là không còn thu được thông tin mới từ những người phỏng vấn nữa. Trên thực tế, sau khi tiến hành phỏng vấn 20 người đồng tính nam và nữ, thông tin của các chủ đề chính đã bão hòa và chúng tôi quyết định ngừng phỏng vấn. Bên cạnh các cặp đôi LGBT, nhóm nghiên cứu cũng liên hệ và phỏng vấn một số người thân (cha và mẹ) của những người LGBT hiện đang sống chung với người yêu cùng giới.

Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu nhận thấy hạn chế về tính đa dạng của mẫu nghiên cứu định tính. Do việc liên hệ mời tham gia nghiên cứu phụ thuộc vào mạng lưới cộng đồng có liên hệ, cộng tác với iSEE và ICS, những người nhóm nghiên cứu có thể tiếp cận đến thường thuộc nhóm trí thức, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, thông tin về các cặp chung sống ở vùng nông thôn rất ít, chúng tôi không thể tiếp cận đến nhóm này. Như vậy các thông tin nghiên cứu định tính mà chúng tôi thu thập được chưa thể phản ánh thực trạng mối quan hệ và những khó khăn của cuộc sống chung đồng giới ở vùng nông thôn. Tuy nhiên, nghiên cứu định lượng sẽ phần nào phân tích các thông tin của nhóm này.

## **Đạo đức nghiên cứu, quản lý và bảo mật thông tin**

Tất cả thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho đề tài nghiên cứu, không nhằm mục đích khác, không ảnh hưởng xấu đến người tham gia nghiên cứu. Tên của người tham gia nghiên cứu được thay đổi trong các bản lưu trữ và khi đề cập đến trong báo cáo. Dữ liệu điện tử sẽ chỉ được truy cập thông qua tài khoản đăng nhập bởi những người có thẩm quyền. Các bản ghi âm và gõ băng được lưu trữ trong máy tính có mật khẩu bảo vệ.

Phỏng vấn sâu chỉ được thực hiện với những người tự nguyện đăng ký tham gia nghiên cứu thông qua biểu mẫu đăng ký, hoặc thông qua giới thiệu của cán bộ nghiên cứu. Trước mỗi phỏng vấn, nghiên cứu viên nêu rõ mục đích nghiên cứu, quyền lợi và trách nhiệm của mình và của người tham gia, sự đồng ý tham gia hoặc từ chối tham gia hoàn toàn trên quyết định của người tham gia. Phỏng vấn chỉ có thể bắt đầu và được ghi âm khi có được sự đồng thuận bằng lời nói của người tham gia.

Sau khi kết thúc buổi phỏng vấn, nghiên cứu viên đã tóm tắt lại câu trả lời cho người tham gia để họ kiểm tra lại thông tin đã lưu, họ có muốn bổ sung hoặc lược bỏ phần nào không. Những chi tiết trong phỏng vấn mà người trả lời không muốn được đề cập đến trong phân tích và báo cáo nghiên cứu được phỏng vấn viên ghi chép lại và lưu ý, nhắc nhở người phân tích và viết báo cáo ghi nhớ và làm theo.

# 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

## 3.1 Đặc điểm mẫu nghiên cứu

### Đặc điểm Nhân khẩu - Xã hội của mẫu định lượng

Với 5999 tổng số bản ghi hoàn thiện và thoả mãn điều kiện đưa vào phân tích, có thể nhận thấy phần đông người trả lời hiện sinh sống tại TP. HCM (2248 người, 37.5%) và Hà Nội (978 người, 16.3%), ngoài ra có một số người trả lời hiện đang sinh sống tại nước ngoài (191 người, 3.2%).

Do đặc thù của điều tra trực tuyến, đa phần người tham gia thuộc các nhóm tuổi trẻ, sinh sống tại các khu vực đô thị, và có trình độ học vấn tương đối cao. Độ tuổi trung bình của người tham gia là 21.9 ( $\pm 4.3$  tuổi), người trẻ nhất là 19 tuổi, người lớn tuổi nhất là 70. Khi phân theo nhóm tuổi, có thể nhận thấy đa phần người tham gia thuộc các nhóm tuổi trẻ hơn: 80.9% thuộc nhóm 19-24; 17.8% thuộc nhóm 25-34; 1% thuộc nhóm 35-49; và 0.3% trên 50 tuổi. 75.6% hiện sinh sống tại các khu vực đô thị, 9.2% tại các khu vực ngoại ô/thị trấn, thị xã; và 15.2% còn lại hiện sinh sống tại các vùng nông thôn. 38.1% số người trả lời cho biết họ là người di cư<sup>3</sup>. Trình độ học vấn của mẫu nghiên cứu khá cao, với 68.3% hiện đang học đại học/cao đẳng hoặc có trình độ học vấn cao hơn. Xét về tình trạng việc làm hiện tại: 61.2% hiện đang là học sinh/sinh viên toàn thời gian, 36% hiện đang có việc làm tạo thu nhập; 2.6% thất nghiệp/đang kiếm việc, và 0.2% nghỉ hưu/ngỉ mất sức. (Chi tiết về đặc điểm nhân khẩu - xã hội của mẫu nghiên cứu xem thêm tại bảng 1).

Có 1.7% số người tham gia điều tra trực tuyến cho biết đã từng hoặc đang trong hôn nhân khác giới. Những thông tin mô tả và phân tích cụ thể hơn về nhóm này sẽ được trình bày ở mục “hôn nhân khác giới” trong phần sau của báo cáo nghiên cứu.

<sup>3</sup> Một người được tính là người bản địa/người không di cư nếu như họ sinh ra và sinh sống tại cùng một tỉnh/thành phố, hoặc tính đến thời điểm nghiên cứu, người đó sống liên tục tại cùng một tỉnh/thành phố từ 15 năm trở lên.

Bảng 1: Đặc điểm Nhân khẩu - Xã hội của mẫu định lượng

	Hà Nội	TP. HCM	Tỉnh/ Thành Miền Bắc	Tỉnh/ Thành Miền Trung	Tỉnh/ Thành Miền Nam	Nước Ngoài	Chung
<b>Số người trả lời</b>	978	2248	448	613	1521	191	5999
	16.3%	37.5%	7.5%	10.2%	25.4%	3.2%	100%
<b>Tuổi trung bình</b>	22.2	22.3	21.2	21.6	21.2	22.8	21.9
độ lệch chuẩn	4.5	4.1	3.8	5.3	4.2	3.9	4.3
<b>Nhóm tuổi</b>							
19 đến 24	80.4%	77.1%	86.4%	83.5%	85.5%	70.7%	80.9%
24 đến 34	17.7%	21.7%	12.5%	15.2%	13.5%	27.7%	17.8%
35 đến 49	1.5%	1.1%	0.9%	0.5%	0.6%	1.6%	1.0%
50 trở lên	0.4%	0.1%	0.2%	0.8%	0.3%	0.0%	0.3%
<b>Khu vực sinh sống</b>							
Đô thị	87.6%	90.2%	57.4%	68.5%	53.6%	83.8%	75.6%
Ngoại ô, thị trấn, thị xã	6.5%	6.6%	12.1%	9.1%	13.3%	13.1%	9.2%
Nông thôn	5.8%	3.2%	30.6%	22.3%	33.1%	3.1%	15.2%
<b>Tình trạng di cư</b>							
Không di cư/sống tại địa bàn trên 15 năm	58.5%	54.9%	78.1%	73.9%	72.5%	2.6%	61.9%
Là người di cư	41.5%	45.1%	21.9%	26.1%	27.5%	97.4%	38.1%
<b>Trình độ học vấn</b>							
Tiểu học/thấp hơn	1.0%	2.7%	3.1%	3.4%	5.7%	1.6%	3.3%
Trung học cơ sở	8.0%	8.9%	18.8%	19.2%	24.7%	5.8%	14.5%
Trung học phổ thông	7.6%	9.8%	22.8%	20.2%	19.7%	12.0%	14.0%
Đang/dã hoàn thành cao đẳng/đại học hoặc cao hơn	83.4%	78.6%	55.4%	57.1%	50.0%	80.6%	68.3%
<b>Tình trạng lao động/ việc làm</b>							
Học sinh/sinh viên toàn thời gian	63.0%	56.6%	64.7%	66.1%	63.8%	62.8%	61.2%
Hiện đang có việc làm	35.4%	41.1%	31.7%	30.0%	32.6%	34.0%	36.0%
Nghỉ hưu/Nghỉ mất sức có lương/trợ cấp	0.1%	0.0%	0.2%	0.5%	0.2%	0.5%	0.2%
Thất nghiệp/Đang tìm việc	1.5%	2.2%	3.3%	3.4%	3.4%	2.6%	2.6%
<b>Tình trạng kết hôn khác giới</b>	821	2069	387	545	1430	177	5429
Đã từng / đang trong hôn nhân khác giới	1.9%	1.4%	2.6%	0.9%	1.9%	4.5%	1.7%

## Đặc điểm giới tính, bản dạng giới và tính dục của mẫu định lượng

Phần đông (79.8%) người tham gia trả lời bảng hỏi trực tuyến là những người có giới tính sinh học khi sinh là nữ, 20.2% có giới tính sinh học là nam; sự chênh lệch tỷ lệ này xảy ra khá tương đồng khi xét theo từng địa bàn. Sự chênh lệch giữa hai nhóm nam và nữ này có thể giải thích phần nào bởi quá trình thu thập thông tin, bảng hỏi được đăng quảng cáo và vận động trả lời từ trang Facebook của iSEE và được nhiệt tình chia sẻ bởi các trang cộng đồng, trong đó có rất nhiều nhóm thuộc cộng đồng Nữ Yêu Nữ và cộng đồng chuyển giới nam, kéo theo tỷ lệ số người trả lời có giới tính sinh học là nữ cao hơn vượt trội. Đây là một điểm đặc biệt của nghiên cứu này, do thông thường, trong nhiều điều tra online khác với cộng đồng LGBT, sự hiện diện của các nhóm đồng tính, song tính nữ và chuyển giới nam thường rất hạn chế.

Khi phân tích về xu hướng tính dục, kết quả cho thấy hơn một nửa (55.4%) tự xác định xu hướng tính dục của bản thân là đồng tính (gay, lesbian hoặc các tên gọi khác tương đương), 25.6% cho biết xu hướng tính dục là song tính.

Xét theo thể hiện giới, đa phần (81.4%) cho biết họ là người hợp giới (thể hiện giới trùng khớp với giới tính sinh học, cụ thể nam hợp giới là 17.6%, nữ hợp giới là 63.8%), 18.1% là người chuyển giới (2.5% chuyển giới nữ và 15.6% chuyển giới nam). Bên cạnh đó có một tỷ lệ nhỏ người tự nhận là người phi nhị giới (non-binary) hoặc không xác định giới của mình thuộc về bất kỳ nhóm nào (0.5%).

Việc chia sẻ, bộc lộ về tính dục với gia đình có ít nhiều ảnh hưởng đến trải nghiệm tình yêu cũng như việc sống chung với người yêu/bạn đời cùng giới. Có thể nhận thấy trong điều tra trực tuyến và cả mẫu nghiên cứu định tính, những cặp đôi cùng giới hiện đang sống chung hoặc đã yêu nhau một thời gian dài đều đã bộc lộ ở mức độ khác nhau với gia đình, họ hàng hay cộng đồng. Sự bộc lộ này có thể mang lại cho họ những khó khăn, cản trở lúc ban đầu. Tuy nhiên, chia sẻ trong các phỏng vấn sâu cho thấy, theo thời gian, tùy vào nỗ lực của chính các cặp đôi trong việc thuyết phục gia đình và sự sắp xếp cuộc sống đôi lứa của họ, đến cuối cùng, họ đều có được sự chấp nhận và ủng hộ từ người thân và những người xung quanh họ.

Với mẫu định lượng, có thể nhận thấy hơn một nửa (51.6%) hiện chưa thoải mái với việc bộc lộ về đặc điểm tính dục của mình, chỉ có 12.8% cho biết họ cởi mở bộc lộ về đặc điểm này, số còn lại (35.7%) cho biết họ bộc lộ một phần (úp mở, hạn chế việc tiết lộ đặc điểm bản dạng tính dục)<sup>4</sup>.

---

<sup>4</sup> Mức độ bộc lộ về tính dục và bản dạng giới được xét theo một thang đo bao gồm một loạt câu hỏi đánh giá về sự cởi mở/bộc lộ của người trả lời với từng bối cảnh khác nhau, từ người thân trong gia đình, đến trường học, công sở, chính quyền và xã hội nói chung. Thang điểm này khi phân tích được chia ra làm 3 nhóm tương ứng với điểm bộc lộ cao (cởi mở bộc lộ), điểm bộc lộ trung bình (chỉ bộc lộ phần nào, úp mở, hạn chế bộc lộ), và điểm bộc lộ thấp (bí mật, không bộc lộ).

*Bảng 2: Đặc điểm giới tính, bản dạng giới và tính dục của mẫu định lượng*

Địa bàn	Hà Nội (N=978)	TP. HCM (N=2248)	Tỉnh/ Thành Miền Bắc (N=448)	Tỉnh/ Thành Miền Trung (N=613)	Tỉnh/ Thành Miền Nam (N=1521)	Nước Ngoài (N=191)	Chung (N=5999)
Giới tính sinh học							
Nam	22.8%	21.8%	18.3%	20.2%	16.0%	24.6%	20.2%
Nữ	77.2%	78.2%	81.7%	79.8%	84.0%	75.4%	79.8%
Xu hướng tính dục							
Đồng tính	42.1%	59.5%	44.4%	56.3%	60.6%	56.5%	55.4%
Song tính	28.9%	24.2%	29.2%	24.5%	24.9%	25.7%	25.6%
Chưa rõ, chưa xác định	9.8%	6.8%	9.8%	6.7%	7.8%	6.3%	7.7%
Dị tính	16.8%	8.3%	15.6%	11.7%	6.2%	9.4%	10.1%
Khác	2.4%	1.3%	0.9%	0.8%	0.5%	2.1%	1.2%
Bản dạng giới và tính dục							
Nam hợp giới <sup>5</sup>	19.6%	19.2%	15.0%	17.6%	14.2%	22.5%	17.6%
Nữ hợp giới <sup>6</sup>	63.0%	62.4%	64.7%	60.8%	67.5%	62.8%	63.8%
Chuyển giới nữ <sup>7</sup>	3.2%	2.4%	3.1%	2.6%	1.8%	2.1%	2.5%
Chuyển giới nam <sup>8</sup>	13.5%	15.5%	16.5%	18.6%	16.2%	12.6%	15.6%
Non-binary/Phi nhị giới	0.70%	0.50%	0.70%	0.30%	0.30%	0.00%	0.50%
Mức độ bộc lộ về tính dục và bản dạng giới*	785	1986	359	518	1343	169	5160
Cởi mở bộc lộ	10.7%	13.9%	13.1%	12.5%	12.1%	13.0%	12.8%
Bộc lộ một phần, hạn chế	36.8%	36.9%	30.4%	34.4%	34.8%	37.9%	35.7%
Bí mật, không bộc lộ	52.5%	49.2%	56.5%	53.1%	53.0%	49.1%	51.6%

<sup>5</sup> Nam hợp giới: bao gồm những người có giới tính sinh học là nam, thể hiện giới là nam, tự nhận mình là đồng tính nam, song tính, hoặc dị tính, gay, bisexual man, hoặc những tên gọi khác.

<sup>6</sup> Nữ hợp giới: bao gồm những người có giới tính sinh học là nữ, thể hiện giới là nữ, tự nhận mình là đồng tính nữ, song tính, hoặc dị tính, lesbian, lesbian, hoặc những tên gọi khác.

<sup>7</sup> Chuyển giới nữ: bao gồm những người có giới tính sinh học là nam, thể hiện giới là nữ, có thể đã hoặc chưa phẫu thuật định giới, tự nhận mình là người nữ chuyển giới, MtF (male to female), Trans woman, hay những tên gọi khác.

<sup>8</sup> Chuyển giới nam: bao gồm những người có giới tính sinh học là nữ, thể hiện giới là nam, có thể đã hoặc chưa phẫu thuật định giới, tự nhận mình là người nam chuyển giới, FtM (female to male), Trans man, hay những tên gọi khác.

Có thể giải thích về sự tập trung của các cá nhân và nhóm cộng đồng LGBT tại các thành phố lớn cũng như các vùng đô thị bởi sự phát triển về kinh tế cũng như thay đổi trong xã hội tại những địa bàn này khiến mang lại tính sẵn có hơn của không gian và dịch vụ thân thiện với người LGBT, hay cơ hội nghề nghiệp mà ở đó ít hoặc không có sự kỳ thị và phân biệt đối xử với đa dạng tính dục, hay người dân trong cộng đồng có sự cởi mở, hiểu biết, chấp nhận và ủng hộ ở mức độ nhất định với người LGBT. Có nhiều nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng tính dục cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng cho quyết định di cư của nhiều người. Khi sống xa gia đình và cộng đồng nơi đi, bản thân người LGBT có thể tránh né được những sức ép của gia đình và cộng đồng trong việc thể hiện bản dạng giới và tính dục của mình, tự do hơn trong việc tìm kiếm không gian thể hiện mình, tự tạo cơ hội tìm kiếm người yêu và hiện thực hoá những mong ước về hạnh phúc của mình. Ví dụ như chia sẻ của Ninh, một người đồng tính nữ có quê quán ở Bình Dương, chuyển đến TP. HCM để học Đại Học, sau đó quyết định lựa chọn thành phố này là nơi lập nghiệp và sinh sống. Ninh cho biết, cô đã tìm thấy được con người thật của mình ở nơi đây, gặp gỡ và kết đôi với người yêu hiện tại của cô, cũng là một người di cư, đến từ Cần Thơ. Trong chia sẻ của mình, Ninh cho biết, khi chuyển lên TP. HCM, cô tránh được những phiền toái mà cô gặp phải khi là một người đồng tính nữ ở quê nhà, khi cô gặp gỡ và hẹn hò với những người cùng giới “*Như thấy đi ăn với nhau là biết về nhà nói mẹ luôn, mà nhà chị ở dưới Bình Dương đây là có một cái chị đó cũng lớn rồi, chị đó thích cũng lâu rồi, cái chị dạy tiếng Trung, thế rồi mẹ chị ghen giục có con nhưng mà ngày nào cũng đi tới tối mà, nay nó đi với con nhỏ này, mai thấy nó đi với nhỏ kia, người ta thấy không có ở chung rồi không có gì hết*”. Ở TP. HCM, Ninh cảm nhận được sự khác biệt về môi trường sống, nơi mà cộng đồng dường như khoan dung và cởi mở hơn đối với người LGBT:

*...Sài Gòn như em biết mà rất là đa dạng, chị nghĩ là nhiều người ở những nơi khác họ rất muốn lên Sài Gòn, bởi vì họ được chấp nhận hơn là những chỗ của họ, chị với Phương đều không phải là người Sài Gòn, chị ở Bình Dương, Phương ở Cần Thơ, nói chung là đi học xa, em chị cũng, em họ chị đó cũng ở Bình Dương, nhưng mà cảm giác lên Sài Gòn mình được chấp nhận hơn, mình thì sống trên đây thì mình không biết, nhưng mà mình cũng chẳng quan tâm.  
(Ninh, lesbian, TP. HCM)*



## 3.2 Hôn nhân Khác giới

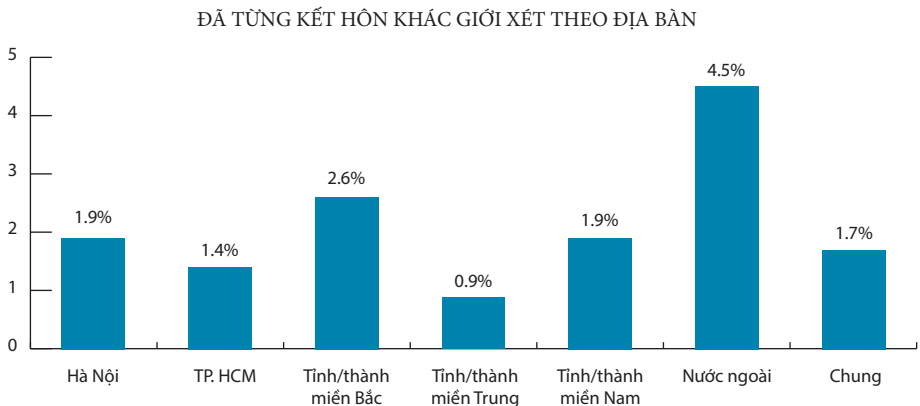
### Mức độ phổ biến của hôn nhân khác giới trong cộng đồng người LGBT

Có 94 trường hợp trên toàn mẫu nghiên cứu (1.7%) cho biết họ hiện đang trong một quan hệ hôn nhân hoặc đã từng có trải nghiệm với hôn nhân khác giới trong đời. Khi xét theo địa bàn, có thể nhận thấy nhóm hiện đang sinh sống ở nước ngoài là những người đang/đã kết hôn khác giới nhiều nhất (4.5%), tiếp sau là nhóm các tỉnh/thành phố Miền Bắc (2.6%). (Biểu đồ 1)

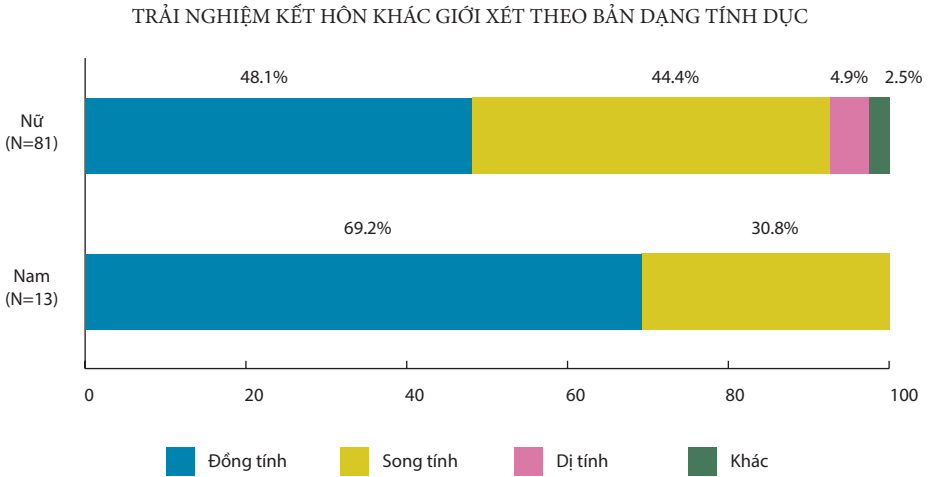
Xét theo giới tính sinh học, nhóm nữ dường như có trải nghiệm kết hôn khác giới cao hơn một chút so với nhóm nam (1.9% so với 1.1%), tuy nhiên sự khác biệt này chưa ở mức độ có ý nghĩa.

Trong số những người đã từng trải nghiệm kết hôn khác giới (94 người), có thể nhận thấy, ở nhóm giới tính sinh học nam, phần đông họ tự nhận mình là người đồng tính (69.2%), tiếp đến số còn lại tự nhận mình là người song tính (30.8%). Còn ở nhóm giới tính sinh học nữ, những người đã từng hoặc đang kết hôn khác giới có bản dạng tính dục đa dạng hơn, 48.1% họ tự nhận là đồng tính, 44.4% là song tính, tiếp đến 4.9% tự nhận là dị tính, và một tỷ lệ nhỏ còn lại tự nhận bằng những bản dạng khác. (Biểu đồ 2)

Biểu đồ 1: Trải nghiệm kết hôn khác giới theo địa bàn



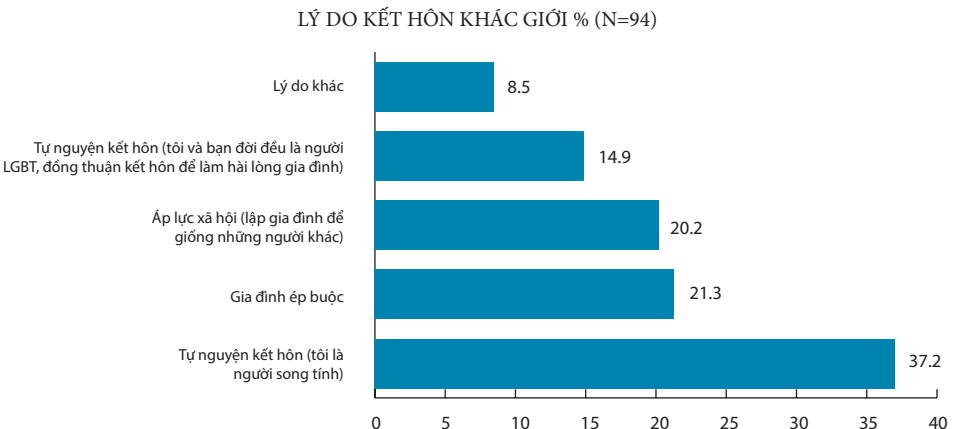
Biểu đồ 2: Trải nghiệm kết hôn khác giới theo bản dạng tính dục



## Lý do kết hôn khác giới

Khi được hỏi về lý do của cuộc hôn nhân khác giới, 37.2% những người trong nhóm đã từng/đang kết hôn cho biết việc kết hôn này là do lựa chọn tự nguyện của họ vì họ là những người song tính, 14.9% cho biết việc kết hôn của họ như một hình thức ghép đôi “giả” một cách tự nguyện giữa hai người cùng là LGBT chấp nhận lấy nhau nhằm hài lòng gia đình của cả hai. Có đến hơn 41% cho biết họ kết hôn không tự nguyện mà do sức ép, áp lực bên ngoài; cụ thể 21.3% do gia đình ép buộc, và 20.2% do cảm nhận áp lực xã hội khiến họ phải ép mình lập gia đình để giống như những người khác.

Biểu đồ 3: Lý do kết hôn khác giới

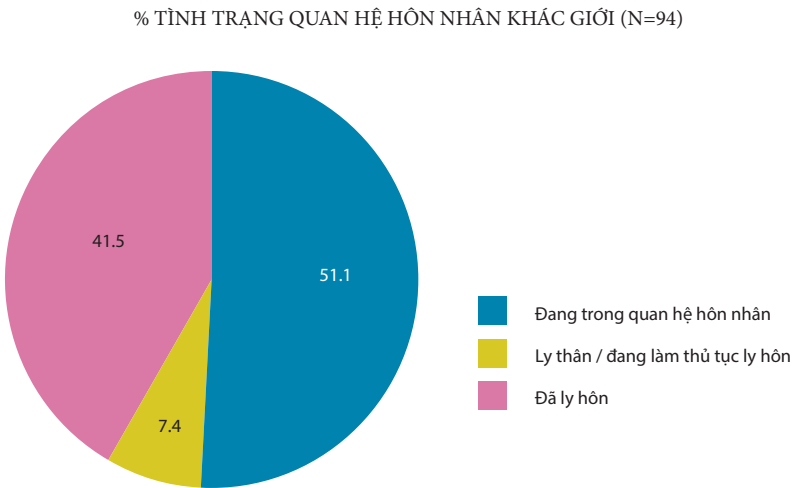


## Tình trạng hiện nay của quan hệ hôn nhân khác giới

Có đến gần một nửa số người đã/đang trong hôn nhân khác giới cho biết hiện nay họ đã ly dị (41.5%) hoặc đang ly thân và trong quá trình làm thủ tục ly hôn (7.4%). (Biểu đồ 4)

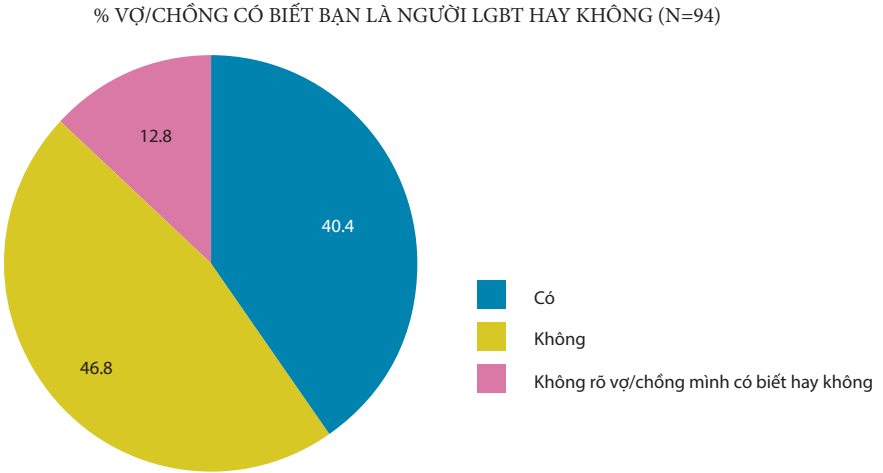
40.4% số người đã/đang trong hôn nhân khác giới cho biết vợ/chồng của họ biết về xu hướng tính dục của họ, những người này có thể bao gồm các trường hợp tự nguyện kết hôn “giả”, tự bộc lộ chia sẻ về tính dục song tính/đồng tính của mình với vợ/chồng hoặc bị phát hiện vì một vài lý do nào đó. 46.8% cho biết vợ/chồng không biết về xu hướng tính dục LGBT của họ. (Biểu đồ 5)

Biểu đồ 4: Tình trạng hiện nay của quan hệ hôn nhân khác giới

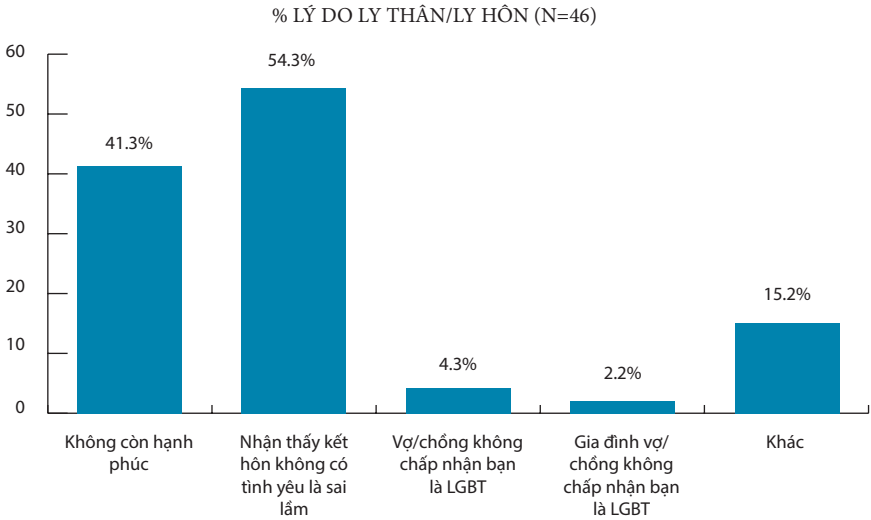


Giải thích về lý do dẫn đến ly thân/ly hôn, có đến 54.3% những người đang trong tình trạng này cho biết họ nhận ra việc kết hôn không có tình yêu là sai lầm và quyết định chấm dứt sai lầm đó. 41.3% cho biết họ ly thân/ly hôn do cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc. Một tỷ lệ nhỏ khác cho biết họ ly hôn do vợ/chồng của họ không chấp nhận được việc họ là người LGBT (4.3%), hoặc gia đình vợ/chồng của họ không chấp nhận được điều này (2.2%).

Biểu đồ 5: Vợ/chồng có biết bạn là người LGBT hay không



Biểu đồ 6: Lý do ly thân/ly hôn



## Ý định kết hôn khác giới - áp lực đối với người LGBT

Với phần đông người trả lời hiện chưa từng có trải nghiệm với hôn nhân khác giới (5335 người), điều tra trực tuyến đã hỏi về ý định của họ đối với việc này. Kết quả cho thấy một tỷ lệ đáng kể (16.8%) cho biết họ sẽ kết hôn khác giới trong tương lai, có đến 31% còn đang băn khoăn với quyết định này. 52.3% còn lại cho biết họ không có ý định kết hôn khác giới.

Khi xét theo giới tính sinh học, có thể nhận thấy nhóm nữ (17.8%) có ý định kết hôn khác giới cao hơn hẳn nhóm nam (12.8%). Khi xét theo xu hướng tính dục, nhóm tự nhận là dị tính (55.7%) và song tính (22.7%) có ý định kết hôn khác giới cao hơn hẳn so với nhóm đồng tính (11.6%).

Quyết định và lựa chọn hôn nhân khác giới là một quá trình đấu tranh tư tưởng dài và khó khăn cho người LGBT. Hầu hết phỏng vấn sâu trong nghiên cứu định tính đều cho thấy những trăn trở này. Mặc dù không có trường hợp nào trong nghiên cứu định tính từng kết hôn khác giới, tuy nhiên hầu hết người tham gia đều tiết lộ rằng không dưới một lần trong đời họ từng suy nghĩ, đắn đo bản thân về điều này, hoặc từng chịu sức ép và tác động từ gia đình khiến họ cảm thấy bị áp lực đối với trách nhiệm kết hôn và sinh con. Nhiều người kể lại những ký ức không vui về gì khi phải đối phó với cha mẹ và họ hàng trong các tình huống bị ghép đôi với những đối tượng “tiềm năng” cho một cuộc hôn nhân khác giới. Để đối phó với những tình huống này, có người lựa chọn né tránh hoặc im lặng, có người phản ứng lại với gia đình bằng những hình thức quyết liệt hoặc tiêu cực hơn. Ví dụ như trường hợp của Liên ở Hà Nội. Trở về nước sau một thời gian học tập và làm việc ở nước ngoài, cha mẹ của Liên trở nên sốt sắng trong việc tìm kiếm cho Liên một người bạn trai để tiến tới hôn nhân. *“Sau khi mình về Việt Nam thì các cụ bắt đầu dẫn anh này anh kia đến. Cứ buổi tối thì trai là đến nhà chơi rồi cứ ngồi chơi với bố mình, thế xong là xong là mình ở trên phòng, lúc thì là phòng mình thì có ban công ở ngoài cửa đấy, thế là mình trèo ban công mình sang ban công nhà bên cạnh xong bắt đầu mình chuẩn xuống thế là bạn gái đến đón mình đi chơi, còn anh đấy đến chơi thì cứ kệ anh ngồi chơi thôi. Mình sẽ không bao giờ tiếp, mình ít khi tiếp, ít khi tiếp, còn lịch sự thì vẫn lịch sự chào hỏi xong rồi là mình đi ra chỗ khác thôi chứ mình cũng không nhiệt tình hỏi hỏi với người ta cả, thì thời gian thì nó cũng chán”*.

Tìm hiểu sâu hơn về sức ép hôn nhân khác giới đối với cộng đồng LGBT, phỏng vấn sâu trong nghiên cứu đã giúp đưa ra một số giải thích từ thực tế trải nghiệm của người tham gia. Quan niệm đặt trách nhiệm hiếu thảo của con cái gắn liền với đảm bảo hạnh phúc, an sinh xã hội và thể diện của cha mẹ thông qua việc lập gia đình, sinh con đẻ cái, nuôi dạy con cái và xây dựng thế hệ kế tiếp được kể đến như một gánh nặng phổ biến mà hầu hết người LGBT cảm nhận. Kể cả khi những nỗ lực ghép đôi hay cố gắng làm thay đổi con cái LGBT của các bậc phụ huynh đều xuất phát từ tình yêu, sự lo lắng cho hạnh phúc và tương lai của con cái, những “quan niệm truyền thống” về hôn nhân và gia đình không thể thích hợp với người LGBT khiến họ rơi vào tình thế phải đấu tranh giữa trách nhiệm hiếu thảo với cha mẹ và mong muốn tìm kiếm hạnh phúc của bản thân. Như chia sẻ của Liên về cảm nhận của cô đối với những gì cha mẹ cô luôn cố gắng khiến cô thay đổi, *“bố mình cũng bảo là mục đích là để cho mình ổn định, sống bình thường gia đình hạnh phúc”*. Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể trực tiếp thể hiện sự phản kháng của mình với cách làm của cha mẹ, ví dụ như nêu rõ quan điểm của mình, rằng việc làm của cha mẹ sẽ không mang lại được hạnh phúc cho con. Với

những người chưa hoặc không bộc lộ về tính dục của mình với gia đình, áp lực này dường như càng nặng nề hơn và rất có thể họ sẽ chấp nhận dẫn thân vào một cuộc hôn nhân khác giới mà bản thân không thật sự mong muốn. Bên cạnh đó, những băn khoăn về trách nhiệm kết hôn và có con cũng ít nhiều tác động cản trở nhiều người LGBT trong việc tìm kiếm và bảo vệ tình yêu, tình cảm của họ. Giống như tâm sự của Phương, một người đồng tính nữ hiện đang trong độ tuổi kết hôn, về áp lực mà cô cảm nhận được từ cả phía cha mẹ và những người bạn bè cùng độ tuổi. Đó là cảm giác tự dằn vặt bản thân khi thấy mình khó có thể làm tròn trách nhiệm của một người con hiếu thảo đối với niềm vui và hạnh phúc của cha mẹ:

*Bởi vì chị là một người chị rất là coi trọng gia đình của mình, thân thể, bạn bè của mình...chị muốn sống như một người bình thường, ... nếu như chị có bạn trai, gia đình chị quan tâm đến bạn trai của chị, chị thấy đó là một điều bình thường, ...rất đặc biệt là ở độ tuổi của chị thì bạn bè chị bây giờ là đã có gia đình, đã có con, thì ba mẹ của họ cũng rất là vui, vậy đó thậm chí nhà chị rất thích có cháu... người lớn họ đâu có quan tâm, đâu thấy, chị thì chị nghĩ, chị là một người khá là nhạy cảm và chị hiểu được, chị hiểu được tâm lý của những người lớn.  
(Phương, lesbian, 27 tuổi, TP. HCM)*

### 3.3 Tình yêu, Tình cảm cùng giới

#### Quan niệm về tình yêu cùng giới

Để đưa ra một định nghĩa cho tình yêu cùng giới có thể là một việc khó khăn và không cần thiết, bởi quan niệm, kỳ vọng và trải nghiệm của mỗi người đều khác nhau. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi muốn ghi chép lại những suy nghĩ cũng như cách hiểu của người LGBT về tình yêu, về quan hệ tình cảm mà họ mong muốn đạt được và nỗ lực để biến nó thành hiện thực. Trước tiên, phần phân tích này giúp cho người đọc hình dung được nội hàm của khái niệm “tình yêu cùng giới” theo cách nhìn của chính người LGBT, từ đó làm cơ sở để hiểu về các quan điểm, trải nghiệm và nhu cầu của họ xung quanh chủ

đề tình yêu và sống chung cùng giới được đề cập trong nghiên cứu này. Tiếp đến, chia sẻ của người tham gia nghiên cứu được phân tích sau đây chính là những ví dụ, những bằng chứng cho khát vọng được yêu và hạnh phúc một cách bình đẳng và không bị phán xét của cộng đồng LGBT nói chung. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh định kiến xã hội hiện nay đối với cộng đồng LGBT cho rằng họ là những người có lối sống lệch lạc, đời sống tình dục buông thả, không chung thủy. (iSEE và Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2011; Colby, 2013; Colby et al., 2004; Ngo et al., 2009)

Có thể thấy cách hiểu về tình yêu cùng giới của người LGBT khá tương đồng với định nghĩa và các bài học về “tình yêu giữa một người nam và một người nữ” có thể tìm thấy trong Sách giáo khoa bộ môn Giáo dục Công dân dành cho học sinh Phổ thông Trung học. Tuy nhiên, với những đặc thù tâm lý - xã hội của họ, quan niệm về tình yêu của những người LGBT có thể có những khác biệt. Trước tiên, tình yêu theo quan điểm của người tham gia nghiên cứu thường được gắn liền với sự chân thành, tôn trọng lẫn nhau và sự nghiêm túc trong quan hệ tình cảm giữa hai người:

*Khi mà anh yêu thì anh hay đặt cái vấn đề sự nghiêm túc lên hàng đầu, thành ra là là ở trong cái giới này yêu nhau một đến hai năm thì cũng đã được tính là lâu rồi. Theo anh một mối quan hệ nghiêm túc là khi mà mình tôn trọng người kia, khi mà mình tôn trọng người kia và ngược lại người ta tôn trọng mình, tôn trọng đây nó có nhiều cái, tôn trọng về sở thích, tôn trọng về sự riêng tư và tôn trọng cả về cái mối quan hệ ở ngoài. Anh nghĩ đấy là mối quan hệ lâu dài là một sự tôn trọng nhau.*  
(Luân, gay, 32, Hà Nội)

Sự nghiêm túc và chân thành được họ thể hiện bằng mong muốn và hiện thực hoá tính lâu dài và bền vững của mối quan hệ, thể hiện bằng kế hoạch tương lai mà họ cam kết cùng nhau cố gắng để đạt được. Có thể đó là cam kết về thời gian bên nhau lâu dài, hoặc những cam kết cho tương lai cuộc sống của họ, bao gồm thiết lập các gắn kết với gia đình, họ hàng hai bên, những gắn kết về tài sản, nhà đất, và con cái.

*Mối quan hệ lâu dài chỉ có là hai người hiểu nhau thông cảm với nhau đấy và sau đấy thì thật ra đối với bọn tớ thì bọn tớ có chung một cái suy nghĩ là bọn tớ rất là mong muốn có con. Tức là bọn tớ thích trẻ con đấy cho nên là có chung một cái mục đích đấy, là muốn nuôi dưỡng nó muốn chăm sóc nó... Tớ nghĩ tình yêu thì dù ở giới nào đi*

*nữa mà sống thật lòng với nhau đấy và kiểu có chung một mục đích đấy.*

*(Tiến, transguy, 27, Hà Nội)*

*Kỳ vọng có thể cưới, có gia đình có con, và kỳ vọng lớn nhất vẫn là mình không phải sống nhiều cái cuộc sống khác nhau, riêng tách riêng với nhau nữa. Mà mình trở thành mình có gia đình, mình có bạn bè, họ biết đến nhau. Còn yếu tố bên trong thì chị với Phúc là có thể work được với nhau, nên hy vọng có thể tốt hơn. Tại vì mình đó là do mình cũng khá là vững, cái tâm lý của mình cũng khá là vững về những cái thứ ở bên ngoài, nghĩa là cũng trải qua nhiều thứ, thì mới tới được cái lúc này.*

*(Nhi, lesbian, 27, TP. HCM)*

Với những trông đợi như vậy, nhiều người LGBT mong muốn rằng tình yêu của họ cần được ghi nhận và bảo vệ, giống như tình yêu của các cặp đôi khác giới, bởi hôn nhân.

*Với anh hôn nhân là một gì đó nó, nó rất là simple nó rất là đơn giản, là một cái sự gắn kết, thì giống như ở ngoài thì có giống như những cặp dị tính khác thì họ có nhu cầu về hạnh phúc thì anh cũng có nhu cầu về hạnh phúc, thì cái hạnh phúc đối với anh thì nó cực kỳ đơn giản, chỉ hàng ngày bên cạnh rồi chia sẻ những cái vui buồn trong cuộc sống về những cái lúc mà mệt mỏi khó khăn, rồi bên cạnh đó để một người cho mình nghỉ về, nhưng mà để có một nhu cầu trong hạnh phúc trong với người dị tính nó đã khó rồi thì với người đồng tính thì nó lại khó hơn, mình phải hiểu được cái vấn đề đó, đơn giản thì hôn nhân đối với anh là nhu cầu về hạnh phúc và anh vẫn muốn mình có một cái hạnh phúc riêng, là một cái hạnh phúc nhỏ gọi là một cái gia đình nhỏ của riêng mình để mà chia sẻ, để mà thông cảm, để quan tâm mà như bao người khác, đó là hôn nhân của anh.*

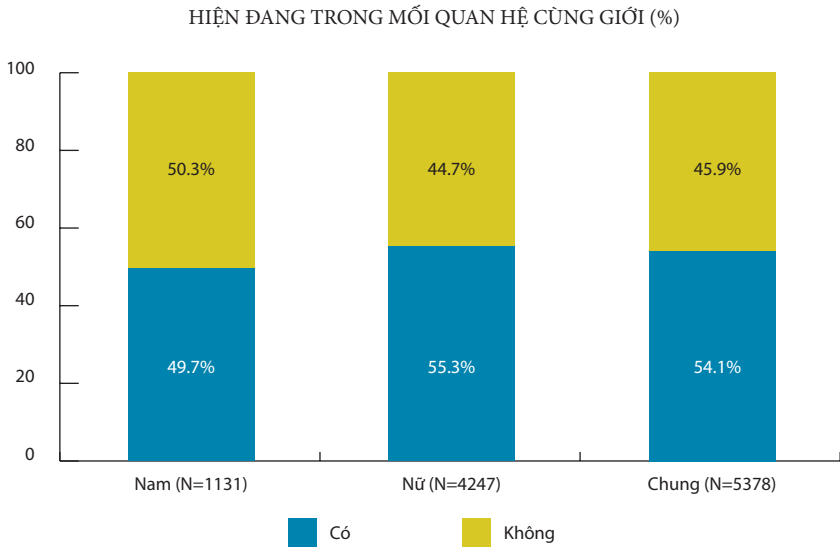
*(Huân, gay, 28 tuổi, TP. HCM)*



## Trải nghiệm, hiện thực hoá quan hệ tình yêu cùng giới

Hơn một nửa số người tham gia điều tra trực tuyến (54.1%) cho biết hiện nay đang trong một mối quan hệ cùng giới. Mối quan hệ này được hiểu là quan hệ với người bạn đời/người yêu mà người trả lời coi là nghiêm túc và lâu dài. Có thể nhận thấy, tỷ lệ này ở nhóm giới tính sinh học nữ (55.3%) cao hơn một chút so với ở nhóm giới tính sinh học nam (49.7%). (Biểu đồ 7)

Biểu đồ 7: Hiện đang trong quan hệ cùng giới theo giới tính sinh học



Khi xét theo xu hướng tính dục, có thể nhận thấy nhóm đồng tính có tỷ lệ hiện đang trong mối quan hệ cùng giới cao nhất (62%), tiếp đến là nhóm song tính (50.9%). 13.7% nhóm dị tính cho biết họ đang trong một mối quan hệ cùng giới, và tỷ lệ này ở nhóm chưa rõ/chưa xác định bản dạng là 20.1%.

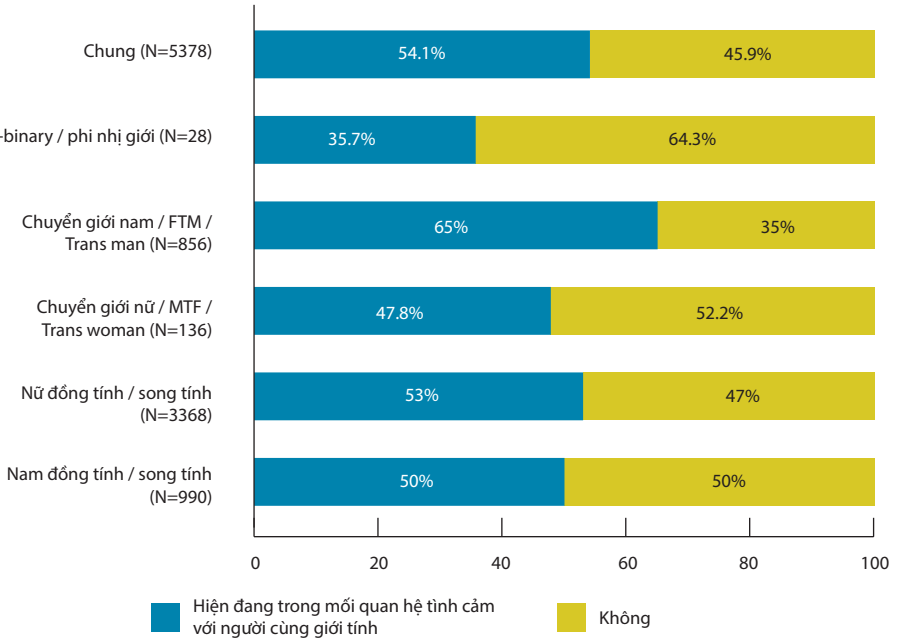
Còn khi phân tích tỷ lệ người hiện đang trong một mối quan hệ lâu dài theo bản dạng giới, có thể nhận thấy nhóm chuyển giới nam là nhóm có tỷ lệ này cao nhất (65%), trong khi nhóm phi nhị giới (non-binary) có tỷ lệ này thấp nhất (35.7%).

Sự thay đổi về không gian văn hoá - xã hội kéo theo sự cởi mở hơn của cộng đồng đối với sự đa dạng tính dục. Tại các thành phố lớn, ngày càng nhiều các cơ sở dịch vụ, giải trí, các tổ chức xã hội, nhóm cộng đồng nhắm đến đối tượng khách hàng là người LGBT, tạo nên các không gian thân thiện và cởi mở để các nhóm cộng đồng LGBT có thể gặp gỡ, giao lưu, kết nối mạng lưới, và cả tìm kiếm người yêu. Những không gian cho người LGBT ngày càng trở nên hiện hữu và dễ tiếp cận hơn, cả không gian vật chất và không gian ảo, giúp cho việc kết nối trở nên

đễ dàng hơn, cũng như việc tìm kiếm người yêu và thực tế hoá những mong ước, mưu cầu về tình yêu của họ trở nên đơn giản hơn.

Biểu đồ 8: Hiện đang trong quan hệ cùng giới theo bản dạng giới/tính dục

% HIỆN ĐANG TRONG QH CÙNG GIỚI XÉT THEO BẢN DẠNG GIỚI/TÍNH DỤC



## Thời gian của mối quan hệ cùng giới hiện tại

Do đặc điểm của mẫu nghiên cứu định lượng có độ tuổi khá trẻ (độ tuổi trung bình khoảng 21 tuổi), nên đa phần trải nghiệm với quan hệ tình cảm cùng giới của họ cũng chưa được lâu dài. Cụ thể, 37.6% mới trải nghiệm mối quan hệ này trong khoảng thời gian dưới một năm. 44.4% cho biết mối quan hệ cùng giới của họ hiện đã kéo dài được từ 1 đến 3 năm; 10.6% có quan hệ đã kéo dài từ 4 đến 5 năm; 6.3% cho biết quan hệ của họ dài từ 6 đến 10 năm, và một tỷ lệ nhỏ (1.3%) hiện đã trong một mối quan hệ cùng giới dài hơn 10 năm.

Khi xét khoảng thời gian của quan hệ cùng giới hiện tại theo nhóm giới tính sinh học, có thể nhận thấy sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm nam và nữ, với tỷ lệ người trong mối quan hệ có thời gian dài hơn dường như phổ biến hơn ở nhóm nữ trong khi ở nhóm nam các mối quan hệ dưới 1 năm dường như phổ biến hơn. Còn khi xét theo nhóm tuổi, sự khác biệt thể hiện rất rõ ràng, những người ở nhóm tuổi lớn hơn thường có xu hướng trong mối quan hệ cùng giới có thời gian dài hơn khi so với những người thuộc các nhóm tuổi trẻ hơn. (Bảng 3, 4, 5)

*Bảng 3: Thời gian của mối quan hệ cùng giới xét theo giới tính sinh học*

	Nam (N=568)	Nữ (N=2390)	Chung (N=2958)
Dưới 1 năm	42.6%	36.4%	37.6%
1 đến 3 năm	37.1%	46.1%	44.4%
4 đến 5 năm	12.7%	10.1%	10.6%
6 đến 10 năm	6.0%	6.3%	6.3%
Trên 10 năm	1.6%	1.2%	1.3%

*Ghi chú: Sự khác biệt giữa hai nhóm nam/nữ có ý nghĩa thống kê*

*Bảng 4: Thời gian của mối quan hệ cùng giới xét theo bản dạng giới/tính dục*

Theo bản dạng giới/tính dục***	nam đồng tính/ song tính/dị tính (N=500)	nữ đồng tính/ song tính/dị tính (N=1817)	chuyển giới nữ/ MtF /Trans woman (N=66)	chuyển giới nam/ FtM/Trans man (N=565)
Dưới 1 năm	43.0%	37.2%	40.9%	33.6%
1 đến 3 năm	36.6%	46.7%	39.4%	44.2%
4 đến 5 năm	13.0%	9.6%	10.6%	11.5%
6 đến 10 năm	5.6%	5.4%	9.1%	9.0%
Trên 10 năm	1.8%	1.0%	0.0%	1.6%

*Ghi chú: Sự khác biệt giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê*

*Bảng 5: Thời gian của mối quan hệ cùng giới xét theo nhóm tuổi*

	19-24 (N=2266)	25-34 (N=649)	35-49 (N=37)
Dưới 1 năm	43.0%	20.2%	5.4%
1 đến 3 năm	44.4%	45.8%	21.6%
4 đến 5 năm	8.6%	17.1%	18.9%
6 đến 10 năm	3.5%	14.3%	32.4%
Trên 10 năm	0.5%	2.6%	21.6%

*Ghi chú: Sự khác biệt giữa các nhóm tuổi có ý nghĩa thống kê*

## 3.4 Sống chung cùng giới và mơ ước hạnh phúc

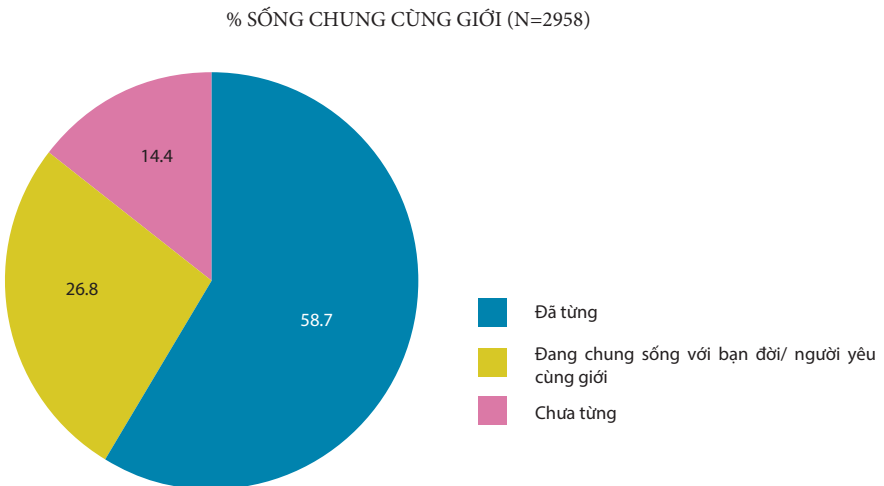
### Tình trạng chung sống cùng giới

Khi được hỏi về tình trạng sống chung cùng giới hiện nay, 26.8% số người hiện trong quan hệ cùng giới cho biết họ đang sống chung với người yêu/bạn đời, 14.4% cho biết họ đã từng sống chung trong quá khứ, và 58.7% cho biết họ chưa từng sống chung với người yêu hiện tại của mình. (Biểu đồ 9)

Khi phân tích hiện trạng sống chung theo thể hiện giới/bản dạng giới, có thể nhận thấy các nhóm chuyển giới có tỷ lệ đang trong một mối quan hệ sống chung với người yêu/bạn đời của mình nhiều hơn so với các nhóm hợp giới. Cụ thể là: 30.8% nhóm chuyển giới nữ (MtF) và 29.5% nhóm chuyển giới nam (FtM) cho biết hiện họ đang sống chung với người yêu/bạn đời; trong khi tỷ lệ này ở nhóm nam đồng tính/song tính là 25.1% và nhóm nữ đồng tính/song tính là 26.3%. (Biểu đồ 10)

Xét theo nhóm tuổi, các nhóm tuổi lớn hơn đều có tỷ lệ trải nghiệm và hiện đang sống chung với người yêu/bạn đời cùng giới cao hơn các nhóm tuổi trẻ hơn. Trong khi có đến 64.9% người trả lời thuộc nhóm tuổi trẻ (19-24) chưa từng sống chung với người yêu cùng giới, tỷ lệ này trong nhóm tuổi 25-34 là 39.4%, còn

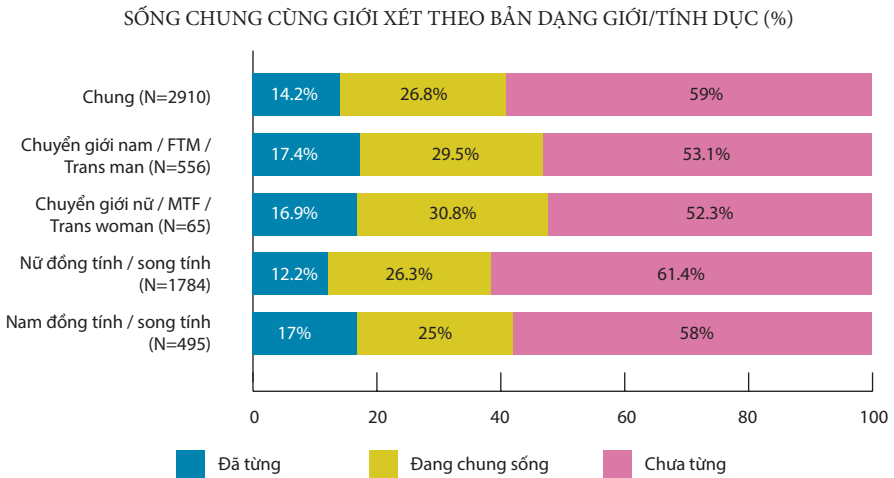
Biểu đồ 9: Hiện trạng sống chung cùng giới



trong nhóm 35-49 chỉ còn 16.2%. Trong nhóm những người ở độ tuổi 35-49 hiện có người yêu cùng giới, có đến 54.1% hiện đang sống chung, tỷ lệ này ở nhóm 25-34 cũng khá cao (41.4%). (Bảng 6)

Những người hiện đang sống chung với người yêu cùng giới có xu hướng hiện đang có việc làm hơn là học sinh sinh viên hay là người thất nghiệp. Cụ thể là trong nhóm những người đang có việc làm và có người yêu cùng giới, có đến 35.7% hiện đang sống chung, trong khi ở nhóm học sinh/sinh viên hiện có người yêu cùng giới, tỷ lệ này chỉ là 20.3%. (Bảng 7) Những người di cư có tỷ lệ sống chung với người yêu cùng giới cao hơn so với những người không di cư. Cụ thể là, 33.1% nhóm di cư có người yêu cùng giới cho biết họ đang sống chung, trong khi tỷ lệ này ở nhóm không di cư chỉ là 22.8%. (Biểu đồ 11)

Biểu đồ 10: Sống chung cùng giới xét theo bản dạng giới/tính dục



Bảng 6: Hiện trạng sống chung theo nhóm tuổi

Nhóm tuổi ***	19-24	25-34	35-49
Đã từng sống chung	12.8%	19.1%	29.7%
Đang chung sống với người yêu/ bạn đời cùng giới	22.2%	41.4%	54.1%
Chưa từng	64.9%	39.4%	16.2%

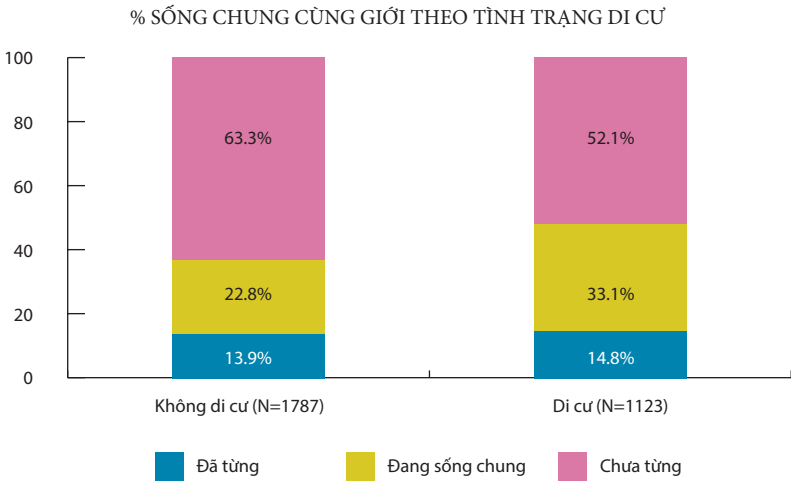
Ghi chú: Sự khác biệt giữa các nhóm tuổi có ý nghĩa thống kê

Bảng 7: Hiện trạng sống chung theo tình trạng việc làm

Tình trạng việc làm ***	Học sinh/Sinh viên (N=1634)	Đang có việc làm (N=1259)	Thất nghiệp/ đang tìm việc (N=64)
Đã từng	10.6%	19.5%	12.5%
Đang chung sống với người yêu/ bạn đời	20.3%	35.7%	17.2%
Chưa từng	69.0%	44.8%	70.3%

Ghi chú: Sự khác biệt giữa các nhóm tình trạng nghề nghiệp có ý nghĩa thống kê

Biểu đồ 11: Hiện trạng sống chung theo tình trạng di cư

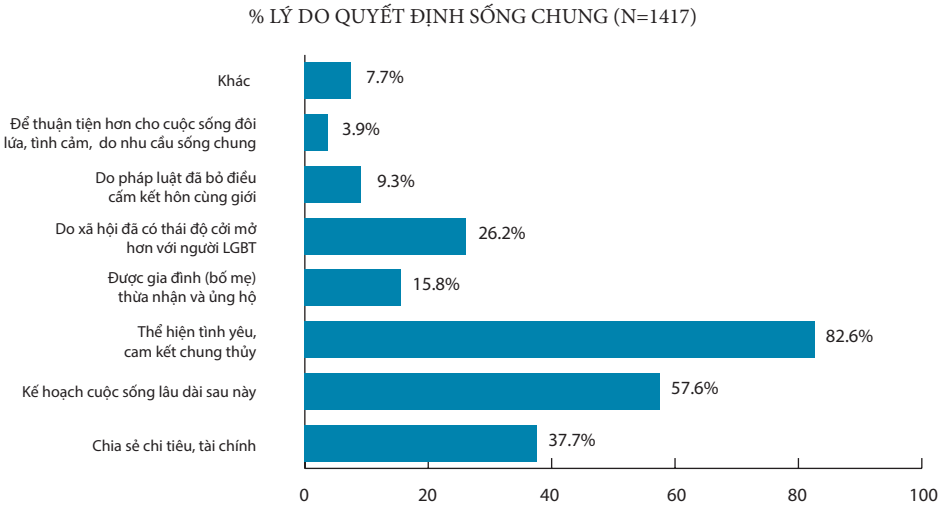


## Lý do quyết định sống chung

Với những người đã từng hoặc hiện đang sống chung với bạn đời/người yêu cùng giới, đa phần (82.6%) quyết định bắt đầu chung sống do họ cảm thấy tình cảm đã đủ bền chặt, muốn thể hiện tình yêu và cam kết sự chung thủy của mình với người yêu/bạn đời. 57.6% cho biết quyết định sống chung là một phần trong kế hoạch của cuộc sống lâu dài sau này mà họ muốn xây dựng cùng với người yêu, bao gồm cả các kế hoạch về tuổi già, con cái. 37.7% cho biết họ bắt đầu sống chung để chia sẻ về chi tiêu và tài chính. (Biểu đồ 12)

Với nhiều cặp đôi, quyết định sống chung cũng như hiện thực hoá việc sống chung chính là thời khắc ghi dấu sự chuyển biến trong quan hệ tình cảm của họ, là dấu mốc cho sự **ổn định, nghiêm túc, lâu dài**, cũng như những chuẩn bị của họ cho **tương lai**.

Biểu đồ 12: Lý do quyết định sống chung



*Ừ, thì cái lúc đầu là không, không có nghĩ tới việc cưới xin, tới cái chuyện sống chung mình không có nghĩ tới mà, nên là tuổi trẻ mình không nghĩ gì nhiều, với thực sự cũng không có thấy được một cái khả năng nào, nhưng mà dần dần thì chung sống với nhau, rồi có vẻ là trong tương lai cũng trong đầu suy nghĩ những cái việc xa hơn...*

*(Phương, 29 tuổi, lesbian, TP. HCM)*

*Thời điểm về ở với nhau cũng 28-30 tuổi rồi, cũng đều đã chín chắn, đã có những chỗ đứng nhất định trong xã hội, không phải ăn bám bố mẹ. Từ lúc về ở với nhau, bọn chị mua nhà sống độc lập, đối với bố mẹ chỉ như là bạn cùng phòng, không cần phải khoa trương mối quan hệ này là gì.*

*(Bích, lesbian, 40, Hà Nội)*

*Ngay kể cả ngay cái thời điểm đầu tiên khi mà mình với cả Linh quen nhau lúc đấy là lúc đấy mình cũng ba mươi rồi, lúc đấy mình thì ba mươi còn Linh thì ba mốt ba hai, à mình hai chín, Linh thì ba mốt rồi, thế mình mới bảo Linh là giờ này là hết giờ rồi, hết giờ chơi rồi, nên là bây giờ có xác định được về ở với nhau thì hãy tiếp tục còn nếu không thì giải tán đi cho đỡ mất thời gian của nhau, thế thôi hết giờ rồi già rồi, thế thì mình có quan điểm ngay từ đầu như thế, với cả xu hướng của mình là nếu mà đã yêu nhau thì phải quy về một mối nếu không thì thôi, đừng*

*làm tổn thời gian, mà nếu ai mà có ý định lấy chồng thì cũng cứ đi lấy luôn đi để cho nó đỡ tổn thời gian của nhau, không có yêu đương làm gì cho mệt người cả mà rồi cuối cùng thì kết quả vẫn thế với mình thôi, đấy nếu đã xác định rồi gạch đầu dòng abcd đồng ý rõ ràng hết rồi thì lúc đó mới bắt đầu tiến đến câu chuyện tiếp theo đúng không, thế cho nên là khi mà đã đồng thuận về các cái gạch đầu dòng đấy rồi thì là đến lúc mình chấp nhận đeo nhẫn là cũng phải đồng ý những việc đấy rồi.*

*(Liên, 37, lesbian, Hà Nội)*

Hoặc đơn giản, với nhiều người, lựa chọn sống chung giúp giải quyết những vướng mắc về tài chính hay giúp thuận tiện hơn trong việc hẹn hò, thể hiện tình cảm.

*Minh nghĩ là cái vấn đề quan trọng nhất đối với bọn mình hồi đấy là vấn đề kinh tế, thì à với lại khoảng cách nữa. Ngày xưa mình trọ ở khu này, đi lại cũng khá là xa, mà hầu như là một tuần có bảy tối thì chắc bọn mình phải đi với nhau tầm năm sáu tối. Và có những tối thì đi chơi về muộn, đi chơi về muộn thì không vào được nhà đứa nào cả, thì sẽ phải đi ngủ nhà nghỉ, mà đi nhiều rồi cũng chán. Thế là bọn mình quyết định là thôi bây giờ bọn mình về ở chung với nhau đi, tức nó không có gì gọi là quá là nghiêm túc hay là như thế nào, đấy thì chỉ đơn giản lúc đấy mình nghĩ là à mình làm như thế thì nó sẽ hợp lý hơn thì bọn mình làm như vậy thôi.*

*(Linh, lesbian, 29, Hà Nội)*

*Anh tự thu xếp cho mình và bạn người yêu của mình có cái không gian riêng tư, để tụi anh sẽ có cái tìm hiểu nhau nó hết sức khách quan và không bị tác động bởi một yếu tố nào và không bị áp lực bởi gia đình hay là những người hàng xóm xung quanh.*

*(Kiên, gay, 36, TP. HCM)*

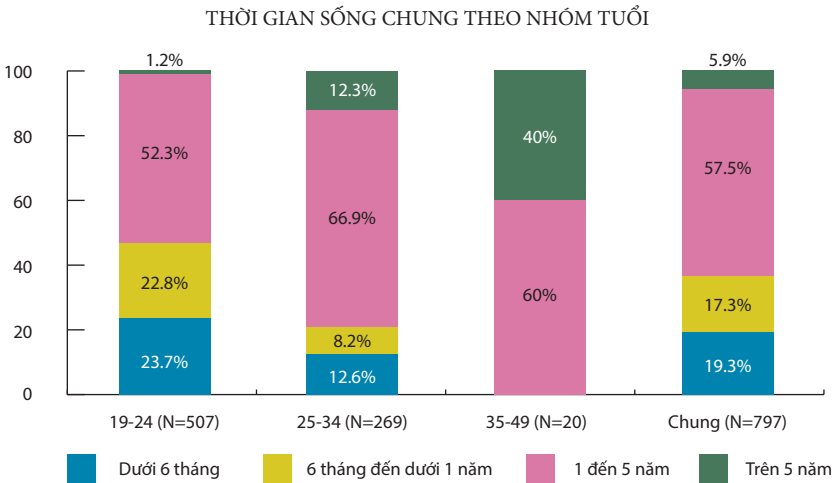


# Hiện thực hoá cuộc sống chung

## a. Thời gian sống chung

Khi phân tích về thời gian sống chung của các cặp đôi cùng giới, có thể dễ dàng nhận thấy người trả lời ở nhóm tuổi cao hơn có trải nghiệm với việc sống chung dài hơn. Cụ thể là tỷ lệ các cặp đôi sống chung trên 5 năm ở nhóm tuổi 35-49 là 40% trong khi tỷ lệ này ở nhóm tuổi 25-34 là 12.3%, còn ở nhóm 19-24 chỉ là 1.2%. (Biểu đồ 13)

Biểu đồ 13: Thời gian sống chung theo nhóm tuổi



Ghi chú: Sự khác biệt giữa các nhóm tuổi có ý nghĩa thống kê

## b. Nơi ở

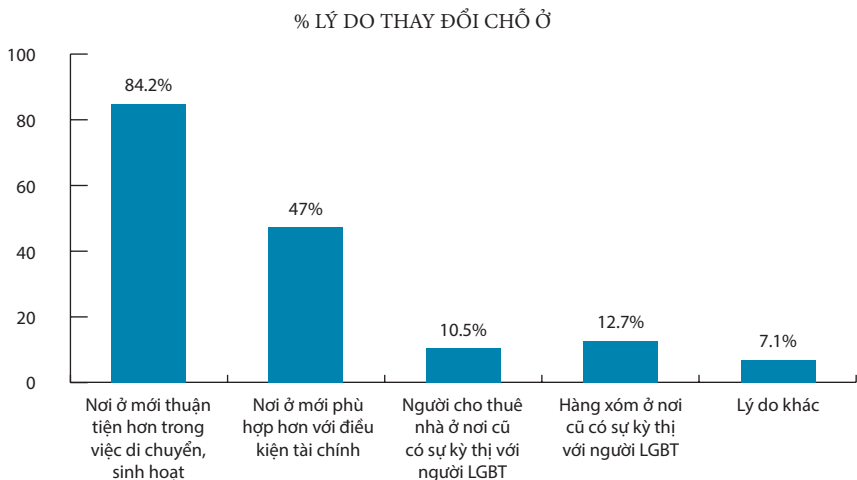
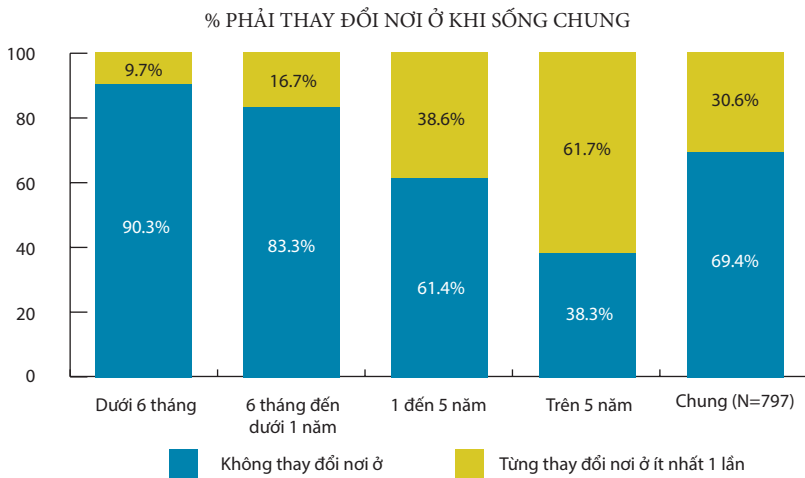
30.6% những người đang sống chung cho biết họ đã từng ít nhất một lần phải thay đổi nơi ở trong suốt quá trình sống chung của họ với người yêu/bạn đời. Những người có thời gian chung sống lâu hơn thì càng có tỷ lệ đã từng phải thay đổi chỗ ở cao hơn. (Biểu đồ 14)

Việc các cặp đôi sống chung với nhau càng lâu thì càng phải thay đổi nơi ở nhiều lần là khá dễ hiểu, đa phần lý do di chuyển của họ được giải thích bởi điều kiện kinh tế của các cặp đôi sẽ thay đổi theo thời gian và kéo theo nhu cầu của họ cũng thay đổi. Đồng thời, sau khi thực hiện hoá cuộc sống chung, họ sẽ dần trải nghiệm những thuận lợi và khó khăn và từ đó tiếp tục đưa ra những quyết định khác liên quan đến việc sắp xếp cuộc sống của mình. Cụ thể là, với những người đã từng thay đổi chỗ ở khi sống chung, có đến 84.2% cho biết họ tìm đến nơi ở mới thuận tiện hơn cho việc sinh hoạt và di chuyển của mình; 47% cho biết họ

thay đổi chỗ ở cho phù hợp hơn với điều kiện tài chính. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, còn một tỷ lệ nhất định cho biết họ đã từng gặp phải những vấn đề liên quan đến sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với các cặp đôi cùng giới tại nơi họ sống, khiến họ phải quyết định rời đi. 10.5% cho biết chủ thuê nhà cũ của họ có thái độ kỳ thị với người LGBT, và 12.7% cho biết hàng xóm, dân cư nơi họ đã từng ở có thái độ kỳ thị với người LGBT.

Bên cạnh những lý do kể trên, nhiều nhân tố, điều kiện khác cũng tác động đến trải nghiệm về nơi ở của các cặp đôi cùng giới. Ví dụ như thành quả từ tích lũy, thành công trong kinh doanh giúp các cặp đôi có điều kiện sở hữu nhà đất riêng cho mình để chuyển đến chung sống; hoặc sau thời gian vận động gia đình và có được sự đồng thuận của cha mẹ, họ có thể chuyển về sống cùng gia đình, v.v...

Biểu đồ 14: Thay đổi nơi ở



## Quan hệ tài sản và những vấn đề liên quan

Trong quá trình chung sống, việc đóng góp và chia sẻ kinh tế được các cặp đôi cùng giới thực hiện một cách linh hoạt, tùy thuộc vào điều kiện hoàn cảnh của mỗi người cũng như những mong muốn, kế hoạch lâu dài của họ. Quan hệ tài sản theo thời gian dần được thiết lập giữa hai người và ngày càng trở nên phức tạp hơn, do thời gian chung sống càng dài, việc mua sắm và tích lũy càng trở nên nhiều hơn. Ở nhóm tuổi 35-49, có đến 55% các cặp đôi sống chung hiện sở hữu chung các tài sản có giá trị lớn (ví dụ như ô tô, sổ tiết kiệm, vàng, v.v...), 50% hiện góp vốn đầu tư kinh doanh chung, 57.9% hiện sở hữu chung nhà đất (tuy nhiên giấy tờ đăng ký chỉ đứng tên 1 người trong số họ), và 20% cho biết họ sở hữu nhà đất đứng tên chung cả hai người. Những tỷ lệ này ở trong hai nhóm tuổi trẻ hơn cũng thấp hơn một cách đáng kể. Cụ thể là chỉ có 37.4% nhóm tuổi 24-34 cho biết họ góp vốn đầu tư kinh doanh cùng người yêu, ở nhóm 19-24 tỷ lệ này còn 23.8%. Việc sở hữu nhà đất, kể cả đứng tên một trong hai hay cả hai người, cũng thấp hơn đáng kể trong hai nhóm tuổi trẻ. (Bảng 8)

Bảng 8: Sở hữu nhà đất/tài sản theo nhóm tuổi

	19-24 (N=507)	24-34 (N=265)	35-49 (N=20)
Nhà/đất chung (đứng tên cả hai người)**	6.5%	7.9%	20.0%
Nhà/đất chung (đứng tên một trong hai người)***	15.6%	22.0%	57.9%
Nhà/đất chung (đứng tên người khác)	6.8%	5.8%	0.0%
Góp vốn đầu tư kinh doanh chung***	23.8%	37.4%	50.0%
Sở hữu chung các tài sản có giá trị lớn (ô tô, sổ tiết kiệm, vàng, v.v...)***	23.5%	34.6%	55.0%

Ghi chú: Sự khác biệt giữa các nhóm tình trạng nghề nghiệp có ý nghĩa thống kê

Phân tích phỏng vấn sâu với các cặp đôi hiện đang chung sống có thể nhận thấy quan hệ kinh tế, tài sản của họ được họ thực hành một cách rất linh hoạt. Với việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, có nhiều cặp đôi dường như áp dụng mô hình phổ biến ở các gia đình hạt nhân dị tính - người trong vai trò “chồng” thường là người tạo ra thu nhập nhiều hơn, đóng góp vào thu nhập chung của cặp đôi, và người trong vai trò “vợ” là người chịu trách nhiệm chi tiêu hàng ngày; mô hình này thường gặp ở các cặp đôi có một người là người chuyển giới. Nhiều cặp đôi khác lựa chọn mô hình kinh tế bình đẳng, với sự đóng góp và gánh trách nhiệm chi tiêu hàng ngày đồng đều nhau. Một số cặp đôi thì lựa chọn độc lập hoàn toàn về kinh tế với nhau.

Với Mạnh (trans man) và Thủy (nữ), mặc dù cả hai cùng đóng góp thu nhập, vai trò tạo thu nhập cho cuộc sống của họ chủ yếu trong tay của Mạnh trong khi Thủy chịu trách nhiệm quản lý và chi tiêu cho cả hai. Mạnh luôn nỗ lực kiếm tiền để cuộc sống của hai người trở nên thoải mái hơn, Mạnh cũng luôn sẵn sàng mua tặng Thủy những tài sản có giá trị lớn mà không đòi hỏi việc chia sẻ về quyền sở hữu trước pháp luật. Với họ, quan hệ kinh tế “gia đình” hoàn toàn phụ thuộc vào niềm tin và sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai người yêu nhau, để cân bằng được cả chi tiêu hàng ngày, mua sắm tài sản, và tiết kiệm.

*Mạnh: coi như là mình sống với nhau như vợ chồng rồi đấy nên là không có gọi là riêng biệt em nhờ.*

*Thủy: Ừ Mạnh rất là gọi là biết lo về tài chính. Tiền lương đi làm về là đưa tiền mặt cho mình rồi mình chuyển khoản cho vào trong tài khoản, thì cứ tiêu thôi... Nói chung là tài sản của hai đứa mua gì thì cũng không phân biệt là của anh của tôi mà mua thì cứ nói là, Mạnh cứ hay chiều mình, xe thì cũng mua xe cho mình, đăng ký tên mình, ừ nhưng mà sử dụng thì vẫn là sử dụng chung, mà mình chưa bao giờ mình dám mặc định là phải xe này là của em mình em thôi, chưa bao giờ dám, xe rồi là máy tính máy ghi âm, laptop thì mỗi đứa một cái. Tiền lương là mình góp chung, lương của mình... Lương của Mạnh cũng để tài khoản, nói chung là hàng tháng là Mạnh phải lo hết. Chuyện tiền nhà, sinh hoạt phí là Mạnh cũng phải bỏ tiền ra.*

*Mạnh: Tiền của chị Thủy đập vào với tiền của anh là tiền tiết kiệm.*

*(Mạnh, trans man, 25 tuổi, và Thủy, nữ, 25 tuổi, Hà Nội)*

Tương tự như Mạnh và Thủy, Kha (gay, 36 tuổi, TP. HCM) và người yêu của mình cũng phân công trách nhiệm kinh tế cho cuộc sống chung của họ theo sự tin tưởng và sẵn sàng chi tiêu cho nhau, cùng chia sẻ và đóng theo năng lực tạo thu nhập của mỗi người.

*Chi tiêu tài chính đó là bạn của anh quán xuyên hết mọi cái chi tiêu tài chính ăn uống ở nhà. Anh chỉ có đi làm về, chỉ có sáng đi làm, tối về thôi, mọi thứ trong nhà anh ấy lo hết, anh chỉ có ăn cơm rửa chén thôi. Về tài chính đó thì ảnh có tiền, ảnh có cái chi tiêu trong gia đình. Còn cái tài chính của anh đó là anh đi làm về một phần đấy anh hỗ trợ cho má, phần còn lại thì phục vụ cái việc chi tiêu trong gia đình. Tuy nhiên, ảnh thì ảnh có nói với anh đó là ảnh*

*sẽ không lấy một đồng nào của anh hết. Thế và cái tiền chi tiêu đó anh tự biết là anh để trong cái hộp đó, để trả cái tiền mà anh với ảnh sống chung. Nhưng mà ảnh không lấy cho nên cái tiền mà anh đi làm về, anh sẽ để riêng ra để bỏ vào đó là tiền của ảnh, thì anh nói là của ảnh, còn đâu là anh không có cái tiền gọi là gửi hay nợ gì hết.*

*(Kha, 36 tuổi, gay, TP. HCM)*

Với những cặp đôi đã chung sống với nhau lâu năm và có nhiều tài sản chung phát sinh kể từ khi sống chung, hoặc cùng nhau đầu tư góp vốn làm ăn kinh doanh, việc thoả thuận để cân bằng mối quan hệ tài sản của họ trở nên phức tạp và nhạy cảm hơn. Ví dụ như Huy (28 tuổi, gay, Hà Nội) và người yêu lớn hơn 10 tuổi, đến thời điểm phỏng vấn họ đã trải qua hơn 14 năm yêu nhau và 8 năm chung sống, đã chia sẻ về những thay đổi trong sắp xếp trách nhiệm kinh tế cho cuộc sống đôi lứa của họ theo thời gian. Khi mới yêu nhau, Huy còn là học sinh và chưa có thu nhập, mọi chi tiêu của cặp đôi đều do người yêu của Huy trang trải. Sau này, khi Huy hoàn thành việc học ở nước ngoài và trở về, bắt đầu chung sống với người yêu, bắt đầu tham gia vào công việc kinh doanh cùng người yêu, ngày càng có nhiều tài sản giá trị lớn, nhà cửa đất đai được họ cùng nhau gây dựng, việc thoả thuận và quyết định đứng tên sở hữu tài sản chung khi này trở thành vấn đề khá nhạy cảm cho họ. Với công ty mà họ cùng đứng ra thành lập, trong phần đăng ký, người yêu của Huy là giám đốc còn Huy là phó giám đốc. Còn với những tài sản có giá trị khác và nhà cửa đất đai mà họ mua sắm đầu tư, cả Huy và người yêu đều mong muốn được đứng tên chủ sở hữu chung. Tuy nhiên, trên thực tế, họ cho biết họ chỉ có thể thay nhau đứng tên trên mỗi hạng mục mà không thể cùng đăng ký. Điều này khiến Huy cảm thấy thiệt thòi vì mối quan hệ của hai người dường như không được công nhận như một quan hệ chính thức, đồng thời cũng cảm thấy không thoải mái khi những người xung quanh tỏ ra nghi ngờ cho sự an toàn về tài chính của Huy nếu như giữa hai người xảy ra đổ vỡ.

*Bọn anh có rất nhiều nhà,... em sẽ hiểu cái câu chuyện của bọn anh thiệt thòi thế nào khi bọn anh không được công nhận đấy, mình có nhà, mình có xe, mà không phải có một cái nhà mà có tới ba bốn cái nhà, cái này thì mang tên anh, cái kia mang tên anh ấy rồi tất cả mọi thứ. Cá nhân anh không thích mang tên thì anh để anh ấy mang tên bởi vì anh không thích lo về mặt giấy tờ. Nhưng anh có rất nhiều lời hay dèm pha họ nói rằng là “à mà y như thế thì nhờ may sau này trở mặt mất thì sao”. [...] nhiều khi bọn anh sống với nhau anh cảm nhận, cảm giác như kiểu là chẳng có cái gì chung nhau hết, quyền lợi không, các thứ không, cái gì cũng không. Luật bất động sản của Việt Nam*

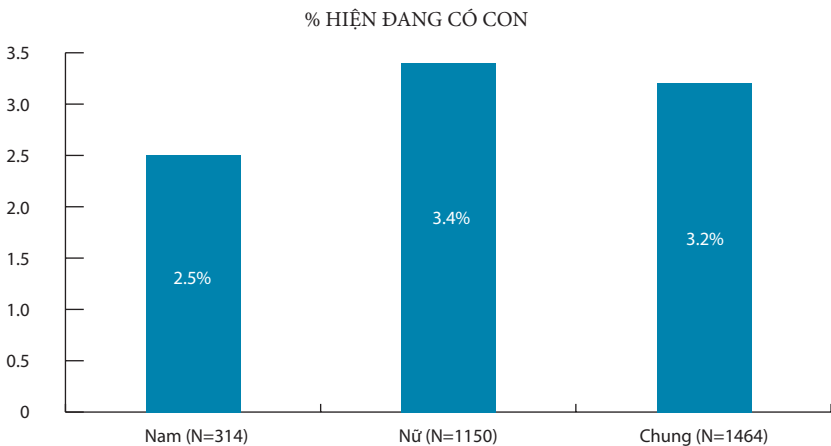
đấy, thì có thể là hai người đứng tên chung sổ đỏ, nhưng phải chứng minh rất nhiều thứ, chứng minh huyết thống rồi chứng minh cái gì cái gì đấy, thì là khó bọn anh bảo bây giờ chứng minh thế thì khó làm sao chứng minh được thì không bao giờ đồng ý và bọn anh không mua, cái nhà đầu tiên là anh ấy mang tên, cái nhà thứ hai anh mang tên, đấy kiểu thế, không có cái gì chung hết. Cửa hàng đứng tên chỉ đứng tên một người mà thôi, ví dụ như đăng ký kinh doanh thì chỉ đứng tên anh ấy thôi, còn có một cái công ty bọn anh thành lập công ty thì là anh ấy đứng làm giám đốc còn anh làm phó giám đốc, cái trách nhiệm chẳng hạn năm mươi, năm mươi, và cái vốn điều lệ năm mươi, năm mươi, đấy có cái đấy là chung đấy, còn không có cái gì chung hết.

(Huy, 28 tuổi, gay, Hà Nội)

## Có con và nuôi con

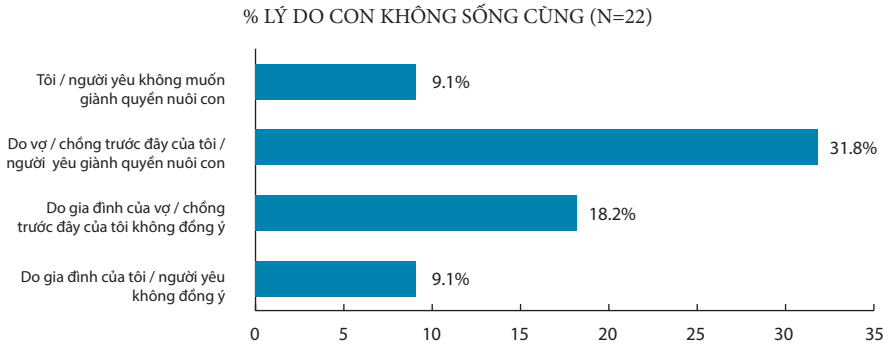
Trong tổng mẫu, có 3.2% số người trả lời cho biết hiện đang có con (47 trường hợp); nếu xét theo giới tính sinh học, nhóm nữ có tỷ lệ đã có con cao hơn nhóm nam một chút (3.4% nữ, 2.5% nam). (Biểu đồ 15). Trong số những người hiện đang có con, 12 người cho biết họ nhận con nuôi (9 trường hợp nhận 1 con nuôi, 3 trường hợp nhận 2 con nuôi), 16 người cho biết hiện họ sống cùng con đẻ của bạn đời/người yêu của mình, 19 người cho biết họ có con riêng.

Biểu đồ 15: Hiện đang có con theo giới tính sinh học



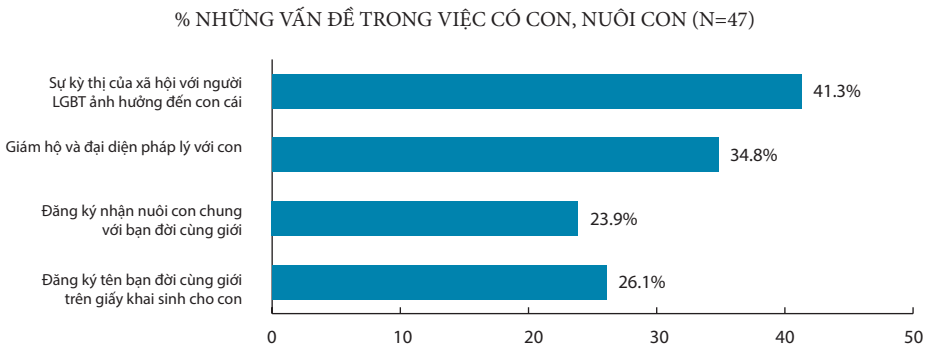
Với những người có con, chỉ có 53% cho biết hiện đang sống chung với con và người yêu/bạn đời của họ. Khi được hỏi về lý do tại sao không chung sống với con, lý do chủ yếu được nhắc đến là do vợ/chồng cũ của họ giành quyền nuôi con (31.8%), 18.2% cho biết gia đình của vợ/chồng cũ không đồng ý để họ nuôi con. Chỉ có 9.1% cho biết họ và người yêu/bạn đời hiện tại tự nguyện không nuôi con, không giành quyền nuôi con. (Biểu đồ 16)

Biểu đồ 16: Lý do con không sống cùng



Với những người có con, vấn đề bản khoản trả nợ và thường xuyên gặp phải nhất trong việc chăm sóc, dạy dỗ con cái được họ nhắc đến là sự kỳ thị của xã hội với người LGBT có thể khiến tác động tiêu cực đến con của họ (41.3%). Có đến 34.8% cho biết họ gặp vấn đề về việc giám hộ và đại diện pháp lý cho con. 26.1% cho biết họ gặp khó khăn trong việc đưa tên của bạn đời cùng giới vào giấy khai sinh cho con. 23.9% gặp khó khăn trong các thủ tục đăng ký nhận nuôi con chung với bạn đời cùng giới. (Biểu đồ 17)

Biểu đồ 17: Những vấn đề trong việc nuôi con của các cặp đôi cùng giới



## Mong muốn có con

Với những người hiện đang có người yêu cùng giới mà chưa có con, khi được hỏi về mong muốn có con trong tương lai, có đến 62.9% cho biết họ mong muốn có con, 28.2% cho biết họ chưa tính đến việc này (đa phần do thuộc nhóm tuổi trẻ), và 9% cho biết họ không mong muốn có con. Khi xét theo nhóm tuổi, các nhóm tuổi trẻ hơn dường như có xu hướng mong muốn có con nhiều hơn là các nhóm tuổi lớn hơn. Cụ thể là: 63.3% nhóm tuổi 19-24 cho biết họ mong muốn có con trong tương lai, trong khi tỷ lệ này ở nhóm 25-34 là 62.6% và ở nhóm 35-49 là 53.1%. (Bảng 9, 10)

Bảng 9: Mong muốn có con theo giới tính sinh học

	Nam (N=306)	Nữ (N=1111)	Chung (N=1417)
Có	65.0%	62.3%	62.9%
Không	11.4%	8.3%	9.0%
Chưa tính đến	23.5%	29.4%	28.2%

Bảng 10: Mong muốn có con theo nhóm tuổi

	19-24 (N=966)	25-34 (N=417)	35-49 (N=32)
Có	63.3%	62.6%	53.1%
Không	6.7%	12.5%	31.3%
Chưa tính đến	30.0%	24.9%	15.6%

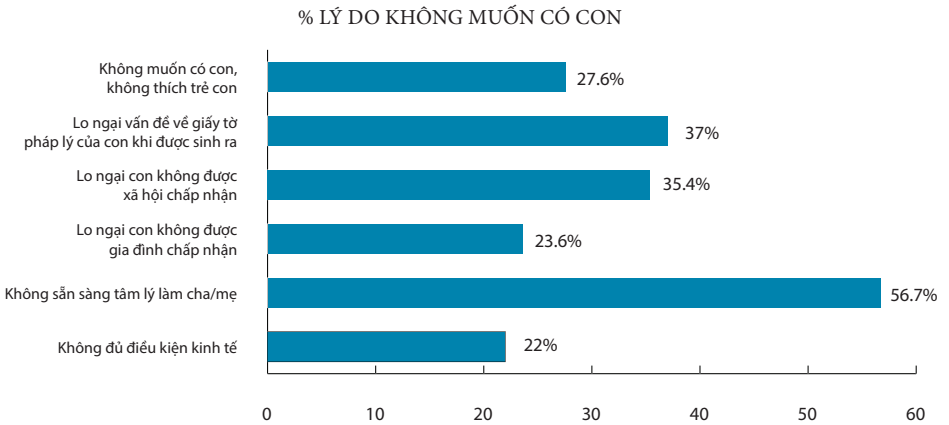
Với những người không mong muốn có con trong tương lai, lý do chủ yếu của lựa chọn này được xác định là sự không/chưa sẵn sàng về tâm lý để làm cha mẹ (56.7%). Tiếp đến, những lý do khác được họ đưa ra bao gồm: lo ngại con không được xã hội chấp nhận do có hai bố hoặc hai mẹ (35.4%), lo ngại những vấn đề về giấy tờ pháp lý cho con (37%), không đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo nuôi dạy con (22%). Ngoài ra, một số người (27.6%) cho biết lý do đơn giản là không muốn có con, không thích trẻ con.

Với những cặp đôi đã yêu và chung sống với nhau nhiều năm, câu chuyện về con cái dường như là một chủ đề thảo luận lâu dài chưa đến hồi kết. Trong mẫu tham gia nghiên cứu định tính chỉ có ba cặp đôi hiện có con và nuôi con chung: một cặp đôi người chuyển giới nam và bạn gái có con chung theo phương pháp xin tinh trùng từ ngân hàng tinh trùng, người bạn gái mang thai và sinh em bé; một cặp đồng tính nam sống chung với con đẻ của một người với vợ cũ của người đó;



và một cặp đôi đồng tính nam có con chung theo phương pháp mang thai hộ; tuy nhiên, tất cả những người tham gia khác đều chia sẻ với nhóm nghiên cứu về suy nghĩ, quan điểm, mong muốn của họ cũng như những trải nghiệm tìm kiếm thông tin và bài học kinh nghiệm trong việc có con và nuôi con bởi các cặp đôi cùng giới.

Biểu đồ 18: Lý do không muốn có con



Trước tiên, có thể nhận thấy, họ đều coi việc có con sẽ mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc và sự gắn kết cho cặp đôi và cả gia đình hai bên của họ.

*Nếu mà không có con thì nó cũng hơi buồn, ví dụ có hai đứa không đi về rồi đi làm, đi làm rồi về thì cũng chỉ có hai đứa không thì nó cũng hơi buồn. Nếu sau này có khả năng đấy thì mình cũng muốn có một đứa cho nó vui nhà vui cửa với lại cũng là cái niềm hạnh phúc của cuộc sống LGBT của mình.*

*(Thu, lesbian, TP. HCM).*

*Một đứa con là sự kết nối giữa hai người. Nó là sự kết nối, là một cái kết quả của một cái tình yêu, cái sự thăng hoa trong tình yêu thì có một cái kết quả, thì đó là cái sự kết quả để mà hai người gắn kết với nhau hơn, cùng nhau chăm sóc cùng nhau nuôi dạy thì nó là một cái gì đó đối với anh là tại vì cái cảm giác làm cha làm mẹ đó nó rất là thiêng liêng.*

*(Huân, gay, 28, TP. HCM)*

Tuy nhiên, trên thực tế, việc đi đến quyết định và hiện thực hoá mong ước có con của các cặp đôi LGBT còn là một chặng đường dài. Còn rất nhiều khó khăn và trở

ngại khiến việc có con đối với họ là rất xa vời, như Thu chia sẻ:

*Có nói với nhau là mình xin con về mình nuôi, nhưng mà thật sự là khả năng hai đứa không có khả năng đó, tại vì cái thứ nhất đây là tiền, vấn đề tiền, nếu mà mình xin con về nuôi thì được đi, nhưng mà mình không có lo cho nó khả năng của mình còn bấp bênh mà mình lo cho nó không nổi thì làm sao mà cuộc sống của nó cũng tội lắm, cho nên mình đôi lúc mình cũng buồn cũng nghĩ tới cái phần đó, hai đứa cũng nghĩ tới cái phần đó, nhưng mà nghĩ đi nghĩ lại thì cũng phải là có cái gì đó vững chắc thì mình mới xin một đứa con về mình nuôi, còn nếu mà mình không có tạo cho nó được cái cuộc sống tốt đẹp thì tốt nhất tốt hơn là hai đứa cứ ở vậy lo cho nhau.*

*(Thu, lesbian, TP. HCM)*

Bản khoản về khả năng tài chính để nuôi dạy con cái là một phần, phần lo ngại lớn hơn đối với các cặp đôi LGBT là chính sự sẵn sàng về tâm lý để làm cha mẹ, để đương đầu với những thách thức mà cả đứa bé và chính họ sẽ gặp phải trong quá trình nuôi con khôn lớn. Họ e ngại sự kỳ thị của cộng đồng, xã hội, thậm chí họ lo ngại chính gia đình của mình có thể không chấp nhận đứa trẻ. Họ lo ngại về những khó khăn về giấy tờ, thủ tục cho con cái, những điều mà theo họ nghĩ sẽ khiến đứa trẻ chịu thiệt thòi về chăm sóc y tế, tiếp cận giáo dục.

*Thực ra là có nhưng lúc bọn anh cũng có bàn, nhưng mà bọn anh thấy cái việc mà có con thì nó hơi là gánh nặng, như anh cảm giác thì nó hơi là gánh nặng. Mình suy nghĩ nhiều chứ, mình suy nghĩ nhiều về vấn đề con cái, thứ nhất là khi mình có con, cái tình cảm của hai đứa dành cho nhau nó có trọn vẹn được như thế này không, vì khi có con nó xảy ra rất là nhiều vấn đề. Thứ hai là mình khi cái đứa con nó lớn và với định kiến xã hội bây giờ nó có thay đổi hay không, nó có gặp trở ngại gì khi mà nó có hai ông bố và nó không có một bà mẹ hay không, nó đi học nó có gặp vấn đề gì hay không.*

*(Quý, 32, gay, Hà Nội)*

Bên cạnh đó, sự phức tạp trong quy định pháp luật và các thủ tục giấy tờ cho việc tiến hành các kỹ thuật hỗ trợ sinh con đối với người LGBT cũng là một cản trở lớn cho quyết định của họ.

...cái phương pháp mà lấy phôi của tổ thì nó là nếu mà cậu đọc luật đấy thì nó là nghiêm cấm. Nó sẽ được tính là mang thai hộ vì lợi ích, nói chung là phí thương mại đấy, ý là bỏ tiền ra để ấy thì là không được đấy, cậu phải nhờ mang thai hộ thì là phải là người có cùng họ hàng với cậu này, là họ hàng anh chị em họ. Phải có chứng nhận, sau đấy phải có chứng nhận là cậu vô sinh, cậu không thể tự mang thai thì cậu mới được nhờ. Sau đấy thì cái người kia thì phải là cái người đã từng có con ít nhất là một lần, tức là người đấy là phải đẻ được, tức là người đấy mà lại vô sinh thì là cũng không được, thì là phải được chồng ủng hộ, tức là phải có chữ ký của chồng là đồng ý cho người vợ này mang thai hộ, tức là nó rất là lắt léo. Trước năm 2015 khi chưa có luật mang thai hộ thì ở trong giới cũng biết cũng có nhiều anh cũng có mang thai hộ rồi, nhưng mà sau năm 2015 thì nó có luật, các bệnh viện nó mới bấu vào đấy nó không cho phép người ta được lợi dụng mang thai hộ, nên là vợ tổ là làm theo phương pháp là mang thai từ chính cái trứng của vợ tổ luôn. Lấy tinh trùng mình đi xin xong mới chuyển vào phôi không có liên quan một tí gì đến tổ cả, thế là vợ tổ lúc đấy đi làm thì sẽ đăng ký là mẹ đơn thân không lấy chồng, không lấy chồng và muốn có con, thì chính bà mẹ đơn thân khi còn quá trẻ nên là các bác sĩ thì họ mới khuyên là em nên nghĩ lại.

(Tiến, transguy, 27, Hà Nội)

Kể cả khi các cặp đôi chấp nhận trải qua những khó khăn về tâm lý của bản thân để sẵn sàng làm cha mẹ, hay chấp nhận vượt qua những thủ tục giấy tờ phức tạp cho việc có con, để có được sự chấp thuận của gia đình và xã hội với việc con cái có hai bố hoặc hai mẹ còn là một chặng đường dài đối với các cặp đôi này.

Có lẽ là việc nhận con nuôi đấy với bên người yêu mình thì nó không có vấn đề gì cả, kể cả là mẹ bạn ấy cũng không có vấn đề gì hết. Nhưng nếu mà mình có làm điều đấy thật thì chắc là phải nói chuyện với bố mẹ mình, vì là bố mẹ mình không phải là người cởi mở đến mức như vậy, nó đã không lấy chồng nó lại còn đi nuôi con của người khác, chắc là phải nói chuyện kỹ hơn.

(Linh, lesbian, 29, Hà Nội)

Với những cặp đôi đang nuôi con, trên thực tế cuộc sống hàng ngày, chính bản thân họ và đứa trẻ đều phải đối mặt với những khó khăn đến từ cộng đồng nơi họ sinh sống, tại các cơ sở dịch vụ y tế, các địa điểm công cộng, hay chính với gia đình của cha mẹ đứa bé.

*Khi mà ra ngoài xã hội thì ít nhiều đứa trẻ nó sẽ bị bối rối khi mà nó nhìn những cặp đôi, tại sao ngoài đường một bố một mẹ, còn nó thì là hai mẹ hoặc là hai bố. Mình nghĩ là để chuẩn bị cho cái việc đó thì cần phải có những cái mà truyền thông những cái tài liệu để mà đưa những cái khái niệm, những cái mô hình gia đình, thì không nhất thiết gia đình phải là một mẹ, một bố.*

*Khi đứa trẻ đó đi học, hợp phụ huynh không phải lúc nào cũng chỉ có một người đi họp, mà phải đi tới hai người thì cái người thắc mắc đầu tiên sẽ là cái phụ huynh của cái bạn mà ngồi bên cạnh đó. Hỏi tại sao tháng trước đi họp cũng là bố nó mà tháng sau đi họp cũng là bố nó. Mình nghĩ là những đứa trẻ chẳng có vấn đề gì, người lớn về nói chuyện với nó và nó sẽ thay đổi cái cách để chơi với cái bạn đó.*

*(An, transguy, 28, TP. HCM)*

Nhận con nuôi là phương cách được nhiều người nhắc đến. Với suy nghĩ đầu tiên là để tránh gặp phải những khó khăn trong việc sinh con, hay các thủ tục liên quan đến thụ tinh nhân tạo, xin/cho trứng/tinh trùng, hay mang thai hộ, tiếp đến là quan niệm coi việc nhận con nuôi là những đứa trẻ cơ nhỡ như một việc làm tốt đẹp.

*Phần thứ hai là anh không muốn là tự mình đặt mình vào cái hoàn cảnh khó khăn. Nếu như cái mảnh đời nào đó nó khó khăn, nó được đặt vào mình thì những cái đó nó được hợp lý và nó hay hơn. (Kha, gay, 36, TP. HCM)*

*Có nói với nhau là mình xin con về mình nuôi, nhưng mà thật sự là khả năng hai đứa không có khả năng đó. Tại vì cái thứ nhất đấy là vấn đề tiền, nếu mà mình xin con về nuôi thì được đi, nhưng mà mình không có lo cho nó khả năng của mình còn bấp bênh mà mình lo cho nó không nổi thì làm sao mà cuộc sống của nó cũng tội lắm. Cho nên mình đôi lúc mình cũng buồn cũng nghĩ tới cái phần đó nghĩ đi nghĩ lại thì cũng phải là có cái gì đó vững chắc thì mình mới xin một đứa con về mình nuôi. Còn nếu mà mình không có tạo cho nó được cái cuộc sống tốt đẹp thì tốt nhất tốt hơn là hai đứa cứ ở vậy lo cho nhau. Nếu sau này có xin con nuôi, chắc là mình sẽ xin một đứa cháu ở trong gia đình của mình đấy nó có con đấy thì mình xin nó một đứa mình nuôi. Dù gì cũng ruột rà. Cái thứ hai nữa ruột*

rà thì mình lo cho nó, lớn nó cũng lo lại cho mình, mình không bỏ nó được mà nó cũng không thể bỏ mình được.  
(Thu, lesbian, 41, TP. HCM)

Anh nghĩ là cái việc nhận con nuôi nó khá là hay, thứ nhất là mình cũng có một đứa con, thứ hai là mình còn làm được cái ích cho xã hội nữa. Đó chính là những cái đứa bé, em thấy là những cái cặp đồng tính bây giờ rất là nhiều, và những cái đứa bé bị bỏ rơi hàng năm cũng rất là cao. Nếu mà có cái sự cứu mạng của cộng đồng LGBT thì anh nghĩ những cái đứa trẻ bị bỏ rơi nó sẽ nhận được nhiều cái hạnh phúc hơn. Và đặc biệt anh thấy là gì những người LGBT họ dành tình cảm rất là nhiều cho những cái đứa con của mình, như kiểu họ muốn dành cái sự không may mắn của họ để họ bù đắp lại cho cái đứa nhỏ đấy. Và những cái người LGBT mà anh đã quen và họ chăm con của họ rất là tốt, và họ hầu như là nâng niu và bảo bọc từng chút một.  
(Quân, gay, 32, Hà Nội)

Những vấn đề liên quan đến giấy tờ pháp lý có thể gây ảnh hưởng đến đời sống hàng ngày cũng như việc học hành của con cái của các cặp đôi LGBT. Ví dụ như trường hợp của Tuấn và Nhân ở TP. HCM, cặp đôi hiện chuẩn bị nhận một người con họ hàng làm con nuôi, tuy nhiên Tuấn còn nhiều băn khoăn cho tương lai của đứa trẻ khi bản thân Tuấn và bạn trai là Nhân còn chưa biết sẽ phải làm thế nào với việc đăng ký làm người bảo hộ hợp pháp của đứa bé.

Mình có nghĩ đến chuyện là sau này bé nó đi học mà ba hoặc mẹ không có ở đấy để làm để ký. Trong những văn bản pháp lý đấy thì lúc đó sẽ là một mình, một mình anh [bạn trai hiện tại] là người đứng tên hay là cả hai người thì sao.

(Tuấn, gay, 24, TP. HCM)

Còn gói bảo hiểm nữa, chẳng hạn mua cho nó bảo hiểm thì anh không thể nào mà mua được. Ví dụ mua mấy cái gói về học vấn, bảo đảm học vấn cho nó này nọ thì làm sao mà đứng ra mua được cho nó, tại vì phải là bố mẹ đẻ, bà nội cũng không mua được, nghĩa là có những cái rào cản về luật pháp nó quy định như vậy.

(Nhân, 32, gay, TP. HCM)

Hoặc sâu xa hơn, Tuấn và Nhân cân nhắc đến tình huống nếu hai người chia tay, vấn đề quyền và trách nhiệm đối với đứa bé sẽ phải xử lý như thế nào.

*Rủi như mà có vấn đề gì mà Tuấn không sống được với Nhân nữa. Trên giấy tờ người con nuôi của Nhân thì lúc đấy thì quyền phát sinh như thế nào. Mình cũng nghe đến cái chuyện ví dụ hai người chia tay thì quyền nuôi con của người này nhưng mà người kia vẫn có trách nhiệm pháp lý để chu cấp cho đứa nhỏ đến khi đủ tuổi hay là sao đó. Thì cái chuyện đó nó sẽ không xảy ra đối với một cặp đồng giới. (Tuấn, gay, 24, TP. HCM)*

Thiếu quy định rõ ràng về giấy tờ, về quy định người bảo hộ hợp pháp của cha mẹ LGBT với con nuôi cũng là lo ngại của Phương, trong những tình huống cần phải có sự hiện diện của phụ huynh đứa trẻ.

*Chị nghĩ là sẽ có nhiều khó khăn đấy chứ, tại vì khi mà một đứa bé mà nó trên giấy tờ nó được chứng minh là có ba và có mẹ thì nó khác với một đứa bé mà ví dụ như chỉ có mẹ đi, còn cái người ba đó đóng cái vai trò gì khi mà giải quyết. Ví dụ như lỡ như nó bị tai nạn, ý là nó bị công an bắt, rồi nó vô nó bị bắt lên phường đi, rồi ai sẽ là người đi bảo lãnh cho nó nếu như mẹ nó không có ở đó. Hoặc là có những cái giấy tờ pháp lý liên quan mà đòi hỏi người thân thì như thế nào, những thứ liên quan đến sức khỏe, bệnh viện nó rất là đáng khi mà con của mình mà mình không được chấp nhận. (Phương, lesbian, 27, TP. HCM)*

Những lo lắng là vậy, nhưng với niềm tin và hy vọng, cũng như khao khát được làm cha mẹ, họ đã tìm những cách tốt nhất và chuẩn bị kỹ càng để biến điều đó thành hiện thực:

*Anh cũng suy nghĩ nhiều và cho đến thời điểm hiện tại thì bọn anh vẫn lựa chọn là lưu giữ tinh trùng. Nếu mà trong trường hợp sau này bọn anh cảm thấy nó đúng thời cơ thì bọn anh sẽ thụ tinh nhân tạo, còn cho đến bây giờ thì hoàn toàn không có, và anh nghĩ cái đấy nó cũng còn khoảng mười năm nữa, khoảng mười năm nữa thì bọn anh mới nghĩ đến. Thì bây giờ mình mới có 32 tuổi thôi, thì mười năm nữa 42 tuổi thì lúc đấy không vấn đề gì cả, và lúc đấy anh cảm thấy cái kinh tế của mình nó vững nó thoải mái rồi thì mình không phải lo cái gì cả. (Quý, 32, gay, Hà Nội)*

Và sẵn sàng cuộc hành trình làm cha mẹ khi họ đã chuẩn bị đầy đủ về tài chính và tâm lý.

*Thành ra bọn anh là có kế hoạch rồi, bọn anh đã có kế hoạch là chuẩn bị phôi và thuê người đẻ xong hết rồi. Thực ra bọn anh về tài chính là không có vấn đề gì cả, từ lúc quen nhau đến bây giờ thì không bao giờ phải lo nghĩ đến tiền cho nên là cuộc sống rất là thoải mái không như các bạn khác là đôi khi hơi chật vật kiếm tiền và không lo lắng cho gia đình được. (Đức, gay, 37, Hà Nội)*

## Những khó khăn gặp phải trong cuộc sống chung

Khó khăn phổ biến nhất mà các cặp đôi sống chung hiện nay gặp phải được ghi nhận là sự không ủng hộ của gia đình với mối quan hệ của họ (47.3%), loại khó khăn này phổ biến hơn hẳn trong nhóm độ tuổi trẻ (48.6% trong nhóm 19-24 và 47% trong nhóm 25-34, trong khi ở nhóm lớn tuổi hơn thì đây không phải là vấn đề khó khăn chủ yếu (11.8%). Có thể lý giải một cách đơn giản rằng, với những người ở nhóm lớn tuổi hơn, thời gian yêu và chung sống của họ dài hơn nên họ đã trải qua hầu hết các biến cố của cuộc sống chung, những kết quả của nỗ lực thuyết phục, vận động sự chấp thuận của gia đình cũng ít nhiều đạt được, và họ cũng đã ổn định hơn về kinh tế cũng như các sắp xếp khác trong cuộc sống chung; do vậy, sự chấp thuận hay phản đối từ phía gia đình không còn là vấn đề bức thiết đối với các cặp đôi này. Trong khi đó, những người ở nhóm tuổi trẻ hơn có thể đa phần còn phụ thuộc vào gia đình, chưa tự chủ về kinh tế cũng như năng lực và vốn xã hội chưa vững chắc, khiến cho những tác động ngăn cản từ phía gia đình có thể gây sức ép lớn đến quan hệ tình cảm và cuộc sống chung với người yêu cùng giới của họ.

Khó khăn trong việc đăng ký nhập hộ khẩu với các cặp đôi cùng giới được nhiều người nhắc đến (23.4%). Với nhóm người trả lời trẻ tuổi (19-24), có thể do chủ yếu sống chung tại các nhà thuê hay phòng trọ nên thủ tục đăng ký tạm trú thường diễn ra đơn giản do đó tỷ lệ gặp vấn đề về đăng ký nhập hộ khẩu ít hơn (18.6%); còn với hai nhóm lớn tuổi hơn, có thể do họ đã sở hữu nhà đất, hoặc sống cùng với cha mẹ và mong muốn đăng ký cho người yêu nhập chung hộ khẩu, đồng nghĩa với các thủ tục và quy định pháp luật phức tạp và khó khăn hơn, số người cho biết gặp các vấn đề khó khăn liên quan cũng nhiều hơn (khoảng hơn 32% ở cả hai nhóm tuổi lớn hơn).

Đứng tên đại diện hợp pháp cho người yêu/bạn đời trong các trường hợp khẩn cấp cũng là một khó khăn trở ngại mà nhiều cặp đôi cùng giới ghi nhận (29.8%). Nhóm tuổi 25-34 là những người cho biết gặp phải khó khăn này nhiều nhất (42.3%).

Phân tích các phỏng vấn trong nghiên cứu định tính mang lại những câu chuyện cụ thể hơn về trải nghiệm với những khó khăn kể trên. Tùy vào hoàn cảnh của mỗi cặp đôi mà mức độ nghiêm trọng của các vấn đề có thể ít hoặc nhiều. Những phân tích được trình bày sau đây bao quát phần nào khó khăn của các cặp đôi cùng giới trong bối cảnh xã hội và pháp luật hiện nay ở Việt Nam, khi xã hội còn chưa thấu hiểu và bao dung với cộng đồng LGBT và pháp luật còn chưa công nhận và bảo hộ các mối quan hệ của họ.



*Bảng 11: Khó khăn trong sống chung cùng giới theo nhóm tuổi*

	19-24 (N=977)	25-34 (N=449)	35-49 (N=34)	Chung (N=1462)
Khó khăn trong việc có quyền đăng ký kết hôn hợp pháp***	27.3%	42.8%	35.3%	32.4%
Khó khăn trong việc đăng ký nhập hộ khẩu***	18.6%	32.7%	32.4%	23.4%
Để một trong hai người làm đại diện hợp pháp trong các trường hợp khẩn cấp***	24.0%	42.3%	35.3%	29.8%
Mua bán, phân chia và thừa kế tài sản chung	11.4%	26.7%	23.5%	16.3%
Sinh con và nhận nuôi con chung***	18.3%	35.0%	26.5%	23.6%
Gia đình không ủng hộ mối quan hệ và tình yêu cùng giới***	48.6%	47.0%	11.8%	47.3%
Sự kỳ thị của cộng đồng, xã hội với người LGBT*	44.8%	45.7%	26.5%	44.6%

*Bảng 12: Khó khăn trong sống chung cùng giới theo bản dạng giới/tính dục*

	Nam đồng tính/ song tính (N=272)	Nữ đồng tính/ song tính (N=824)	Chuyển giới nữ/ MtF/ Trans woman (N=40)	Chuyển giới nam/FtM/ Trans man (N=321)
Khó khăn trong việc có quyền đăng ký kết hôn hợp pháp	33.8%	30.8%	37.5%	34.3%
Khó khăn trong việc đăng ký nhập hộ khẩu	28.3%	22.0%	27.5%	22.1%
Để một trong hai người làm đại diện hợp pháp trong các trường hợp khẩn cấp	31.3%	29.2%	32.5%	29.3%
Mua bán, phân chia và thừa kế tài sản chung**	22.8%	14.6%	17.5%	15.0%
Sinh con và nhận nuôi con chung	25.0%	22.6%	27.5%	24.6%
Gia đình không ủng hộ mối quan hệ và tình yêu cùng giới*	41.2%	47.6%	42.5%	52.6%
Sự kỳ thị của cộng đồng, xã hội với người LGBT	46.7%	43.7%	50.0%	44.5%

**Khó khăn nội tại của cặp đôi, thoả hiệp và giải quyết mâu thuẫn chỉ dựa trên nỗ lực của chính người trong cuộc, thiếu vắng sự hỗ trợ, giúp đỡ của gia đình và xã hội, không có cơ sở pháp lý bảo hộ trong các tình huống tranh chấp.** Với hầu hết các cặp đôi và gia đình, cả khác giới và cùng giới, trong cuộc sống lứa đôi hàng ngày, bất hoà, tranh cãi, hay mâu thuẫn luôn xảy ra. Từ khác biệt về tính cách, lối sống, các vấn đề nảy sinh, va chạm trong cuộc sống thường nhật hay trong công việc đều có thể dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống của các cặp đôi. Những tình huống này có thể mang lại sự không hài lòng, giận dữ, cãi vã hay thậm chí có thể gây ra các tình huống bạo lực gia đình giữa hai người. Với các cặp đôi vợ chồng hoặc người yêu khác giới, khi xảy ra các vấn đề mâu thuẫn hay bạo lực, dù ít hay nhiều họ có thể tìm kiếm sự tư vấn, chia sẻ, hay trợ giúp từ bạn bè, cha mẹ, gia đình, thậm chí các can thiệp luật pháp. Còn với các cặp đôi LGBT, nếu như tình huống mâu thuẫn xảy ra không nghiêm trọng đến mức phải xử lý như các tình huống hình sự hay dân sự, hiếm khi họ có được sự can thiệp hoà giải, tư vấn, hay hỗ trợ từ gia đình và xã hội, đặc biệt với các cặp đôi chưa có được sự chấp nhận và ủng hộ của gia đình, hoặc những người chưa công khai. Khi đó, cách duy nhất để các cặp đôi vượt qua được khó khăn và giữ gìn sự bền vững của mối quan hệ là phải tự thoả hiệp, tự giải quyết các vấn đề mâu thuẫn, hoặc tìm cách né tránh. Với nhiều người tham gia trong nghiên cứu này, phương cách để vượt qua các mâu thuẫn trong cuộc sống chung của họ chính là tình yêu, là sự nhẫn nại, cố gắng thấu hiểu bạn đời để cùng nhau gìn giữ sự lâu dài của tình cảm đôi lứa.

*Nếu mà nói không có gây gổ gì thì cái đó thì chắc không ai mà không có, bình thường cũng còn có sự nữa hướng chi là sống chung. Nhưng mà đối với mình với lại bạn đấy thì cái chuyện mâu thuẫn nó chỉ nhỏ thôi chứ không có phải là lớn lao gì. Nói chung thì cũng như lời qua tiếng lại nói giải thích cho nhau hiểu vậy đó chứ không có phải là lớn tiếng hay chửi hay là đánh đập.*

*(Thu, lesbian, 41, TP. HCM)*

*Em nhìn giữa anh và ảnh đó thì em sẽ thấy có rất là nhiều điểm khác biệt nhau lắm. Chẳng hạn như về ngoại hình anh xấu, anh ấy đẹp, về tài năng anh dở, anh ấy giỏi, về kỹ năng giao tiếp anh cục cằn, ảnh mềm nhẹ nhàng. Nhưng về sự mạnh mẽ ảnh yếu, anh mạnh, cho nên là anh thì không có, anh chỉ so sánh và để nâng cao cái ưu điểm của ảnh và thấy được cái khuyết điểm của mình. Tuy nhiên thì ảnh hay chê anh hoài, nhưng mà anh thì anh cũng chưa có sửa được, cho nên là có những cái vấn đề khó khăn là tại anh chưa xử lý triệt để với nhau được và vẫn giận nhau đó là về những chuyện vậy đó. Nhưng mà anh không nghĩ đó là rào cản, đó là trở ngại, bởi vì hai người yêu nhau nó*

*cũng có duyên có phận có số.  
(Kha, gay, 36, TP. HCM)*

*Tính của mình khá là trầm và khá là nguyên tắc, còn bạn đó thì là dân nghệ thuật cho nên rất là làm cái gì có hứng thì mới làm. Nhiều lúc bạn ấy bị stress hay không kiểm soát được cảm xúc, mình cũng nhẫn nhịn thôi. Mình cũng biết là nhiều khi mình cũng khó ở, ở trong công ty về cũng khó chịu, thì bạn đó cũng nhìn mình thôi chứ không có vấn đề gì.  
(An, transguy, 28, TP. HCM)*

Khi mâu thuẫn xảy ra, các cặp đôi LGBT khó có thể vận động sự ủng hộ hay giúp đỡ từ phía gia đình và người thân. Những người xung quanh có thể biết đến tình yêu của họ, nhưng ít người hiểu và thấu cảm các vấn đề của cặp đôi LGBT để có thể đưa ra những lời khuyên, những tư vấn hay can thiệp khi cần thiết. Thậm chí, kể cả khi các cặp đôi LGBT cần đến hỗ trợ tư vấn từ các chuyên gia, họ khó có thể tìm được các địa chỉ thích hợp, vì hiện nay ***dịch vụ tư vấn chuyên sâu về tình yêu đôi lứa cho người LGBT còn rất hạn chế.***

*Một cặp đôi khi họ ở với nhau họ phải kết hôn, làm giấy kết hôn, rồi có pháp luật bảo vệ. Khi họ nảy sinh ra một cái mâu thuẫn gì đấy họ phải nghĩ lại cái quá trình mà pháp luật bảo vệ như thế nào và đôi khi pháp luật họ có hòa giải nữa, còn tụi tôi mà lỡ có cái gì thì ai hòa giải đâu. Đâu có pháp luật, đâu có một cái cơ quan gì để đứng ra mà bảo vệ, hoàn toàn là không có, muốn tìm thì chỉ có thể tìm các chuyên gia tâm lý, nhưng mà chuyên gia tâm lý thì hoàn toàn là cũng không có gọi là quá sâu, LGBT ở Việt Nam mình thì hình như cũng chưa có nhiều chuyên gia tâm lý đi sâu về mảng này, họ có thể hiểu cái cảm tính là họ tiếp xúc nhiều với người đồng tính rồi hoặc họ là cũng là một người đồng tính.  
(Kiên, gay, 29, TP. HCM)*

***Sự không chấp nhận của gia đình và xã hội cũng là một vấn đề trở ngại với nhiều cặp đôi cùng giới,*** đặc biệt với những người chưa sẵn sàng công khai về tính dục với gia đình và xã hội, hoặc những cặp đôi chưa có được sự chấp nhận của gia đình hai bên. Thiếu vắng sự ủng hộ của gia đình và người thân, các cặp đôi dường như dè dặt hơn đối với sự cam kết lâu dài và dự định tương lai.

*Mình nói chung là không muốn người lớn đến với nhau là vì xã hội dị nghị. Tại vì luật thì nó chưa có ra, nếu mà*

luật nó ra thì có thể là hai bên mình cho biết nhau, hoặc là mình có tiền thì mình làm đám lớn. Còn mình hông có thì mình làm nhỏ để cho là bạn bè là vui vẻ với lại xã hội không còn kỳ thị nữa, còn nếu mà như mà luật cũng không có thì cái rào cản trở đậy hai bên người lớn đến với nhau cũng hơi bị khó.

(Thu, lesbian, 41, TP. HCM)

Về gia đình thì để tiến tới một cuộc hôn nhân mà để cho người lớn chấp nhận về dị tính thì nó rất là dễ rồi. Nhưng với người đồng tính thì nó càng khó, nó rất thậm chí nói ra là nó cực kỳ khó, bởi vì mình phải come out trước đã, mà cái come out đó nó không phải là dễ dàng. Tại vì bên cạnh đó bà con dòng họ họ nghĩ gì về mình, họ tạo áp lực cho mình như thế nào, đó cũng là một trong những nguyên nhân mà khó khăn đối với người đồng tính.

(Huân, gay, 28, TP. HCM)

**Cộng đồng nhóm nhỏ, thể hiện thái độ kỳ thị và phân biệt đối xử đối với các cặp đôi LGBT sống chung.** Mặc dù những năm trở lại đây, bản thân cộng đồng LGBT cảm nhận và nhiều nghiên cứu chỉ ra sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, cởi mở của người dân tại các thành phố lớn đối với đa dạng tính dục, tuy nhiên sự kỳ thị và thái độ tiêu cực đối với các cặp đôi LGBT sống chung vẫn còn tồn tại. Các cặp đôi trẻ tuổi và sống khép kín có thể ít trải nghiệm sự kỳ thị từ cộng đồng, vì dưới con mắt của xóm giềng, họ đơn thuần giống như bạn bè hoặc những người thuê chung nhà. Còn với các cặp đôi lớn tuổi hơn, cặp đôi của người chuyển giới, hoặc cặp đôi có con nhỏ, sự tò mò, phán xét của hàng xóm thể hiện rõ nét hơn. Ví dụ như trường hợp của Tiến (trans man) và bạn gái, hiện đang cùng chăm sóc đứa con chung nhỏ tuổi. Sự kỳ thị và phân biệt đối xử xảy ra với cả cặp đôi và đứa trẻ đã khiến cho họ mệt mỏi và phiền lòng, đồng thời lo ngại về những tác động tâm lý mà đứa trẻ có thể đang phải trải qua.

...Những lúc tớ cảm thấy tớ là một người nên kiểu biến mất đi thì hơn. Nhiều lúc tớ cảm thấy vấn đề là cái này nó nằm ngoài câu chuyện. Bởi vì con tớ đấy thì nó rất là ham chơi thì nó ra cái sân khu tập thể chơi chung đấy thì tất cả những cái đứa ở đấy là đều **xa lánh con tớ**. Đầu tiên tớ không nhận ra, tớ nghĩ là chúng nó ham chơi cho nên là chúng nó đi chỗ này chỗ kia. Nhưng mà sau này có một thằng bé nó bé bé thôi nó đi vào nó chỉ mặt tớ nó bảo là con gái con gái, thì tớ mới nhận ra là bố mẹ của nó dạy dỗ chúng nó là kiểu không chơi với một người như tớ, kiểu pè đê đấy. Nên là con tớ đi với tớ cũng bị xa lánh. Như hàng

*xóm của tổ nhà tổ đẩy xe nó đi thẳng thì người ta đang đi như thế này, từ xa người ta nhìn thấy tổ đấy, đường rất là rộng người ta rẽ luôn ra một hướng khác để người ta đi vòng vòng vòng vòng người ta sẵn sàng đi một đoạn đường khác để người ta bỏ qua việc không phải chào không phải gì bọn tổ cả... Người ta cũng chỉ biết là ừ pê đê, xong người ta vào người ta bảo con người ta là không chơi. Thăng bé nhà tổ là hoàn toàn không có bạn ở trong khu đấy, kiểu bọn trẻ con thì nhiều khi thì chúng nó rất là ham chơi đấy nên là nó rất muốn chạy theo các anh chị đấy nhưng mà không có bất cứ một đứa nào, rất là đông nhà, đến hai ba mươi đứa nhưng mà không có bất cứ một đứa nào mà muốn chơi với con tổ cả. Thế cái vấn đề đấy là vấn đề xã hội, khi mà bố mẹ chúng nó đã nói đã tuyên truyền các cái đấy rồi, kể cả có sửa luật hay không sửa luật thì nó vẫn bị kỳ thị. Nên là nhiều khi tổ nghĩ là đôi khi tổ không nên xuất hiện thì người ta sẽ không biết bố nó là ai, thà nó là con của một bà mẹ đơn thân không có chồng còn hơn nó là con của một người pê đê, thì như thế nó sẽ đỡ bị kỳ thị hơn, con của mẹ đơn thân thì người ta còn chơi, nhưng con của pê đê thì không.*

*(Tiến, transguy, 27, Hà Nội)*

Ánh mắt dò xét, sự tò mò của cộng đồng, hàng xóm đối với các cặp đôi cùng giới khi tìm kiếm nơi ở, thuê nhà trọ để chung sống cũng mang lại ít nhiều khó khăn cho họ.

*Khi mà hai đứa đi tìm nhà trọ chẳng hạn thì có một cái quy định rất là mắc cười là nhà trọ không cho hai nam vào ở. Lý do mà họ đưa ra là hai nam là nếu như mà là hai người bạn là hai bạn nghiện kiểu như là vào sẽ buôn bán hút chích, còn nếu mà hai đứa con gái thì không sao, còn một cặp dị tính thì ok luôn rồi.*

*(Tuấn, gay, 24, TP. HCM)*

**Khó khăn trong thủ tục pháp lý, các loại giấy tờ liên quan đến đăng ký thường trú với các cặp đôi chung sống với gia đình hoặc sở hữu nhà đất chung.** Với những cặp đôi lớn tuổi hơn và sống chung nhiều năm hơn, khó khăn về thủ tục pháp lý, giấy tờ sở hữu tài sản, nhà đất thể hiện rất rõ nét. Trước tiên là khó khăn trong việc đứng tên sở hữu tài sản nhà đất và đăng ký hộ khẩu khi đã sở hữu nhà đất. Ví dụ như khi muốn đưa tên của người yêu vào chung hộ khẩu với gia đình, hoặc khi hai người cùng muốn đứng tên trên giấy tờ bất động sản, họ không thể giải thích được với cơ quan chức năng về bản chất quan hệ của họ.

*Bạn anh bây giờ đây thì hiện giờ bạn anh đang làm đang ở nhà anh, thì đến khi mà anh muốn cho bạn kia hộ khẩu về đây đây thì bên chính quyền người ta không chứng nhận. Thì phải có quan hệ gì đây thì mới chuyển được về với nhau đây, hoặc là bạn anh có muốn mua chung một cái tài sản gì đây thì việc đứng tên nó rất là khó. Mình không thể giải thích cho bên phường kia là người này quan hệ gì với mình được, mà có giải thích xong thì người ta cũng không thể chứng nhận cho mình được mà cho bạn kia hộ khẩu về đây được.*

*(Đức, gay, 37, Hà Nội)*

**Cặp đôi LGBT không được hưởng những phúc lợi liên quan đến gia đình.** Tại nhiều cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức, người lao động được hưởng các phúc lợi liên quan đến cưới hỏi, đau ốm, sinh đẻ, hay các kỳ nghỉ cho gia đình; những khoản phúc lợi này thường được phân bổ theo tình trạng kết hôn và số con cái hợp pháp của người lao động. Điều này vô hình chung đã gạt bỏ các cặp đôi LGBT ra khỏi danh sách những người thụ hưởng của chính sách phúc lợi của cơ quan, mặc dù họ đã chung sống như một gia đình từ rất lâu.

Ví dụ như quyền lợi về ngày nghỉ hoặc tiền/quà cho các dịp cưới hỏi hay các ngày lễ tết:

*Còn nếu công ty mình ví dụ ví dụ đám cưới đi thì cũng có thể thưởng hai ba triệu gì đó. Đúng rồi tặng cho nhân viên mà thì cũng phải có giấy tờ.*

*(Hoàng, gay, 24, TP. HCM)*

*Anh đi làm thì có thêm số những cái hỗ trợ từ công đoàn đúng không, như là có những cái tiền hỗ trợ chúc mừng cho ví dụ như là quốc tế thiếu nhi này, đám cưới này, tang chay à tang ma này, là vợ hoặc là chồng, hoặc là ba má vợ hoặc là ba má chồng thì những cái đó. Những người đồng tính như anh lấy giấy kết hôn đâu ra để mà anh nộp vô để lấy được cái tiền đó. Có những cái ngày trợ cấp giống như là nghỉ thai sản hoặc là nghỉ về con như thế nào, nghỉ rồi là cu con như thế nào rồi là của mình như thế nào. Người dị tính bình thường người ta đám cưới người ta nghỉ được năm ngày, nhưng anh đám cưới thì ai cho anh nghỉ. Phải nộp giấy rồi ủa ai cho kết hôn đồng tính đâu mà anh nghỉ rồi anh nghỉ lúc đó thì giấy tờ đâu, rồi giấy tờ gì đâu để tôi chứng minh là anh kết hôn mà để tôi cho cái tiền mừng.*

*(Huân, gay, 28, TP. HCM)*

Hay phúc lợi liên quan đến các hoạt động hội hè, nghỉ mát của công ty:

*Bình thường là anh đi du lịch cùng viện người yêu anh nhà thì gia đình hoặc là con cái sẽ là không mất tiền. Nhưng mà bạn anh mà đi theo dưới dạng bạn bè thì bạn anh vẫn phải trả tiền cái phần đấy. Nói chung là ở viện thì ai cũng biết, nhưng mà cái đấy là trên giấy tờ, giấy tờ mà của khách đấy thì mình vẫn phải trả tiền bình thường.*  
(Đức, gay, 37, Hà Nội)

*Công ty cũ trước của tớ đấy thì là, chỉ là vợ chồng này với lại bố mẹ này là được hưởng các chế độ dành cho vợ chồng, người thân. Chỉ là vợ chồng và bố mẹ thì được phép đi (nghỉ mát) cùng, tiền thì vẫn phải đóng một trăm phần trăm nhưng mà được phép đi cùng. Còn nếu mà không phải vợ chồng và không phải bố mẹ thì không được đi cùng, kể cả bạn gái, thì đấy là đang nói là quy định là như thế nhưng mà họ vẫn nhắm mắt khi mà họ vẫn biết đây là bạn gái của tớ chẳng hạn thế thì vẫn có thể đi cùng được, nói chung là họ cũng khá là linh động, có thể do công ty tớ khá thoải mái hơn.*  
(Duyên, lesbian, 29, Hà Nội)

Những quyền lợi liên quan đến vợ chồng, ví dụ như được nghỉ chăm vợ sinh con, nghỉ chăm con ốm:

*Hiện tại là luật là bên bảo hiểm là không có dành cho cái giới tính của LGBT này, chỉ là dành cho vợ chồng thôi, mà vợ chồng đấy là sinh đẻ thì mới được quyền chồng mới được nghỉ là được hưởng, chứ còn nếu mà bệnh hoạn thì bữa nay làm công ty đấy thì người ta lo thôi chứ không phải là mình chỉ là được nghỉ là nghỉ dạng là tính phép là phép của mình đó, phép năm của mình thôi chứ nó cũng không có tính theo mình là phép mà để mà nghỉ việc riêng vì chồng mình bệnh hay là vợ mình bệnh là mình được hưởng cái gì hết đấy, nói chung là không có cái luật đó.*  
(Thu, lesbian, TP. HCM)

*Nếu như bạn mình kết hôn và bạn mình nhận con nuôi thì cái thứ nhất là bạn mình sẽ được giám trừ gia cảnh cho con của mình chẳng hạn. Cái thứ hai nữa đương nhiên là giám trừ gia cảnh thì ngoài cho con thì mình có thể giám trừ gia cảnh cho bố mẹ mình và bố mẹ bạn ấy. Đấy*



là điều cực kỳ bình thường trong vấn đề này, còn có một cái nữa là ví dụ các công ty thì người ta sẽ có các cái, gọi là gì nhỉ, tính phí riêng cho người có gia đình và người không có gia đình riêng. Hay như một cái rất là đơn giản cặp dị tính đúng không, vợ nghỉ vợ nghỉ sinh chồng sẽ được nghỉ là năm ngày bảy ngày. Thế nếu như mà bọn mình lấy nhau chẳng hạn người yêu mình đẻ con mình có được nghỉ không, không đúng không, đơn giản nhất là như thế.  
(Linh, lesbian, 29, Hà Nội)

**Khó khăn trong việc đứng tên làm người đại diện/bảo hộ hợp pháp cho người yêu/bạn đời** trong các tình huống khẩn cấp hoặc trong các giao dịch dân sự cần có sự góp mặt của cả hai. Ví dụ như trường hợp của Kiên và Đoàn ở TP. HCM, khi Kiên gặp vấn đề về sức khỏe và phải đi viện cấp cứu, Đoàn đã không thể đứng ra tiếp nhận kết luận chẩn đoán của bác sĩ cho Kiên vì không phải là người hôn phối hay là người bảo hộ hợp pháp của Đoàn.

Có lần thì Kiên nằm trong bệnh viện Nguyễn Trãi người ta mới hỏi rằng là, người ta không biết cái người này là ai và cũng không thể nào pháp luật không công nhận đâu thể nào biểu thị đây là cái người hôn phối với mình được, người này là ai để có thể mà thay mặt gia đình để mà tiếp nhận cái tình trạng bệnh của Kiên đây mặc dù là vẫn đang ở chung, thì như vậy thì cũng nói chung mình cũng thoáng buồn.

(Kiên, gay, TP. HCM)

Có một cái mình nghĩ chắc là quan trọng nhất là vào bệnh viện, nếu mình không phải người nhà thì mình sẽ không được phép vào trong. Đây là cái thiệt thòi rất là lớn, nếu mà có vấn đề người ta sẽ không hỏi ý kiến mình mà phải hỏi ý kiến bố mẹ mình, mà trong khi đấy cái người yêu mình lúc đấy cũng sẽ rất là quan trọng. Cũng chả khác gì những cái đời dị tính khác cả, thì sống với nhau coi như là bạn đời của nhau rồi đấy, mà những lúc như vậy mà không được hỏi ý kiến. Đơn giản nhất là không được chăm sóc người yêu thì nó là một cái gì đấy nó rất là kinh khủng, đặc biệt là đối với mình, cái đấy là cái khó khăn nhất. Mình chỉ nghĩ đơn giản là sẽ phải có lúc ốm đau sẽ có lúc mình phải ký một số cái giấy tờ quyết định chẳng hạn, mình không thể nói trước được là mình sẽ có thể là khỏe mãi. Đến một lúc nào đấy mình sẽ cần phải ký quyết định để có được phép mổ hay không, có như thế này thế kia hay



*không. Hay thậm chí là có thể là ký giấy trợ tử hoặc như thế nào đấy hay không, cái đấy chắc là mình chỉ nghĩ đến vấn đề tương lai khá là xa thôi, mình nghĩ cái đấy khá là quan trọng.*

*(Linh, lesbian, 29, Hà Nội)*

Tương tự như vậy, người yêu cùng giới cũng không thể được đứng tên làm người thụ hưởng các khoản bảo hiểm dành cho người thân mà nhiều công ty/doanh nghiệp cung cấp cho người lao động.

*Bảo hiểm, mình nghĩ bảo hiểm cũng là một cái khá là quan trọng. Mình nhớ hình như có một số công ty họ có cái bảo hiểm cho gia đình của cán bộ công nhân viên, thì mình chỉ được đăng ký cho bố mẹ mình thôi, anh chị em ruột của mình thôi, còn mình không thể đăng ký cho partner của mình được. Cái đấy cũng khá là thiệt thòi, mà để làm được cái đấy thì chắc cũng khá là lâu đấy.*

*(Linh, lesbian, 29, Hà Nội)*

*Trong một số công ty nước ngoài đấy thì họ cho một cái gói bảo hiểm cho cả gia đình nhưng mà ví dụ mình không thể đăng ký tên một người nữa vào trong cái gói bảo hiểm của mình được, thì nó cũng là một cái, một cái gọi là không bằng ai.*

*(Minh, lesbian, 34, TP. HCM)*

Kể cả trong trường hợp bảo hiểm của người LGBT tự mua và có điền tên người thụ hưởng là người yêu, khi sự việc xảy ra cần làm hồ sơ hưởng bảo hiểm, các cặp đôi LGBT cũng không thể nhận được khoản tiền này do không thể chứng minh được họ là người thân của nhau.

*Chưa đại diện cho nhau, toàn tự làm thôi, tự thân ai người này lo đấy, bởi vì cũng biết là không thể đại diện cho nhau được mà. Vợ tớ phải tự lo việc của vợ tớ, tớ phải tự lo việc của tớ. Ví dụ có một lần năm ngoái tớ bị gãy chân thì tớ mới ghi bảo hiểm cái người hưởng tiền là vợ tớ. Nhưng mà sau này bảo hiểm nó tra ra là phải có đăng ký kết hôn thì cũng không thể nào bà này không được nhận, bà này không đủ tư cách để nhận mà họ bắt tớ là phải nhận. Họ bắt tớ phải lôi cái giấy của tớ ra mà nhận không họ không trả. Thế là tớ phải chờ ba tháng sau tớ mới lên lấy tiền chứ vợ tớ không lấy hộ được. Nói chung là cái cuộc đời của bọn tớ nó xoay quanh cái bảo hiểm, nó cả không có giấy đăng*

*ký kết hôn nó bảo đây không phải là vợ tớ. Họ nói tớ tự lên, không không có quan hệ thân thích gì, nó bảo là nó ghi rõ trong hợp đồng mà cho tớ này, là hợp đồng ghi rõ là chỉ có bố mẹ, anh chị em ruột hoặc là vợ chồng hợp pháp và con cái. Những người đấy sẽ được nhận còn họ hàng các thứ là không được nhận, thì chỗ bảo hiểm cũng lớn đấy, không thể nào trao cho một người xong rồi sao mà cậu bảo tớ không chấp nhận được như thế thì nó không được. Nên là họ loại luôn vợ tớ ra khỏi cái danh sách nhận tiền, từ đấy về sau nếu có vấn đề gì thì tớ vẫn phải tự lên.*  
(Tiến, transguy, 27, Hà Nội)

***Khó khăn trong quan hệ về tài sản của các cặp đôi - không có khung pháp luật quy định và hướng dẫn cho các tình huống có thể xảy ra khi quan hệ đổ vỡ kéo theo tranh chấp về sở hữu tài sản.*** Với các cặp đôi sống chung lâu năm, tích lũy tài sản ngày một nhiều lên và họ có đủ khả năng mua nhà/đất để phục vụ nhu cầu chung sống hoặc đầu tư, kinh doanh. Mỗi quan hệ kinh tế của họ không còn đơn thuần quanh việc đóng góp thu nhập và chi tiêu hàng ngày. Do không có những quy định pháp luật cụ thể cho sở hữu tài sản chung bởi các cặp đôi cùng giới, cũng không có những tiền lệ, những mô hình điển hình để họ học tập theo, mối quan hệ tài sản của họ trở nên nhạy cảm. Trên thực tế, vấn đề về sở hữu chung nhà đất, tài sản mặc dù còn gặp nhiều vướng mắc, các cặp đôi LGBT đang tìm kiếm những phương cách để dung hoà mối quan hệ này cho phù hợp với nhu cầu của mỗi người cũng như tối thiểu hoá rủi ro có thể xảy đến nếu như mối quan hệ của họ gặp nguy cơ đổ vỡ.

Khi mối quan hệ tài sản bắt đầu phát sinh, các cặp đôi đều nhận thấy sự nhạy cảm trong việc phải đối mặt, thoả thuận với nhau về vai trò của mình trong việc cùng sở hữu.

*Khoảng thời gian đầu lúc quen nhau thì cũng chưa nghĩ nhiều, nhưng mà khoảng thời gian gần đây khi hai đứa bắt đầu dùng đến tiền của mình để tính đến cái chuyện xây nhà thì bắt đầu cũng khá là lo. Cũng khoảng hai hay là ba tuần trước, mình đã có dự định hùn tiền xây nhà ở chỗ quận 6. Lúc đấy có một câu hỏi là tiền sẽ là tiền của anh ấy hay hai đứa cùng gom. Có hỏi một vài người bạn thì lời khuyên mà họ đưa ra là vẫn là tiền của anh ấy xây nhà, còn nếu có tiền của mình vào thì chỉ là tiền vay thôi. Tức là vay tiền của mình để xây nhà và trả dần cho mình. Tại vì có vấn đề gì đụng đến pháp lý thì nó cũng khá là mặn nhạt. Mọi người cũng khuyên trước khi làm gì thì nên có một cái cam kết trước, thế đại loại là như thế.*  
(Tuấn, gay, 24, TP. HCM)

Một số cặp đôi lựa chọn đứng tên chung tài sản như những người cộng sự, đối tác kinh tế đơn thuần, để né tránh những khó khăn phiền phức mà họ có thể gặp phải nếu như muốn đứng tên sở hữu chung như một cặp đôi kết hôn.

*Bản thân bây giờ hai người nam vẫn có thể đứng tên chung một cái tài sản mà không cần có giấy kết hôn, mà hai người có thể mua chung được mà. Còn anh nghĩ cái hôn nhân đồng giới, cái tờ giấy xác nhận nó giúp cho xã hội công nhận mình anh nghĩ cái đấy là cái quan trọng nhất, nó giúp cho xã hội công nhận.  
(Quân, gay, 29, Hà Nội)*

Một số cặp đôi khác thì lựa chọn nhường quyền sở hữu hết cho một người, khi đó sở hữu chung của họ phụ thuộc hoàn toàn vào sự tin tưởng lẫn nhau.

*Còn tớ thì bây giờ tất cả mọi thứ là đều đứng tên vợ tớ hết không có gì của riêng tớ cả, thì là tớ là tớ cũng rất là ngại khi phải trình chứng minh thư ra ghi ở dưới là nữ, thế tớ cũng chả muốn dấy dứa vào những cái đấy để làm gì mệt. Tất cả những cái gì bọn tớ mua thì đều đứng tên vợ tớ hết, tại tớ rất là khó chịu bởi vì cái việc chung tài sản hai người là không được phép chung, bọn tớ là chỉ được một đứa đứng tên thôi, một trong hai đứa.  
(Tiến, transgay, 27, Hà Nội)*

Hình thức phổ biến hơn cả hiện nay là với các cặp đôi có sở hữu chung nhiều hạng mục đất đai, tài sản, họ thoả thuận với nhau, phân chia quyền sở hữu của mỗi hạng mục cho từng người.

*Bọn anh hai người đã mua bảo hiểm thì kiểu như là về cái phần hưởng cái này là dành cho đối phương, bọn anh mua bảo hiểm nhân thọ nhà, nếu cái trường hợp xấu thì cái phần tiền đấy anh sẽ đưa cho bạn kia, bạn kia đưa cho anh. Bọn anh thì muốn như kiểu mua chung ô tô hay là mua gì đấy là nó khó đấy. Mua ô tô thì chẳng hạn như ô tô này thì của bạn ấy bạn ấy đứng tên, mua nhà anh thì anh đứng tên chẳng hạn thế, không thể chung nhau được.  
(Đức, gay, 37, Hà Nội)*

Tuy nhiên, các cặp đôi đều thể hiện mong muốn có được phương cách giúp cho họ có thể cùng đứng tên sở hữu tài sản một cách hợp pháp, để cho mối quan hệ về tài sản chung của họ trở nên có ý nghĩa đối với quan hệ cặp đôi của họ đồng thời được pháp luật bảo hộ.

*Nhi đã bắt đầu nghĩ tới, Nhi bắt đầu muốn làm một số cái việc riêng thì cũng muốn có sự tham gia của chị trong đó thì nó phải như thế nào, hoặc là ví dụ như mình muốn mở tài khoản, hoặc là mua xe, hoặc là mua nhà, thì những cái đó không thể, nó chỉ có thể là nói bằng miệng với nhau là như thế nào, nhưng mà nó không có kết nối lại theo một cách hợp pháp.*

*(Nhi, 27 tuổi, lesbian, TP. HCM)*

*Cái việc chị hướng đến đầu tiên là cái việc mà tài khoản chung nó như thế nào, rồi mở tài khoản chung đó, thì vẫn mở được, hiện bên công ty họ là đã mở tài khoản cho chị rồi, bốn đứa đứng ra viết bốn cái tên vậy đó, mở chung một cái tài khoản, tuy nhiên thì bốn đứa thì là bốn đứa bạn thôi chứ không phải, chị là không biết khi mà nó kiểu như vợ chồng đấy thì nó thế nào, chị không có rõ, rồi đóng thuế nữa, như chị thì chị lo về ví dụ như mình sở hữu những cái tài sản chung thì nó sẽ như thế nào thì không biết tìm thông tin hoặc tìm hiểu những cái giải pháp cho những cái đó ở đâu.*

*(Phương, 29 tuổi, lesbian, TP. HCM)*

***Có con, nuôi dạy con và đảm bảo hạnh phúc cho con cũng là một nỗi trăn trở đối với các cặp đôi LGBT.*** Trước tiên, với những cặp đôi muốn xin nhận con nuôi, trong quá trình chuẩn bị hồ sơ thủ tục họ phải khai báo về năng lực làm cha mẹ và lý do mong muốn nhận con. Hồ sơ của các cặp đôi cùng giới thường khó được chấp nhận; do vậy trong nhiều trường hợp, họ phải lựa chọn nhận con nuôi dưới hình thức “mẹ đơn thân” hoặc “bố đơn thân”. Tuy nhiên, điều này lại dẫn đến những khó khăn trở ngại về giấy tờ cho em bé, cũng như những quyền lợi và trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ con của người cha/mẹ còn lại không được công nhận hợp pháp.

*Mình nghĩ là cái giấy tờ đấy là cái khó nhất, bởi vì là thủ tục hành chính ở Việt Nam mệt mỏi lắm. Mình cũng đã đi đọc qua qua rồi, sơ sơ rồi về thủ tục nhận con nuôi thì mình thấy nó có vẻ là dễ. Nhưng mà những người, những người bạn mình đều nói là nó không dễ đến như thế đâu, cần phải xem lại. Cái thứ hai nữa là liên quan đến vấn đề*

*nhận con nuôi chẳng hạn, nhận con nuôi mà một cặp dị tính nhận con nuôi mà làm thủ tục cũng đã khá là phức tạp rồi đấy. Mà cặp đồng tính mà nhận con nuôi nữa thì nó còn phức tạp hơn đấy mà nó chỉ là được một mẹ ở trên giấy khai sinh thôi, chứ đâu có được hai mẹ đâu. Nên là nếu có cố nhận thì đến lúc nó lớn lên thì bọn mình cũng chưa phải biết giải thích cho nó thế nào khi mà chỉ có tên một mẹ ở trong giấy khai sinh mà nó phải gọi hai người là mẹ chẳng hạn.*

*(Linh, lesbian, 29, Hà Nội)*

Việc làm giấy khai sinh cho con của các cặp đôi LGBT hiện còn là vấn đề khúc mắc cho các cặp đôi. Pháp luật Việt Nam mặc dù cho phép trẻ em được đăng ký khai sinh bởi duy nhất người mẹ hoặc người bố, tuy nhiên không được phép khai sinh với hai người mẹ hoặc hai người bố. Do vậy, người mẹ hoặc người bố không được đứng tên trong giấy khai sinh của đứa con sẽ không được pháp luật công nhận là người bảo hộ hợp pháp của đứa trẻ, đồng nghĩa với việc họ khó có thể làm đại diện hợp pháp cho con trong các trường hợp khám chữa bệnh, đăng ký học, hay thậm chí đi cùng con trên các chuyến bay.

*Làm khai sinh cái này cái nọ hình như là cũng không có, hình như là nó không có, nó không có được pháp luật ghi nhận là đứa bé đó không thể có hai người cha hay là thế nào, có thể cái đó cũng là một cái thiệt cho con mình, nó về mà chỉ một trong hai người đứng thì sau này, thì chỉ một trong hai người là đứng khai sinh cho bé thì sau này lỡ có vấn đề gì xảy ra thì cả hai sẽ cùng nhau can thiệp được, nhưng chỉ có một người có thể đứng ra mà can thiệp thôi thì rõ ràng là không công bằng cho đứa bé, thì trong xã hội lúc nào thì cũng quy định là đứa bé là cần phải có hai, hai phía chăm sóc, một phía chăm sóc mềm mỏng hơn và một phía chăm sóc là cứng rắn hơn để cho bé nó nên người và được chừa về mọi thứ tinh thần lẫn để kháng, mà rõ ràng chỉ có một người thôi như vậy thì khi đưa cái tờ giấy đấy đi vào trong trường học thì gia đình, có những cái định kiến trong xã hội về những cái người mà khiếm khuyết mất đi một cái người thân mặc dù là vẫn còn hiện diện ở đó.*

*(Kiên, gay, TP. HCM)*

*[về việc giám hộ cho con] Anh cũng lo vấn đề đấy, bởi vì thực ra cái vấn đề đấy thì Việt Nam cũng khó nói bởi vì đôi khi nhá là anh mà muốn đưa bé đấy đi mà như bé đấy đang ở Đà Nẵng mà bố nó bận không ai đón được đấy, mà*

anh muốn vào đón thực ra thì cũng không đón được. Vẫn phải nhờ bà hoặc là bố mẹ của bạn kia đi vào trong đấy đón ra. Đấy đôi khi nó cũng khó ở cái điểm đấy, nhưng mà thực ra là thực ra để mà nó hợp pháp hóa được đấy mà anh có thể đứng tên được, đứng tên bảo hộ được thì cái đấy là quá tốt. Thực ra là anh nói thật những người mà như anh hoặc như bạn bè anh mà có cuộc sống như anh hiện tại thì đều mong cái đấy.

(Đức, gay, 37, Hà Nội)

Tớ cũng phải tìm hiểu rất là lâu thì mới dám đẻ con đấy bởi vì là nó có rất là nhiều vấn đề. Ví dụ như là con mang họ ai, thì con phải mang họ mẹ, có nhiều vấn đề phức tạp lắm, xong rồi về bảo hiểm đấy các thứ của con đấy. **Nói chung là trên danh nghĩa thì tớ chẳng là gì với là thằng bé này cả mặc dù nó là con tớ, cái đấy vẫn là một cái tớ không biết làm thế nào nhưng mà cũng phải chịu thôi....** Nó liên quan đến rất là nhiều thứ từ pháp lý này, ví dụ như là vợ tớ lo về việc đứa bé. Bọn tớ khác họ nên là đứa bé sẽ phải mang họ vợ thì như thế thì nó sẽ kiểu nhà bên vợ tớ sẽ có một dấu chấm hỏi đấy. Xong rồi vấn đề về việc mang thai hộ, nghĩa là lúc đấy vợ tớ cũng muốn là đẻ đứa bé đấy là con của tớ. **Bởi vì vợ tớ nghĩ là như thế thì thiệt thòi cho tớ khi mà đứa bé sinh ra không hề có máu mủ gì với tớ mà tớ lại phải nuôi nó, thì vợ tớ muốn là lấy cái phôi của tớ đẩy đưa vào người vợ tớ để mang thai thì như thế thì nó được cả hai.** Đấy là vợ tớ nghĩ thế, thì **nhưng mà cái mang thai hộ này thì nó cũng không được, nó cũng không được phép, nó chỉ được phép với cả là một đôi dị tính vô sinh chứ còn như bọn tớ chẳng có vấn đề gì cả.** Thì vợ tớ phải tự mang thai, thế xong rồi về vấn đề về chi phí mang thai hộ, chi phí để làm thụ tinh đấy nó rất là đắt thì cũng phải là suy nghĩ. Chỉ có phần trên giấy chỉ có họ của mẹ trên giấy khai sinh và chỉ có phần tên mẹ trống phần tên bố. Bây giờ là như thế bởi vì bọn tớ không có đăng ký kết hôn mà, tớ hỏi một anh luật sư thì anh ấy bảo nếu cậu cũng muốn giám hộ cho đứa bé này thì cậu đứng ra xin làm mẹ nuôi của nó. Bởi vì trên giấy tờ nếu tớ đứng là mẹ nuôi nữa tớ không là mẹ của nó được. **Nó còn chịu sự kỳ thị nhiều hơn đấy khi mà tớ đứng ra tớ làm mẹ nuôi.** Thế là tớ bảo thôi thế thì cứ để cho vợ em là mẹ nó một mình thôi cũng được, hiện tại chưa cần, trống bố trống phần tên bố. ...bé nó rất hay ốm mỗi lần nó lên viện thì không thể là tớ đi được vì là tớ không là ai cả tớ không được ký vào

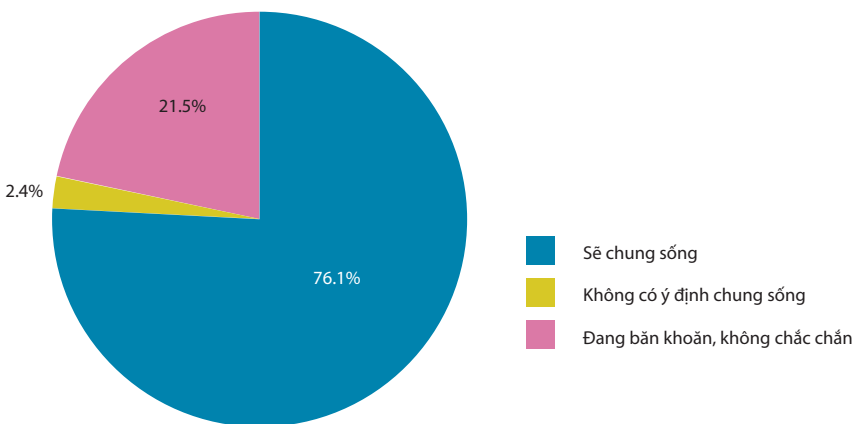
*bất cứ một cái vấn đề gì của nó cả, phải là mẹ nó. Thế là có nhiều lúc mà kiểu nó khóc kiểu bọn này nó hay khóc lên viện nó hay khóc đẩy mẹ nó bế nó ra chỗ khác thì tớ làm giấy tờ. Thì chị ấy hỏi là anh là ai, bởi vì nhìn không thấy tên bố, thế là tớ bảo là tớ là bạn của bạn ấy, bạn của vợ tớ đấy, thế là chị ấy bảo anh không có nghĩa vụ gì hết, anh không được nộp các giấy tờ này, anh bảo chị ấy tự tay nộp, đẩy nộp giấy tờ người ta còn không cho nộp.*  
(Tiến, transguy, 27, Hà Nội)

## Dự định chung sống cùng giới

Với những người hiện đang trong quan hệ tình cảm cùng giới mà chưa chung sống (3964 người), 76.1% cho biết trong tương lai họ có ý định sẽ sống chung, 21.5% cho biết họ còn đang băn khoăn và chưa chắc chắn về quyết định này, chỉ có 2.4% cho biết họ không có ý định sống chung với người yêu trong tương lai. (Biểu đồ 19)

Biểu đồ 19: Dự định sống chung

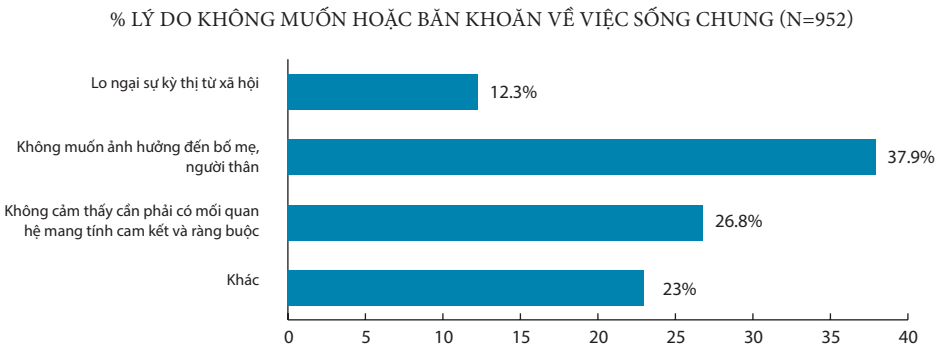
% DỰ ĐỊNH CHUNG SỐNG VỚI NGƯỜI YÊU/BẠN ĐỜI CÙNG GIỚI (N=3964)





Khi nói về lý do khiến các cặp đôi cùng giới e dè trong việc sống chung hoặc quyết định không sống chung, những người lựa chọn quyết định này cho biết họ lựa chọn như vậy do e ngại việc sống chung của họ sẽ khiến cha mẹ, người thân bị ảnh hưởng (37.9%), do lo ngại sự kỳ thị của xã hội (12.3%), hoặc đơn giản là do họ cảm thấy mối quan hệ của họ chưa đủ cam kết và ràng buộc để bắt đầu cuộc sống chung (26.8%). Ngoài ra, một tỷ lệ nhỏ những người khác cho biết họ quyết định chưa/không sống chung với người yêu cùng giới do chưa có đủ điều kiện kinh tế, chưa đủ tự tin để bắt đầu cuộc sống chung hoặc lo ngại những bất tiện mà việc sống chung có thể sẽ mang lại. (Biểu đồ 20)

Biểu đồ 20: Lý do không muốn sống chung



### 3.5 Quan hệ 'hôn nhân' trên thực hành - nhu cầu với những bảo hộ pháp luật

Sự thay đổi trong quy định pháp luật vào năm 2014 đã ít nhiều tác động tích cực đến cuộc sống và trải nghiệm của các cặp đôi LGBT. Có thể nhận thấy, việc loại bỏ đám cưới của người đồng tính ra khỏi quy định cấm trong pháp luật đã tạo ra một niềm hy vọng, một sự khích lệ nhất định cho các cặp đôi cùng giới trở nên tự tin hơn trong việc thể hiện tình yêu, lựa chọn sống chung và gây dựng các mối quan hệ bền chặt lâu dài, tuy nhiên sự thay đổi này vẫn chưa mang lại sự bảo hộ về mặt luật pháp cho các cặp đôi cùng giới.

*Với anh thì cái luật này ở Việt Nam thì khi mà, khi mà được từ năm 2014 anh theo dõi tới đây đây thì không cấm có nghĩa là giống như lúc trước đó anh được đọc một số bài báo như là đơn giản là khi mà em thực hiện một cái đám cưới bên ngoài thì công an họ sẽ tới họ hỏi vặn em giấy phép đâu rồi thế này thế kia, rồi rất là rần rần về những*



*cái bài báo đó, đó là vi phạm pháp luật, tất nhiên vi phạm pháp luật thì em sẽ đền là bằng cách là phạt hành chính, rồi về dân sự về hình sự, không phải là về hình sự nhưng mà có thể là như thế nào đó, nhưng mà khi em bỏ đi, em bỏ đi em không cấm nữa thì họ tổ chức thì mắc gì em phải cấm người ta, đó là một cái bước chuyển mới, thì bây giờ hiện tại thì em thấy đám cưới ào ào ầm ầm, thay vì em phải bay đi một cái nước khác để em đăng ký kết hôn thì hiện tại thì mình không cấm thì mình đã được tổ chức rồi, mình tổ chức thì đâu có ai gì với mình nữa, nhưng cái việc mà thừa nhận hay không thì trong tương lai anh hy vọng là sẽ thừa nhận, nhưng mà để được như vậy thì cả một cái quá trình dài không phải chỉ riêng một người cũng không phải là của một tổ chức mà cả một cộng đồng rất lớn, cộng đồng LGBT, thì đó chỉ là hy vọng thôi, còn với riêng bản thân anh cái vấn đề lớn nhất của anh không phải là xã hội, vấn đề của bản thân anh là gia đình, chỉ cần gia đình chấp nhận là anh đã thoải mái rồi, còn về xã hội nhìn mình như thế nào thì việc đó là của họ, nhưng mà vẫn quan trọng là giống như anh nói là anh vẫn muốn trong tương lai là họ sẽ thừa nhận và anh cũng sẽ như bao người khác tương lai sẽ có một cái giấy kết hôn đàng hoàng.*

*(Huân, 28 tuổi, gay, TP. HCM)*

Trong bối cảnh chưa được công nhận hôn nhân hợp pháp nhưng quy định cấm tổ chức đám cưới được huỷ bỏ, các cặp đôi đã tìm ra được cảm hứng cho sự bắt đầu “gia đình” của riêng họ, và tạo nên những “nghi thức” mới để ghi nhận sự kiện này.

*Là đi coi nhẫn, là đi coi nhẫn thì lúc đó anh còn suy nghĩ là nhẫn gì cũng được, miễn là nhẫn, là tức là nhẫn đây sẽ là nhẫn nhịn, nhẫn nhục, để cho cái hai người sẽ yêu nhau và sẽ cố gắng là được bên nhau càng lâu càng tốt, sẽ không có khái niệm có cái gì là mãi mãi hết, tình yêu là nó lý thuyết là cái gì cũng là đời đời kiếp kiếp mãi mãi, thì đó là chỉ những cái câu văn hay để mà viết để mà nói cho nhau nghe, để mà nghe cho nó sướng tai thôi, chứ còn thực tế mà nói sẽ không có cái gì là mãi mãi, thì lúc đó tụi anh đã đi chọn nhẫn thì để dành, đó là tết tây mà để dành tới tết ta, thì chính thức ngày mừng một tháng một năm 2016 đấy thì là tụi anh chính thức là ký nhận một cái tờ giấy tượng trưng thôi, kiểu như là tờ giấy chứng nhận hôn nhân gì đó, anh tự anh tự gọi là miễn sao cho mình thích*

*là được, nghĩa là người bạn của mình có cái cảm giác cái gì đó nó riêng tư, đó là lần là bọn anh chính thức tổ chức ở bàn thờ và tự hứa hẹn với nhau, thì tới nay đây, từ năm 2016 tới nay thì nó đã được ba, trải qua ba năm rồi, 2016, 2017, 2018, bây giờ bước vào năm thứ tư.  
(Kha, 36, gay, TP. HCM)*

Như nội dung mô tả và phân tích ở các mục bên trên, có thể nhận thấy các cặp đôi LGBT mặc dù đều gặp những khó khăn nhất định trong mối quan hệ chung sống của mình, tuy nhiên họ đều ít nhiều có sự linh hoạt và thích ứng của riêng mình với những khó khăn đó để có thể duy trì sự bền vững của mối quan hệ gia đình mà họ đang nỗ lực xây dựng cho riêng mình. Với các cặp đôi lớn tuổi hơn, do đặc thù về kinh tế và các sắp xếp cuộc sống của họ có phần ổn định hơn, đồng thời họ có thời gian dài trải nghiệm và tích lũy những chiến lược và kinh nghiệm để thích ứng phù hợp với bối cảnh gia đình và xã hội, với họ được đăng ký kết hôn không mang nặng ý nghĩa về gia tăng tính cam kết giữa hai người hay biểu tượng cho quan hệ tình yêu đôi lứa. Nhưng nhu cầu về tiếp cận bảo hộ luật pháp vẫn là nhu cầu thiết yếu đối với các cặp đôi này:

*Loài người đâu phải là loài đâu phải kết hôn mới sống được với nhau, loài người đâu phải là loài luôn luôn như vậy đâu, nếu mà muốn như vậy thì bỏ luôn dị tính đi sao không bỏ, người ta vẫn muốn là, vì người ta vẫn muốn là coi như được chính thức chồng vợ, tại vì nhiều khi chồng vợ với nhau nhưng mà mất người nhà nó kia chẳng hạn, xong người này mất đi thì người kia không được gì hết, như thế không được đúng không, chị cũng đâu muốn là cái việc này đâu, chị có gì nó chăm sóc chị rồi sau đó cái, nó không ở được, mình cũng phải có an ủi, mình cũng phải có ít nhất người ta đến khi mà mình mất rồi thì mình mới để lại cái nhà cho người ta sống, rồi quyền thăm nuôi, đó thì mình muốn những cái thứ đó, mà Việt Nam bây giờ luật cũng hơi lỏng lẻo nói thật, ở nước ngoài nó còn quyền thăm bệnh viện, giống như một người bị bệnh, người kia nó không phải gia đình mình nó không cho vô thăm, ở nước ngoài nó làm căng chuyện đó chứ ở Việt Nam mình ai thăm cũng được, thì cái đó mà tới một lúc nào đó mình giống như vậy thì mình cũng phải có giấy tờ, mình giống như là có người cháu, con cái hay là mình bị cái gì đó là bác sĩ nó nói người nhà phải ký tên, mà nhiều khi ước muốn bố mẹ cũng giống như chị nói này, nếu mình mà bị cái gì đó không có muốn kéo dài đau đớn, chỉ muốn chết tặc tử cho nó nhanh, nếu mà Vy có xảy ra thì chị nói không được, (Vân, 53 tuổi, lesbian, TP. HCM)*

Những thoả thuận, trách nhiệm về tài sản chung trước khi sống chung và tài sản phát sinh sau thời điểm bắt đầu sống chung được họ ngầm giao ước với nhau dựa theo quy định đối với hôn nhân dị tính như những ‘thông lệ’ để họ làm theo. Những giao ước này chỉ dừng lại ở sự trao đổi với nhau giữa cặp đôi, cùng đồng thuận, tuy nhiên không có giấy tờ hay bằng chứng ghi nhận về thoả thuận này.

*Anh xác định như thế này này và hết sức thực tế, đó là đây là nhà của anh, tài sản mà ở trong nhà bạn anh, là tài sản của bạn anh trước khi có anh, thì nó sẽ thuộc về quyền sở hữu của bạn anh, và những cái gì mà mua sau thời điểm mà tụi anh đến với nhau đó, cụ thể ví dụ như là tụi anh đến với năm 2016 đi, thì sau năm 2016 có những cái tài sản mà chung của tụi anh đó, thì sau này nếu mà tụi anh dừng lại, chia tay đó, thì chiếu theo luật của người dị tính thì là sẽ chia đôi, đó là những gì mà thông thường nó là như vậy, còn nếu như mà nếu như bản thân của anh suy nghĩ đó thì là yêu là cho, là mình cho đi tất cả những gì mình có thể cho người mình yêu, thì khi mà nói mà hết yêu đó thì sẽ tự gọi là tự chia đi, tự chia những gì mà cả hai nhận thấy là cần chia với nhau thì sẽ chia, còn nếu mà thấy không cần thiết đấy thì sẽ không có chia gì cả, ví dụ như anh nói đơn giản là bản thân anh đi, anh vì lý do gì đó mà bạn anh không còn yêu anh nữa và cả hai đều dừng lại để có một cuộc sống bình thường, muốn sống một mình hay là muốn tìm hiểu ai đó thì anh vẫn chấp nhận...*

(Kha, 36, gay, TP. HCM)

Hoặc nếu có, những thoả thuận này chỉ được ghi nhận bằng văn bản dân sự mà họ tự thảo ra:

*Không lập văn bản, cái đó thì cũng có lập văn bản, chứ không phải không có lập mà anh tự lập thôi, tức là anh tự lập văn bản, nếu mà anh ngôi anh lập, anh ngôi anh làm mà có những cái vấn đề hai anh em cãi nhau xong rồi rồi lập văn bản để đó vậy đó, rồi anh in ra anh để cho đọc để biết cái nỗi lòng đang suy nghĩ vậy đó, cho nên là mọi tài sản của anh là của anh, là anh sẽ không có nghĩ tới, và ở biên bản anh cũng có ghi rõ luôn, chia sẽ luôn rõ như mà anh mà có vấn đề gì đó thì cái tài sản này là sẽ được gửi về cho bên, phía bên gia đình của anh, và thậm chí là nếu như mà anh có cho anh đó, anh có cho anh tài sản của anh, cho một phần tài sản của anh mà anh thấy nó phù hợp với anh, hoặc là anh cần thì anh sẽ nhận, còn nếu như*

*anh thấy là anh, nó không phù hợp anh không cần nó và anh sẽ gửi cho gia đình của ảnh, những người em của ảnh nó cần hơn, thì anh sẽ chuyển cái tài sản đó tới cái người thân của ảnh thì như vậy nó sẽ hợp lý.*

*(Kha, 36, gay, TP. HCM)*

“Chức năng kinh tế” của gia đình được các cặp đôi thực hiện hoá một cách linh hoạt: sự phân công lao động trong gia đình, hoạt động tạo thu nhập và chi tiêu cho gia đình được các cặp đôi thoả thuận và làm theo nhằm duy trì bền vững cuộc sống của họ:

*Chi tiêu tài chính đấy thì bạn của anh là quán xuyên hết mọi cái chi tiêu tài chính ăn uống ở nhà, anh chỉ có đi làm về, chỉ có sáng đi làm, tối về thôi, mọi thứ trong nhà anh ấy lo hết, anh chỉ có ăn cơm rửa chén thôi, còn về tài chính đó thì ảnh có tiền, tiền của ảnh thì ảnh có cái chi tiêu trong gia đình, còn cái tài chính của anh đó là anh đi làm về một phần đấy là anh hỗ trợ cho má, còn phần còn lại thì anh phục vụ cái việc chi tiêu trong gia đình, trong ngôi nhà này, tuy nhiên ảnh thì ảnh có nói với anh đó là anh sẽ không lấy một đồng nào của anh hết, thế và cái tiền chi tiêu đó anh tự biết là anh để trong cái hộp đó, để trả cái tiền mà anh với ảnh sống chung, nhưng mà ảnh không lấy cho nên cái tiền mà anh đi làm về anh sẽ để riêng ra để bỏ vào đó là tiền của anh, của ảnh thì anh nói là của ảnh, còn đâu là anh không có cái tiền gọi là gửi hay nợ gì hết, thì anh nói chắc là dài dài đó, trước khi mà em liên hệ thì đó là cái ngày tụi anh cũng có hồ hởi một chút xíu, và cũng nói ra hết cái sự hồ hởi ở trong lòng, anh nói là anh đi làm về thì anh còn muốn gì nữa, bây giờ tôi đi làm về bao nhiêu tiền tôi cũng đem về nhà hết rồi tôi không có đem đi đâu nữa hết, tôi đem về nhà và tôi để ở đó, tôi để ở đó có vấn đề gì thì lấy ra mà xài thôi chứ tôi không có để làm của riêng của tôi, còn nếu mà sau này có vấn đề gì mà mờ ám thì tôi chỉ có đi với bản thân của tôi thôi, tại vì anh là tất cả đối với tôi, tôi mất anh là mất tất cả, tôi không còn quan trọng gì cái thứ khác nữa, đó cũng chia sẻ cái chuyện đó, hàng ngày anh quan hệ với ảnh, và anh có tạo một vài cái không khí sinh động cho ảnh.*

*(Kha, 36, gay, TP. HCM)*

Với những cặp đôi lớn tuổi hơn, trải nghiệm của họ có thể phong phú hơn và họ cũng có kinh nghiệm ứng phó với thực tế và các khó khăn đến từ gia đình, xã hội và pháp luật, thì việc công nhận hợp pháp hoá hôn nhân không mang nhiều ý nghĩa truyền cảm hứng hay tạo nền tảng xây dựng sự tự tin cho mối quan hệ bền chặt của họ, mà nó mang ý nghĩa cộng đồng nhiều hơn:

*Có thể là thời của tụi anh, anh đang 36 tuổi, còn bạn anh lớn hơn một con giáp là 48 tuổi, thì cái thời của tụi anh là sẽ không có công nhận luật hôn nhân của người đồng giới, và tụi anh cũng không có buồn về chuyện đó, và cái mà tụi anh có là cái hiện tại, và cái mà tụi anh làm nó tương tự như mọi người đó là cái tinh thần, cái tư tưởng, và riêng bản thân anh đó, cá nhân anh thì anh thấy là cũng đủ rồi đó, còn mọi cái vấn đề phát sinh về sau đấy là anh cũng không muốn nó phát sinh đâu, nếu nó có phát sinh đó thì tụi anh phải tự giải quyết thôi, chứ không có phải gọi là làm phiền tới xã hội, còn tất nhiên luật đó thì vẫn phải xây dựng để mà phù hợp chung với tất cả mọi người và bảo vệ những người như anh có suy nghĩ tích cực đi.*

*(Kha, 36, gay, TP. HCM)*

Tình yêu và sự gắn kết thể hiện ở trách nhiệm mà mỗi người tự nhận và làm theo; có thể sự so sánh là khắp khiếm, tuy nhiên trong thực tế khi không có những tấm gương hay mô hình nào để làm quy chuẩn cho sự gắn kết của cặp đôi LGBT, họ coi sự gắn kết ấy không khác gì trách nhiệm và sự gắn kết mà các cặp vợ chồng dị tính dành cho nhau trong đời sống hôn nhân:

*Bạn ấy thì cũng hay ra ngoài kia có chăm sóc trong lúc gia đình đang ví dụ như là có khó khăn như là bố ốm rồi vân vân chẳng hạn thì bạn ấy là có mặt, hiện tại thì nhà mình thì mình thấy mối quan hệ giống như là nam nữ, không có thiếu đi bất kỳ một cái trách nhiệm nào cả....Chị nghĩ chắc cũng vậy, nếu mà có vấn đề gì thì chị cũng không thiếu một cái trách nhiệm gì cả, giống như vậy, không khác gì, các cặp nam nữ sao thì nữ nữ nam nam chắc trách nhiệm tương đương, không giảm bớt trách nhiệm gì hết đấy.*

*(Minh, 34 tuổi, lesbian, TP. HCM)*

*Thực ra là cái trách nhiệm thì cũng anh cũng thấy nó như là những cặp gia đình khác thôi, ví dụ như là lễ lạt ma chay hiếu hỉ thì mình đều có quan tâm, đều có quà cáp cho gia đình bên đó của bạn đấy, còn ở bên này thì ví dụ với bạn ấy thì lễ tết thì bạn ấy cũng có sự hỏi thăm, cũng*

*như là có sự đóng góp cùng anh cho gia đình, nó như cuộc sống của hai người nam nữ bình thường, cũng không có gì là khác biệt cả.*

*(Quang, 32, gay, TP. HCM)*

Sự cởi mở, bộc lộ về tính dục, cộng với sự chấp thuận, ủng hộ của gia đình có tác động vô cùng tích cực đến trải nghiệm tình yêu và quan hệ sống chung của các cặp đôi LGBT:

*Gia đình là một cái nó giúp tình cảm của bọn anh nó gắn kết với nhau hơn, nó chiếm đến năm mươi phần trăm, nó chiếm đến năm mươi phần trăm đấy, khi mà mình có sự hậu thuẫn của gia đình, và hai bên gia đình đều đồng cảm và gọi là tác hợp cho nhau, thì nó giúp bọn anh gắn kết đến năm mươi phần trăm, hầu như các hoạt động của hai gia đình đều diễn ra liên tục, thì đó cũng là cái mà anh xây dựng ngay từ lúc đầu, ngay từ việc như là hai gia đình qua thăm hỏi nhau từ các dịp lễ tết này, hay là những cái dịp mà đi du lịch hàng năm, để cho hai bên gia đình đi cùng nhau chẳng hạn này, và mình đừng có ngại cái việc mà mình giới thiệu bạn ấy với cả họ hàng và gia đình nhà, đừng cố che giấu, cái việc anh nghĩ được như hôm nay là nhờ anh open, anh không chỉ open bạn ấy với bố mẹ anh, mà con cô dì chú bác anh chị em, đầu tiên là anh dắt bạn ấy đi chơi với cả anh chị em trong gia đình, từ đó bắt đầu mới đến bố mẹ của các anh chị em họ, thì bên bạn ấy cũng vậy, thì nhờ cái việc đấy mà khi mà gặp nhau thì bạn đó không có gì là ngại ngùng cả, lễ tết là lên thăm hỏi ông bà, cô dì chú bác, xong rồi ngày giỗ ngày chạp thì cũng đều có mặt hết, không có một sự giấu diếm gì cả, và cả gia đình anh thì là đều coi bạn ấy như là con dâu trong gia đình, coi bạn ấy như con dâu trong gia đình.*

*(Quang, 32, gay, TP. HCM)*

Khi không có được sự chấp thuận hay ủng hộ công khai của gia đình, các cặp đôi hoặc lựa chọn giữ bí mật về mối quan hệ của họ với gia đình hai bên (hoặc với phía gia đình không ủng hộ), hoặc giới thiệu người bạn đời/người yêu của mình với gia đình theo tư cách của một người bạn thân. Có gia đình chấp nhận thực tế, có gia đình tỏ ra nghi ngờ, hoặc lựa chọn im lặng và ngầm hiểu về bản chất của mối quan hệ giữa con của mình và người “bạn thân”. Phản ứng và cách thích ứng của các gia đình đối với các cặp đôi cũng rất đa dạng.

Thực ra thì ở tuổi của anh ấy thì nếu có thể biết bạn của anh ấy thì vẫn phải qua anh ấy, thì thực ra gia đình của anh ấy thì mình cũng thường kiểu đi qua lại ví dụ như mua quà biếu, kiểu mua quà biếu này hay những ngày lễ các thứ thì mua đồ các thứ làm đồ ăn, hay là chẳng qua, bởi vì anh ấy là con một thì người ta kiểu cái việc mà, để ý gia đình cũng kiểu cũng hơi ít bởi vì anh ấy đi làm khá nhiều, và công việc cũng khá là dày đặc, thực ra có những lúc mình vẫn đi mua đồ hộ này, hay là mua đồ ăn hay là các thứ mà cần thiết thì anh ấy sẽ bảo mình là em đi mua cho anh cái này, cái này thì mình sẽ kiểu đi mua các thứ xong mang qua nhà cho bố mẹ... Thì nghĩ là biết với tư cách là bạn của con, thực ra cũng không thể nào mà hỏi, có thể biết là mình là gì của người yêu được, người ta cũng sẽ không ấy, bởi vì nghĩ mình cũng có thể là ngại những cái câu hỏi như vậy...Thì bạn ấy cũng hay mua đồ ăn cho ví dụ như là, mua cho nhà mình mua đồ ăn này hay thỉnh thoảng mua quần áo cho cháu mình, tại vì mình có một đứa em gái mà, kiểu cũng kết hôn rồi và có con gần năm tuổi rồi thì kiểu mua quần áo cho cháu các thứ. Thực ra thì bố mẹ mình thì cũng ít khi biết, chỉ con em gái mình nó biết.

(Luân, 31, Hà Nội, gay)

Chị nghĩ nếu như về mặt cái cộng đồng người Việt của mình, cái thế hệ trước mà chưa chấp nhận được, thì có thể khi nó bắt đầu bằng cái chuyện thay đổi của nhà nước và của luật thì họ sẽ bắt đầu thay đổi nó sẽ nhanh hơn, chứ nếu luật vẫn ngăn cấm thì làm sao những con người như thế hệ trước của mình nó có thể đồng ý một cách hợp lý, rồi cũng cần có một cái sự gọi là at the change người ta, tại vì cái đợt mà bỏ cái chuyện cấm đấy, những cái người lớn họ đâu có quan tâm, đâu thấy, chị thì chị nghĩ, chị là một người khá là nhạy cảm và chị hiểu được, chị hiểu được tâm lý của những người lớn, những người mà họ kỳ thị, chị có thể cảm nhận được họ.

(Phương, lesbian, 27, TP. HCM)



Chính vì vậy, công nhận và hợp pháp hoá kết hôn cùng giới với các cặp đôi LGBT được xem như một nhu cầu cấp thiết. Trước tiên đó là sự công nhận chính thức về tình trạng mối quan hệ của cặp đôi, là danh nghĩa, chức phận được luật pháp bảo hộ.

*Ngay cả đến bây giờ về nhà anh, [...] tất cả mọi người đều hỏi là “Minh là gì đấy”, anh bảo là anh con. [...] bởi vì pháp luật không thừa nhận, thì bản chất nó là cá nhân, nó là một cái gì đó không thuộc về mình. Nó chỉ tự nhiên khi mà được pháp luật được thông qua, chúng ta sống ở một đất nước mà làm việc theo pháp luật, tất cả mọi thứ nó phải theo pháp luật thì người ta mới coi đấy là điều đúng. Khi pháp luật chưa đồng ý thì đấy vẫn là điều sai, nên vì sao anh cứ bảo là anh sống như bị vô thừa nhận.  
(Huy, 28 tuổi, gay, Hà Nội)*

Tiếp đến, việc được phép đăng ký kết hôn sẽ giải toả được những vấn đề lo ngại của các cặp đôi cùng giới trong các quan hệ tài sản, nhà đất, con cái và các vấn đề liên quan khác.

*[Mạnh] Ừ cái quan trọng nhất là đăng ký kết hôn, tại vì cái đăng ký giấy đấy mà hai bên gia đình rất là gay gắt với nhau đấy. Nói chuyện đấy tại vì là hai đứa là đều như thế này rồi mà kiểu là cứ chung sống như thế này thôi nhưng mà đến lúc mà không may có chuyện gì xảy ra đấy cần phải pháp luật can thiệp vào đấy thì hai đứa đều không có cái giấy tờ gì và không được pháp luật bảo vệ gì. [...] và đến lúc mà có con đấy thì lại trên giấy khai sinh của Thủy thôi, mình thì lại không có trách nhiệm gì. Đến lúc đấy thì không may có chuyện gì xảy ra đấy thì bố mẹ là rất là lo, đặc biệt là bố mẹ Thủy này. Còn bố mẹ mình thì rất là thoải mái tại vì cũng không nghĩ được nhiều như kia.*

*[Thuỷ] Mẹ mình nói là thế không có giấy đăng ký kết hôn, con gái tôi lấy con gái ông bà khoảng mấy năm nữa không ai nói trước được nhờ đâu hai đứa nó chán nó bỏ nhau thì lúc đấy con tôi lại không có danh phận gì. Xã hội người ta lại nói là đi lấy con gái không có danh phận gì, mà bây giờ lại bỏ nhau thì nó đang dở. Mà ở quê thì chắc là em biết rồi đấy, mọi thứ nó bé nó xé ra to như thế cho nên mẹ mình thì rất là lo. [...] giá như mà Mạnh được chuyển giới tính một cách tự nhiên, nghĩa là một cách không phải là quá khó khăn như pháp luật Việt Nam bây giờ vậy thì mình được*



đăng ký kết hôn. Mạnh được chính là mình, mình thứ nhất là có chồng, con mình là có bố thì giá như mọi thứ nó hoàn hảo bao nhiêu. Tất nhiên là hoàn hảo cái gì hoàn hảo thì đều không tốt thế nhưng mà cái đấy nó cũng không phải là một đòi hỏi gì đấy quá cao, một điều bình thường thôi.

[Mạnh] Thì là kiểu là một cái gì đó nó thuộc về quyền của con người đấy, mà mình không may mà kiểu lại không được nên là thế, mất đi quyền lợi.

(Mạnh, trans man, 25 tuổi, Hà Nội) (Thủy, nữ, 25 tuổi, Hà Nội)

Hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới được xem như một phần của quyền con người mà họ mong ước được pháp luật bảo hộ và thực thi.

Tờ giấy kết hôn ý nghĩa của nó là gì, thì đó là một cái tờ giấy hết sức là bình thường. Đó là một cái niềm tin để cho người ta gắn kết với nhau, chứ nó không phải một cái gì đó để cho người ta ràng buộc nhau. Ở đây một cái vật thể có thật để cho con người ta, để cho pháp luật, để cho nhà nước và để cho cả thế giới công nhận là người ta được phép, được thực hiện những cái quyền tự do yêu nhau của con người với con người. Và người ta mong muốn cái điều đó và được mọi người đại đa số thừa nhận và người ta thấy người ta trở lên bình thường. Đó là người ta muốn như vậy, còn vấn đề về pháp lý về hậu kết hôn đó là ly dị, thì có kết hôn thì mới có ly dị, mới có chia tài sản này nọ. Để có một cuộc sống tiên tiến, thì anh không quan trọng cái chuyện là hậu kết hôn làm sao, cái hậu kết hôn đó là ly dị, anh không quan tâm nhiều về ly dị, đặt nặng vấn đề về ly dị. Tại sao luật phát bảo vệ những người kết hôn để sau đó là thông qua cái luật ly dị, mà chia tài sản cho họ để bảo vệ cái quyền lợi cho họ, là bởi vì họ tự làm cái rắc rối cho mình rồi, phải để nó bắt luật pháp phải giải quyết cái vấn đề rắc rối của bản thân họ. Còn nếu như họ mà suy nghĩ được tốt đấy, thì tự họ giải quyết được vấn đề cho mình, không cần tới những nhà làm luật để phân chia cho họ nữa, cho nên anh sẽ khó hơn.

Tuy nhiên cái việc khó của anh là một cái sự riêng tư cá nhân của anh thôi, còn để đối với đại đa số thì nên cho những người đồng giới có một cái tờ giấy kết hôn, để họ được tôn trọng, để họ được có quyền như những người khác, đó là quyền con người tự do yêu đương và kết hôn.

Tại sao những người kia được tự do yêu đương và kết hôn còn những người này tại sao không được tự do yêu và kết hôn. Anh sẽ đề cao về vấn đề này quyền của con người là trên hết, và từ cái quyền của con người đó nó sẽ kéo theo những cái quyền lợi trong mỗi cái quốc gia khuôn khổ quy định cho phép. Và để cho những nhà làm luật và những người mà có nhiệm vụ về cái quyền của con người đi kêu gọi, đi vận động và đi lên tiếng bảo vệ cho nhóm người nào đó cũng có quyền con người mà họ chưa được mọi người công nhận, thì cần phải có giấy kết hôn.

(Kha, gay, 36 tuổi, TP. HCM)

Nói chung tui thân là cũng có tui thân. Lúc đầu anh cũng có cảm giác mình không phải là một công dân. Mình vẫn đóng góp vào cái chuyện là đi làm mình cũng đóng thuế bình thường, nói chung là mình làm nghĩa vụ của một công dân các nghĩa vụ. Mình còn tham gia các công tác xã hội, công tác hỗ trợ về dịch bệnh. Nói chung là cũng có đóng góp vào xã hội, mình không có yêu cầu quyền lợi gì quá đáng. Thì ai cái quyền mưu cầu hạnh phúc là một cái quyền mà rất là người ta gọi là cái quyền cơ bản của con người. Bởi vì ai sống cũng mong muốn được hạnh phúc hết, nhưng mà có một số cái bất cập như vậy làm cho mình cảm thấy là hồng lẽ mình có làm cái gì để mình phải ở cấp dưới một con người bình thường hay không, trong khi đó mình hoàn toàn bình thường, bình thường về cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

(Đoàn, gay, TP. HCM)

Thừa nhận hôn nhân đồng giới, thì nó cũng công nhận cái quyền con người. Khi đấy những cái người LGBT họ đi làm đấy, họ đi làm, họ cũng sẽ thứ nhất là có sự tôn trọng quyền con người của họ tại công ty, họ sẽ tránh được cái sự mà những cái dè bieu, những cái tiếng dèm pha. Vì bây giờ bản thân là pháp luật đã công nhận tôi rồi thì các người không có quyền dè bieu hay là dèm pha, hay là đàn áp tôi. Như vậy anh nghĩ là cộng đồng LGBT sẽ tốt hơn cho xã hội, tốt hơn trong công việc và họ sẽ phát triển rất là tốt trong mọi lĩnh vực. Anh nghĩ là cái quyền hôn nhân đồng giới nó rất là quan trọng, nó quan trọng là việc là tôn trọng cũng như là xác nhận cái quyền công dân của những người đồng giới trong xã hội.

(Quý, gay, 29, Hà Nội)

Công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới là sự đảm bảo công bằng và quyền bình đẳng của người dân.

*Thì chị thấy cái luật này nó sẽ là một, một cái bàn đạp để không chỉ là, không chỉ là làm tốt hơn cho những người như chị đâu, mà nó sẽ là tốt hơn cho xã hội, cho đất nước. Tại vì nếu như em đi đưa một cái sự công bằng cho những người LGBT thì họ, chị nghĩ họ sẽ là những người họ sẽ rất là tốt. Em sẽ thấy ít đi những cái trường hợp các bạn cảm thấy bị kỳ thị, ít đi những trường hợp các bạn tự tử, ít đi những trường hợp các bạn thu mình về. Thành ra là chị thấy nếu như trường hợp mà lý tưởng nhất khi mọi sự kỳ thị nó mất đi, mọi người đều như nhau, thì đất nước của mình nói về văn minh và cả kinh tế thì nó sẽ là một điều rất là tuyệt vời.*

*(Phương, lesbian, 27, TP. HCM)*

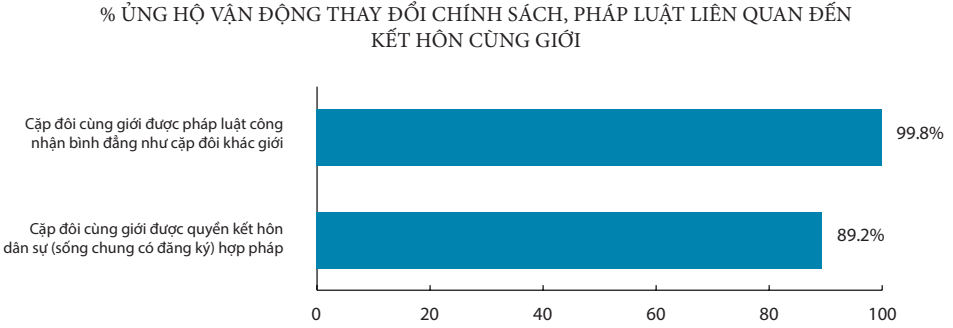
### **3.6 Quan điểm và nhu cầu đối với chính sách/ pháp luật liên quan đến hôn nhân/sống chung cùng giới và việc có con, nuôi con của các cặp đôi cùng giới.**

*Sẽ đăng ký kết hôn, (nếu được) chị thích là có đăng ký kết hôn chứ không phải chỉ làm đám cưới. Dựng rạp đám cưới nó giống như thời điểm thôi, thời điểm tuyên bố rằng tôi là hoa có cảnh chẳng hạn, thời điểm này tôi chuyển sang một cái ngưỡng khác. Nhưng rồi thời điểm người ta sẽ quên ngay, còn tờ giấy đăng ký dưới sự giám hộ của pháp luật hoặc của tổ chức nào đấy thì mang ý nghĩa cao hơn, chị nghĩ là nó có giá trị hơn.*

*(Minh, lesbian, 34, TP. HCM).*

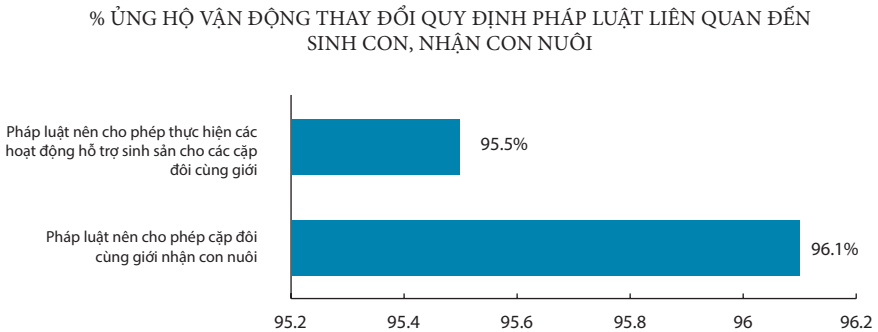
Gần như toàn bộ người tham gia nghiên cứu (99.8%) kêu gọi ủng hộ vận động pháp luật thay đổi theo hướng công nhận cặp đôi cùng giới bình đẳng và có thể kết hôn như những cặp đôi khác giới. Đa số (89.2%) mong muốn các cặp đôi cùng giới được quyền đăng ký kết đôi dân sự (sống chung hợp pháp, có đăng ký) mà không phải là kết hôn. (Biểu đồ 21)

Biểu đồ 21: Ý kiến về thay đổi chính sách/pháp luật liên quan đến kết hôn đồng giới



Về vận động thay đổi chính sách, pháp luật liên quan đến việc sinh con, nhận con nuôi của các cặp đôi cùng giới, gần như toàn bộ mẫu nghiên cứu (96.1%) mong muốn pháp luật Việt Nam cho phép các cặp đôi cùng giới nhận con nuôi. Đa số (95.5%) mong muốn có được môi trường pháp luật thuận lợi cho các hoạt động hỗ trợ sinh sản, cụ thể như các quy định về thụ tinh nhân tạo, v.v... cho các cặp đôi cùng giới mong muốn sinh con. (Biểu đồ 22)

Biểu đồ 22: Ý kiến về chính sách/pháp luật về việc sinh con, nhận con nuôi của các cặp đôi cùng giới



Ngoài kỳ vọng vào sự bảo hộ về pháp luật và đảm bảo các quyền lợi bình đẳng cho các cặp đôi cùng giới, người tham gia trong nghiên cứu này cũng đưa ra những nhận định, dự đoán của họ về các tác động xã hội có thể xảy ra nếu như Việt Nam công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới. Những tác động mà họ nêu ra có thể xảy đến cho bản thân cộng đồng của người LGBT, cũng như với gia đình và người thân của họ, và cho cả xã hội nói chung.

Với bản thân cộng đồng LGBT, việc công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân cùng giới trước tiên sẽ tạo một môi trường bình đẳng về bảo hộ pháp luật cho họ như mọi công dân khác trong tình yêu và việc kết đôi (93%); từ đó tạo nên tâm lý tự tin cho chính họ, khi được chính thức công nhận, họ sẽ trở nên tích cực hơn trong đóng góp vào các hoạt động kinh tế, xã hội, từ đó mang lại những hiệu ứng tích cực cho bản thân người LGBT và xã hội nói chung (84.4%).

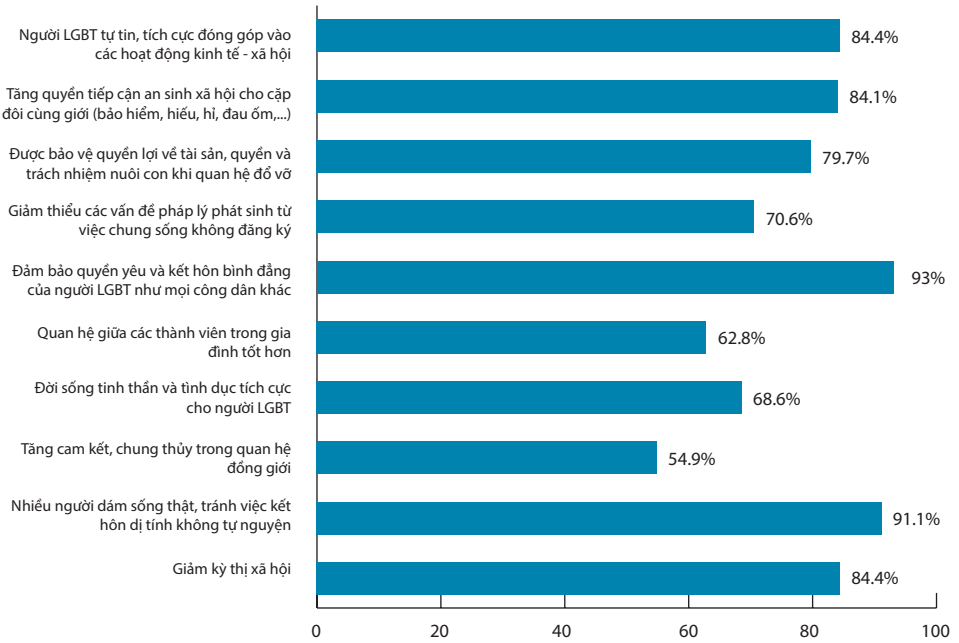
Khi được pháp luật công nhận và bảo hộ, các cặp đôi cùng giới sẽ được bảo vệ quyền lợi về tài sản, quyền và trách nhiệm nuôi con trong trường hợp quan hệ đổ vỡ (79.7%). Có những quy định và bảo hộ pháp luật rõ ràng, các vấn đề pháp lý phát sinh từ việc sống chung không đăng ký sẽ giảm thiểu (70.6%), quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và các cặp đôi LGBT cũng từ đó được cải thiện hơn (62.8%), đời sống tinh thần và tình dục của người LGBT sẽ tốt hơn (68.8%), và nâng cao tính cam kết và sự thủy chung trong quan hệ cùng giới (54.9%).

Đặc biệt, phần lớn (91.1%) người tham gia nghiên cứu cho rằng, việc công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân cùng giới sẽ khiến giảm áp lực kết hôn khác giới đối với người LGBT cũng như thay đổi thái độ và nhận thức của xã hội theo hướng tích cực, giảm kỳ thị xã hội đối với LGBT (84.4%), từ đó giảm thiểu tình trạng “kết hôn giả”, kết hôn khác giới không tự nguyện. (Biểu đồ 23)

Người tham gia trong nghiên cứu định tính cũng chia sẻ về trông đợi của họ đối với việc công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân cùng giới. Đa phần, họ cho thấy những tác động tích cực mà việc này sẽ mang lại cho bản thân họ, cho gia đình, cộng đồng LGBT và xã hội nói chung. Trước hết, được pháp luật công nhận sẽ **giúp các cặp đôi LGBT cải thiện được quan hệ của họ đối với gia đình hai bên**, đặc biệt với những gia đình còn chưa thấu hiểu và chấp nhận quan hệ của con cái họ. Vai trò của người yêu/bạn đời của con cái được chính thức công nhận như con cái trong nhà, sự gắn kết trong quan hệ gia đình cũng vì thế được củng cố hơn.

Biểu đồ 23: Dự đoán tác động xã hội của hợp pháp hoá/công nhận hôn nhân cùng giới

TÁC ĐỘNG CỦA HỢP PHÁP HOÁ/CÔNG NHẬN HÔN NHÂN CÙNG GIỚI



*Bây giờ có luật thì bạn ấy sẽ là con dâu của nhà mình. Tuy là tụi mình không có con đi nữa nhưng mà về phía nhà mình thì bạn đó vẫn luôn được tôn trọng. Kể cả bây giờ có luật thì nó cũng không thay đổi được cái cục diện ở bên nhà đó [nhà bạn gái], nhưng mà về phía nhà mình thì, cứ đến mọi năm đến họp mặt gia đình hay là đám giỗ, bạn đó sẽ gặp má đường đường là một cháu dâu về nhà mình. Mặc dù là bốn năm, năm cái tết vừa qua thì bạn ấy cũng thi thoảng cũng ở nhà mình, chúc tết hai bác thì với cái tư cách là bạn của mình. Mẹ mình rất là quý bạn ấy. Trong họ thì có một bác gọi là có quyền nhất trong nhà và ai cũng sợ bác đó hết. Bạn đó qua nhà mình gặp bác đấy thì bạn ấy cũng sợ. Nhưng mà nếu mà bạn ấy hợp pháp rồi thì là dâu của nhà mình thì gặp bác ấy thì cứ chào bác thôi chứ chẳng có gì phải sợ.*

(An, transguy, 28, TP. HCM)

*Về gia đình anh thì tất nhiên ba anh biết thì ba anh cũng sẽ vui hơn một tí, nghĩa là đã được công nhận rồi thì bây giờ thoải mái hơn về gia đình thì có nghĩa là mình cũng nói chuyện được với những người nào mà khó hơn tí. Và ừ*

*hoặc là với gia đình mình thì bên ngoài của anh đi, ừ bây giờ xã hội nó cũng công nhận rồi thì trong người có người nhà bị như vậy thì tại sao lại không chấp nhận nó.*  
(Huân, gay, 28, TP. HCM)

Theo cách hiểu của các cặp đôi, cha mẹ ngăn cấm việc họ chung sống với nhau một phần cũng chỉ vì lo lắng cho sự ổn định và hạnh phúc của con cái khi không được luật pháp và xã hội công nhận. Vậy nên nếu được chính thức đăng ký, vương mắc này được loại bỏ, việc thuyết phục cha mẹ chấp nhận và ủng hộ cũng vì thế trở nên đơn giản hơn.

*Nhà bạn ấy là theo đạo, lúc đầu khó khăn lắm, chị nghĩ vậy. Chị nghĩ là không biết có chui vào được không đây, mãi về sau mới vào được, mon men, thậm chí là như thế nào nhờ. Cái tết đầu tiên tới được mà gọi là còn không ai tiếp, cái kiểu vậy. Nhưng mà tết sau đấy tới thì mới bắt đầu mọi người mới tiếp rồi là bấy giờ mọi người mới gọi là cho ăn, cho ăn cho uống, thế là kiểu như mừng lắm rồi. Mới thế mà đã thấy mừng lắm rồi, tức là chỉ được một phần mười cái mối quan hệ bình thường thôi là đã mừng lắm rồi, không đuổi đi là mọi người đã thấy may mắn rồi. Đôi khi có luật thì cũng hay hơn đấy nhờ, kiểu như cứ đi đăng ký bữa đi xong rồi quãng cho mẹ tờ giấy này bảo con đăng ký rồi đấy, giờ không có trách nhiệm gì cũng phải có trách nhiệm đi, cũng hay. Thực ra phụ huynh thì hay lo lắng là mình không có bảo hộ gì trước pháp luật, nếu có cái đấy thì phụ huynh có thể an tâm được rồi là mình đang có bảo hộ, một cái bảo hộ gì đấy trước pháp luật. Kiểu như là họ trải qua sáu mươi năm mươi năm cuộc đời họ cảm thấy trên đường đi gặp rất nhiều rắc rối nếu mà gọi là không có một cái bảo hộ về pháp luật gì cả. Sẽ tin tưởng hơn nếu mà nhà nước chấp thuận cho cái việc đấy.*  
(Minh, lesbian, 34, TP. HCM)

Được công nhận và pháp luật bảo hộ sẽ giúp ***cải thiện đời sống tinh thần, nâng cao chất lượng cuộc sống và trải nghiệm hạnh phúc cho các cặp đôi cùng giới nói riêng và cộng đồng LGBT nói chung.*** Khi không còn phải đương đầu với những khó khăn, không còn phải trần trụi với những phương cách để ứng phó với những thiếu hụt trong các quan hệ liên quan đến pháp luật, các cặp đôi LGBT có thể yên tâm hơn trong cuộc sống lứa đôi của mình. Từ đó có thể sống vui vẻ, tâm lý ổn định và thoải mái hơn.

*Nếu mà chấp nhận hôn nhân, tác động là làm cho mình cuộc sống của mình sẽ vui vẻ hơn, mỗi ngày mình sẽ được ra đường, xã hội không còn kỳ thị mình nữa thì mình rất là vui, đó, là trường hợp như vậy, rồi gia đình mình cũng được hãnh diện ừ con tôi nay nó không còn bị ai kỳ thị nữa, đó bà con dòng họ rồi là chú bác hàng xóm gì cũng không còn dị nghị nữa, mà nó rất là thoải mái trong cuộc sống của những người LGBT này nhiều lắm.*  
(Thu, 41 tuổi, lesbian, TP. HCM)

Bản thân các mối quan hệ cùng giới cũng theo đà thay đổi tích cực để trở nên lành mạnh hơn, trong bối cảnh có các khung pháp luật quy định và bảo hộ. Các cặp đôi không còn phải tìm cách ứng phó với các tình huống không được quy định bởi pháp luật, nguy cơ rủi ro về tài sản, tranh chấp quyền lợi với con cái, hoặc trở thành nạn nhân của bạo hành gia đình cũng sẽ giảm thiểu hơn.

*Gây bất lợi chẳng hạn như là đã sống chung mà còn đánh đập vậy đó, thì chính xác là mình không thấy cái tình cảm hôn nhân của hai người đó. Gọi là không phải là hôn nhân nhưng mà cũng là sống chung cũng gọi là hôn nhân rồi, thì ảnh hưởng tới tình cảm là cái thứ nhất, cái thứ hai là ảnh hưởng tới thân xác của cái người mà bị bạo lực.*  
*Tại vì thời buổi bây giờ ai cũng cần luật pháp hết đấy, thí dụ là con nít cũng cần luật pháp, vợ chồng cũng cần luật pháp, nói chung cái gì cũng cần luật, nhưng mà cái đó cái trong giới LGBT này cũng phải cần luật, tại vì có luật để bảo vệ cho cái người nữ hoặc là cái người nam đấy để mà người ta là được quyền như là họ không xâm phạm vào cuộc đời của người ta đó.*  
(Thu, lesbian, 41, TP. HCM)

**Việc cởi mở về bản dạng giới và tính dục trở nên dễ dàng hơn, gia đình và xã hội cũng dễ dàng chấp nhận và ủng hộ hơn** vì khi pháp luật đã cho phép, thông tin truyền thông kiến thức về LGBT sẽ phổ biến hơn. Những cặp đôi còn đang băn khoăn do dự về tương lai của mình có thể tự tin hơn để tiến đến hôn nhân hoặc quyết định lâu bền hơn.

*Nếu như mà chị được góp phần vào cái luật được thông qua thì chị, chị sẽ thật sự nghiêm túc nghĩ đến chuyện đó [bộc lộ với gia đình]. Bởi vì nghĩ đi thì cũng nghĩ lại, nếu như chị không để cho ba mẹ biết mỗi phần cuộc đời này của chị. Thì không hẳn chị đang muốn tốt cho họ, mà là giống như chị đang giấu một phần của chị đi thì nó. Thành ra nếu như được thì nó là tốt, chị nghĩ là nó sẽ không công*



bằng với ba mẹ khi, khi mà mình giấu hẳn đi những phần cuộc đời của mình, rõ ràng đây là một phần rất lớn của mình luôn. Là mình nên sống cuộc sống rất là bình thường, mình đang sống làm việc chung, mình đang giúp nhau tiến bộ chẳng hạn thì tại sao ba mẹ mình không được biết đến chuyện đó. Thì đó bởi vậy chị mới nói đến cái kia và chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống của tất cả luôn chứ không phải của chị và Nhi. Như chị và Nhi là người trực tiếp nhận được cái lợi ích từ cái luật này, thì ngoài ra gia đình của tụi chị cũng sẽ nhận được cái lợi ích, những người anh chị em của Nhi sau này cũng nhận được lợi ích này và những đứa con sau này của tụi chị phải tiếp tục nhận được những lợi ích này.

(Phương, lesbian, 27, TP. HCM)

Nhưng mình muốn được pháp luật công nhận để có thể bảo vệ cho hai đứa và có thể bảo vệ cho tất cả mọi người khác đang muốn có muốn kết hôn. Tại vì bây giờ các bạn còn đang rụt rè cái chuyện mà kết hôn đấy, mà nếu mà có cái đấy ra thì mọi người có thể là giống như là mình tự tin hơn đấy mình có thể bộc lộ cái cảm xúc của mình nhiều hơn.

(Đoàn, gay, TP. HCM)

Được bảo hộ trên luật pháp sẽ là bước tiền đề cho việc **giảm thiểu kỳ thị xã hội đối với người LGBT, làm cơ sở pháp lý để ứng phó với các trường hợp kỳ thị và phân biệt đối xử với người LGBT**. Đến nay, ứng phó và sống chung với sự kỳ thị và phân biệt đối xử do giới và bản dạng tính dục đều là những nỗ lực tự thân của cộng đồng LGBT. Nhiều trường hợp, người LGBT phải chấp nhận im lặng, bỏ qua, và cam chịu với hiện tượng này mà không biết tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ từ đâu. Khi được pháp luật công nhận và bảo hộ, vai trò và vị thế của các cặp đôi LGBT sẽ được hợp pháp hoá, đồng nghĩa với việc họ có thể chủ động lên tiếng bảo vệ chính mình và cộng đồng hoặc tìm kiếm hỗ trợ pháp lý khi gặp phải những tình huống kỳ thị và phân biệt đối xử.

Vì mình cũng ngại cái sự mà dè dặt đi nói với gia đình mình rồi nói với gia đình bên đây nữa cho nên mình cần có cái quyền lợi của mình hơn chứ không phải là đám này kia. Nhưng mà đám gì thì đám nhưng mà xã hội người ta cũng còn kỳ thị lắm, mình phải cần có một cái luật gì đó để bảo vệ cho cái người LGBT giống như mình để mà nói lên được tiếng nói chung mà xã hội không còn kỳ thị.

(Thu, lesbian, 41, TP. HCM)

Thứ nhất là bản thân mình là người chuyển giới mà cũng không bình thường như người nam. Xét mối quan hệ cùng giới thì cũng không thừa nhận về mặt pháp luật, chỉ là hai đứa ra ở với nhau quen nhau vậy thôi chứ không có một cái gì đó. Nếu mà mình có một cái gì đó trong tay, mình đứng lên mình phải đối diện với những người đó mình cảm thấy mình vững vàng hơn đó chẳng hạn.

(An, transguy, 28, TP. HCM)

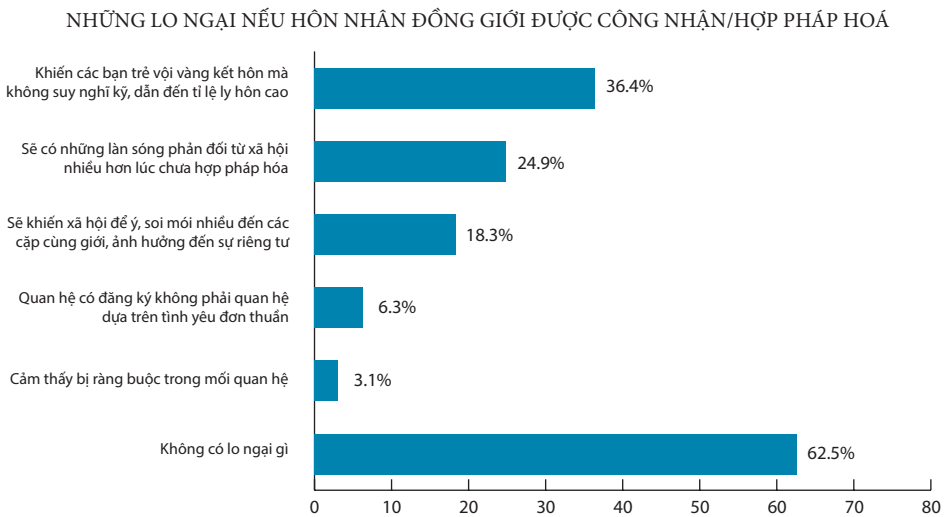
Công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân cùng giới có thể **giúp giảm bớt bản khoăn** **trăn trở trong việc quyết định có con và nuôi con của các cặp đôi.**

Nhưng mà dù thế nào thì chị muốn đứa con đấy nó cảm thấy được ba mẹ nó là bình thường, ba mẹ nó được hợp pháp, chứ không phải nó đi đến trường thì nó bị những đứa khác nói là gia đình mày kỳ lạ, bạn không phải là một đứa con bình thường như những người khác, mình người lớn mình nhìn thấy những cái đó mình thấy ok nó không nghĩ tới nổi, nhưng mà một đứa bé nó không có đủ khả năng để nó phân biệt được, nó không đủ khả năng để nó đứng lên nó biết được cái gì là đúng và cái gì sai mà nó rất là ảnh hưởng đến, một đứa bé nó có thể là cái ảnh hưởng đó nó kéo dài đến sau này luôn, thì cái điều mà chị muốn hợp pháp hóa cũng như là một cái sự chấp nhận chung cả từ người lớn đến những đứa bé nó được giáo dục như vậy, để cho những thế hệ sau những đứa con của mình nó cũng bằng những bạn của nó, nó không phải là giống như là một cá thể thấp hơn mà đặc biệt là khác hơn chỉ bởi vì mình, rồi cái việc đó bắt đầu ở cái việc là trên giấy tờ, nó là cái cơ bản nhất là bắt đầu trên giấy tờ thì phải là guardian, hồi xưa chị làm ở bệnh viện thì theo chị biết nhưng chị không chắc khi có một cặp lesbian họ làm thụ tinh trong ống nghiệm ở đó, thì cả hai người, thì nó dưới, họ sẽ được liệt vào là cái người mà mang con đó là mẹ đơn thân, còn người kia thì thỏa thuận như thế nào đó thì chị không biết, nhưng chị biết là tôi bơm tinh trùng vô cho bạn thì bạn là mẹ đơn thân vậy thôi chứ tôi không nhìn thấy cái người bên đấy.

(Phương, 29 tuổi, lesbian, TP. HCM)

Bên cạnh những dự đoán tích cực về tác động xã hội của việc hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới, những người tham gia trong nghiên cứu này cũng nêu lên một số lo ngại của họ về những hệ lụy mà sự thay đổi này có thể dẫn đến. Cụ thể là, họ lo ngại về sự phẫn khích của cộng đồng LGBT trẻ tuổi có thể dẫn đến vội vàng kết hôn ngay khi pháp luật cho phép cho dù bản thân chưa chuẩn bị kỹ càng về tâm lý cũng như các điều kiện kinh tế xã hội khác cho đời sống hôn nhân; từ đó có thể kéo đến hệ lụy gia tăng tỷ lệ ly hôn trong thời gian sau đó, khiến hình ảnh của cộng đồng LGBT bị ảnh hưởng tiêu cực (36.4%). 24.9% cho biết họ lo ngại sẽ có những làn sóng phản đối từ những người không ủng hộ kết hôn cùng giới nếu như chính sách và pháp luật chính thức công bố thừa nhận và hợp pháp hoá loại hình hôn nhân này. (Biểu đồ 24)

*Biểu đồ 24: Dự đoán những hệ lụy có thể xảy ra nếu hôn nhân đồng giới được công nhận/hợp pháp hoá*



## 4. MỘT SỐ THẢO LUẬN VỀ CÁC PHÁT HIỆN NGHIÊN CỨU TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI HIỆN NAY VÀ Ý NGHĨA CỦA CHÚNG ĐỐI VỚI VĂN ĐỘNG CÔNG NHẬN VÀ HỢP PHÁP HOÁ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI

Trong văn hoá gia đình ở Việt Nam, những quy chuẩn, giá trị về hạnh phúc, bổn phận, trách nhiệm luôn xoay quanh việc kết hôn và sinh con. Các bậc cha mẹ thường nuôi nấng và dạy dỗ con cái, mong muốn con cái trưởng thành, lập gia đình, sinh con để nối dõi, và coi đó là con đường duy nhất để đảm bảo hạnh phúc. Với những người con, việc làm tròn bổn phận kết hôn, sinh con, tạo dựng gia đình thế hệ kế tiếp được coi như bổn phận, là trách nhiệm báo hiếu với cha mẹ. Lớn lên trong môi trường giáo dục gia đình và văn hoá xã hội như vậy, bản thân người LGBT ở Việt Nam đã chịu sự tác động ảnh hưởng sâu nặng trong quá trình hình thành quan niệm về tình yêu, hôn nhân và gia đình của mình, bất kể bối cảnh kinh tế, văn hoá, xã hội liên tục thay đổi kéo theo sự hội nhập, giao lưu của các nguồn thông tin, kiến thức về đa dạng tính dục, đa dạng loại hình gia đình như hiện nay.

Những nghiên cứu về cộng đồng LGBT ở Việt Nam trong khoảng thời gian trước năm 2015 chỉ ra khó khăn trong cuộc sống của các cặp đôi cùng giới trong bối cảnh các bậc cha mẹ của người LGBT ít thấu hiểu và chấp nhận các mối quan hệ này. Tại các địa bàn phía Nam, dường như các bậc cha mẹ và cộng đồng nói chung có tư tưởng thoáng, cởi mở hơn về vấn đề đa dạng tính dục, khiến cho trải nghiệm với việc bộc lộ và kết đôi cùng giới đối với LGBT ở các thành phố miền Nam dường như dễ dàng hơn so với ở miền Bắc. Tuy nhiên, đa phần các cặp đôi thường lựa chọn che giấu mối quan hệ của mình với gia đình nhằm giảm thiểu những mâu thuẫn, xung đột mà họ sẽ phải đối mặt với cha mẹ. Trong bối cảnh không được pháp luật và xã hội công nhận quan hệ cùng giới, cha mẹ vì yêu thương con nên lo lắng, lo con không được sự chấp nhận, ủng hộ thì con khổ, nhưng mặt khác chính cha mẹ góp phần không nhỏ vào sự không chấp nhận đó, tạo nên một vòng luẩn quẩn không lối thoát về tâm lý cho cả các bậc làm cha mẹ và các cặp đôi LGBT. (Nguyễn Quỳnh Trang và cộng sự, 2010)

Một nghiên cứu khác được thực hiện vào năm 2013 cũng chỉ ra những tác động mạnh mẽ của quan niệm gia đình theo chuẩn mực hôn nhân dị tính đã tác động ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người LGBT. Sức ép gia đình và xã hội được ghi nhận như một tác động lớn khiến nhiều người LGBT chấp nhận bước vào hôn nhân dị tính, dẫn đến một nửa số cuộc hôn nhân này kết cục bởi việc ly dị, ly

thân; hay có đến 40% người LGBT băn khoăn và nghĩ đến việc sẽ kết hôn dị tính để làm hài lòng cha mẹ và hoà nhập xã hội. Cũng vì quan niệm này, nhiều cặp đôi cùng giới lựa chọn che giấu quan hệ của mình với gia đình; hơn nữa, gat mối quan hệ đồng giới ra ngoài lễ xã hội do đó có thể ảnh hưởng đến thái độ và hành vi không có trách nhiệm trong mối quan hệ của một bộ phận người đồng tính.

Năm 2015, cộng đồng LGBT chứng kiến thời khắc “vỡ oà” khi Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đối với người đồng tính, song tính, chuyển giới tại Việt Nam chính thức được sửa đổi và đi vào đời sống, theo đó các cặp đôi LGBT không được đề cập đến trong các trường hợp thuộc diện cấm kết hôn. Pháp luật Việt Nam hiện tại quy định những người cùng giới tính, mặc dù không thuộc trường hợp cấm kết hôn, nhưng lại không thừa nhận hôn nhân giữa họ. Nói một cách ngắn gọn, hai người cùng giới không thể kết hôn với nhau. Một nghiên cứu đánh giá tác động của luật này được thực hiện vào năm 2018 cho thấy cộng đồng LGBT ở Việt Nam đã hiểu và suy diễn quy định pháp luật này theo nhiều cách khác nhau, tuy nhiên đa phần là: các cặp đôi cùng giới không được đăng ký kết hôn nhưng “được phép làm đám cưới”. Các khái niệm “sống chung”, “làm đám cưới”, và “kết hôn” dường như còn chưa được hiểu rõ. Tác động lớn nhất là với truyền thông và nhận thức xã hội, qua đó đã có những đóng góp lớn tới việc thay đổi nhận thức của những người xung quanh người LGBT. Tuy nhiên, sau cảm giác “vỡ oà hạnh phúc” của việc “bỏ cấm”, trải qua những năm tháng “đám cưới” nhưng không được “thừa nhận”, tâm lý của các cặp đôi LGBT là hoang mang, vô định. (Lương Thế Huy, 2018)

Trong bối cảnh xã hội thay đổi như vậy, những phát hiện về tình yêu và sống chung cùng giới trong nghiên cứu này cho thấy những thay đổi ít nhiều tích cực trong trải nghiệm của các cặp đôi LGBT ở thời điểm hiện tại. Nếu như nhìn lại phát hiện trong nghiên cứu sống chung cùng giới được thực hiện bởi iSEE vào năm 2013, có thể nhận thấy tỷ lệ các cặp đôi đang trong quan hệ tình yêu cùng giới lựa chọn sống chung nay đã tăng lên nhiều lần. Nghiên cứu năm 2013 cho thấy khoảng 15% số các cặp đôi cùng giới đang sống chung, trong khi kết quả điều tra ở nghiên cứu này, tỷ lệ sống chung của các cặp đôi đang yêu nhau là 26.8%. Tuy khó có thể kết luận rằng đây là hệ quả trực tiếp của sự kiện thay đổi trong luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014, nhưng sự thay đổi này chắc chắn là một yếu tố quan trọng mang lại sự thay đổi này, cùng với sự mở rộng và phát triển của các nhóm, tổ chức, cộng đồng người LGBT và các nhà hoạt động xã hội và sự cởi mở của các phương tiện truyền thông với chủ đề đa dạng tính dục. Có 9.3% những người hiện đang trong quan hệ cùng giới cho biết họ lựa chọn sống chung do pháp luật đã bỏ điều khoản cấm kết hôn đồng giới, và 26.2% cho biết họ lựa chọn sống chung do cảm nhận xã hội những năm gần đây đã trở nên cởi mở và thân thiện hơn với người LGBT.

Nhiều cặp đôi LGBT lựa chọn chung sống và gây dựng cuộc sống gia đình của riêng mình hơn cũng đồng nghĩa với những trải nghiệm thực tế với những thuận

lợi, khó khăn trong cuộc sống chung của họ cũng đa dạng hơn. Nếu như ở nghiên cứu 2013, những khó khăn gặp phải và nhu cầu hỗ trợ của các cặp đôi thường tập trung chủ yếu vào sự chấp nhận của gia đình và xã hội, thì trong nghiên cứu này, các vấn đề của họ được xác định một cách cụ thể hơn, nhu cầu được công nhận và hợp pháp hoá mối quan hệ chung sống của họ cũng trở nên hiện hữu và cấp bách hơn. Tỷ lệ các cặp đôi sống chung hiện có sở hữu chung về tài sản, đất đai và chung vốn đầu tư kinh doanh tăng lên đáng kể so với thời gian trước đây, cũng đồng nghĩa những vấn đề bản khoán, khúc mắc liên quan đến các vấn đề pháp luật liên quan đến quyền sở hữu cũng tăng lên.

Trong giai đoạn trước năm 2015, các nghiên cứu về chủ đề có con và nuôi con của các cặp đôi cùng giới chỉ ra những khó khăn, trở ngại của các cặp đôi trong các thủ tục hay dịch vụ để sinh con, xin con nuôi, và nuôi dạy con. Nghiên cứu của NH Quang và cộng sự (2015) chỉ ra những trở ngại mà các cặp đôi LGBT gặp phải trong vấn đề này: Các cặp đôi không kết hôn theo đúng quy định pháp luật không có quyền được nhận nuôi con nuôi chung, đồng nghĩa với việc các cặp đôi LGBT có thể bị “cản trở” hoặc “gây khó khăn” trong quá trình xin nhận con nuôi. Thêm vào đó, sự không đồng tình của gia đình và các hành vi ngăn cản của cơ quan nhà nước tại địa phương cũng là các yếu tố gây khó khăn nhất định. Trong nghiên cứu của iSEE vào năm 2013, chưa có một câu chuyện cụ thể nào về việc có con và nuôi con ở các cặp đôi cùng giới tham gia vào nghiên cứu, mà chỉ có được các thông tin từ kết quả phân tích định lượng về mong muốn có con và những lo ngại của các cặp đôi về các quá trình, thủ tục liên quan đến việc có con hay nhận con nuôi, cũng như những vấn đề có thể nảy sinh cho con của các cặp đôi cùng giới (Nguyễn Thị Thu Nam, 2014). Đến thời điểm nghiên cứu này, điều tra trực tuyến cho thấy có khoảng hơn 3% các cặp đôi cùng giới hiện có con, một vài trường hợp cùng nuôi con với bạn đời cùng giới. Trong nghiên cứu định tính cũng ghi nhận được các trường hợp cụ thể về trải nghiệm sinh con, nhận con nuôi, và nuôi con của các cặp đôi. Từ đó, những khó khăn và nhu cầu cụ thể liên quan đến việc bảo hộ luật pháp cho con của các cặp đôi LGBT đã được ghi nhận. Ví dụ như trường hợp của cặp đôi Tiến (trans man) và người yêu hiện đang cùng chăm sóc đứa con trai gần được 2 tuổi, sinh bởi bạn gái của Tiến theo phương pháp cấy tinh trùng từ ngân hàng tinh trùng. Những vấn đề cụ thể mà cặp đôi này đã gặp phải bao gồm những dèm pha, kỳ thị của cộng đồng nơi họ sinh sống đối với em bé và với cha mẹ của em, khó khăn trong việc đưa tên của Tiến vào giấy khai sinh của em bé như một người cha, hay thậm chí khó khăn trong cả phương án để Tiến được đăng ký như mẹ nuôi của bé. Hay trường hợp của Đức (gay, 37 tuổi, Hà Nội) hiện sống cùng với người yêu và con đẻ của người yêu với vợ cũ, vì không thể đăng ký làm người bảo hộ hợp pháp nên Đức không thể đi cùng con trên các chuyến bay nếu như không có mặt của cha đẻ hoặc ông, bà của bé.

Chính vì những lý do như trên, thay vì còn ít nhiều hoài nghi về tính cấp thiết của việc công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới (76% mong muốn hợp

pháp hoá theo kết quả điều tra năm 2013), trong nghiên cứu này, tỷ lệ người tham gia bày tỏ mong muốn Việt Nam chính thức thay đổi pháp luật theo hướng công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới đã lên đến 99.8%. Hoặc kể cả khi vận động thay đổi chính sách pháp luật không đạt được ở mức độ công nhận hợp pháp hoá hôn nhân, có đến 89.2% mong muốn các cặp đôi cùng giới tuy không được coi là quan hệ hôn nhân nhưng sẽ được quyền đăng ký kết đôi dân sự, để được hợp pháp hoá quan hệ sống chung của họ, chịu sự kiểm soát và bảo hộ của pháp luật.

Tính đến tháng 6 năm 2019, hôn nhân đồng giới được công nhận và hợp pháp hoá (trên toàn quốc hoặc ở một số vùng) tại các nước: Ác-hen-ti-na, Úc, Áo, Bỉ, Bra-xin, Ca-na-đa, Cô-lôm-bi-a, Đan Mạch, Ê-cu-a-đo, Phần Lan, Pháp, Đức, Ai-xơ-len, Ai-len, Lúc-xăm-bua, Man-ta, Mê-hi-cô, Hà Lan, Niu Di-lân, Na Uy, Bồ Đào Nha, Nam Phi, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Đài Loan, Vương Quốc Anh, Hợp chủng Quốc Hoa Kỳ, và U-ru-goay.

Cùng thời điểm này, chính phủ các quốc gia như Chi-lê, Cu-ra-xao, Cộng hoà Séc, Hon-đu-rát, Hồng Kông, Nhật Bản, một số bang của Mê-hi-cô, Pa-na-ma, Pê-ru, Phi-líp-pin, Thụy Sĩ và Vê-nê-du-e-la hiện đang cân nhắc về vấn đề hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới. Goa-tê-ma-la hiện đang thảo luận bãi bỏ luật cấm hôn nhân cùng giới.

Như vậy, có thể thấy tiến trình vận động thay đổi chính sách pháp luật tiến đến hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới ở Việt Nam là phù hợp với xu thế chung của các quốc gia phát triển trên thế giới, thể hiện tư duy cầu tiến, nhân văn, mong muốn phát triển xã hội theo chiều hướng văn minh, đảm bảo hạnh phúc và bình đẳng cho người dân.



# 5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

## Kết luận chung về kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu về tình yêu và quan hệ sống chung cùng giới được thực hiện vào tháng 4 - 5 năm 2019 bởi nhóm nghiên cứu của iSEE đã thu hút được sự tham gia của 5999 người LGBT Việt Nam trên toàn quốc và ở nước ngoài vào trả lời bảng hỏi điều tra trực tuyến, hơn 20 trường hợp điển hình của các cặp đôi LGBT hiện đang sống chung và một số cha, mẹ có con cái là người LGBT tại Hà Nội và TP. HCM. Với độ tuổi trung bình của người tham gia là gần 22 tuổi, đa phần sống tại các thành phố lớn và khu vực đô thị, có trình độ học vấn tương đối cao (PTTH và Đại học trở lên). 55.4% người tham gia tự xác định mình là người đồng tính (gay, lesbian), 25.6% tự nhận là người song tính (bisexual), và tỷ lệ nhỏ còn lại tự nhận là người dị tính hoặc các bản dạng khác. Hơn một nửa số mẫu (51.6%) hiện chưa thoải mái với việc bộc lộ về đặc điểm tính dục của mình, chỉ có 12.8% cho biết họ cởi mở bộc lộ về đặc điểm này, số còn lại (35.7%) cho biết họ bộc lộ một phần (úp mở, hạn chế việc tiết lộ đặc điểm bản dạng tính dục).

Có 94 trường hợp trên toàn mẫu (1.7%) cho biết họ hiện đang trong một quan hệ hôn nhân khác giới hoặc đã từng có trải nghiệm với hôn nhân khác giới trong đời. Khi xét theo địa bàn, có thể nhận thấy nhóm hiện đang sinh sống ở nước ngoài là những người đang/đã kết hôn khác giới nhiều nhất (4.5%), tiếp sau là nhóm các tỉnh/thành phố Miền Bắc (2.6%). Nguyên nhân chủ yếu cho việc kết hôn khác giới được ghi nhận là dạng kết hôn tự nguyện (khi họ là người song tính), hoặc tự nguyện kết hôn giả giữa một người đồng tính nam và một người đồng tính nữ. Có một tỷ lệ đáng kể khác những người kết hôn dị tính cho biết việc kết hôn của họ không phải tự nguyện, mà do sức ép của gia đình và áp lực xã hội khiến họ chấp nhận cuộc hôn nhân đó. Có đến gần một nửa nhóm đã/đang trong hôn nhân khác giới cho biết họ đã ly dị (41.5%) hoặc đang ly thân và trong quá trình làm thủ tục ly hôn (7.4%). Nguyên nhân chính của việc ly hôn là do họ nhận ra hôn nhân không có tình yêu là sự sai lầm, nhận ra quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc, hoặc do các xung đột với vợ/chồng và gia đình của vợ/chồng liên quan đến việc họ là người LGBT.

Với những người chưa từng kết hôn khác giới, một tỷ lệ đáng kể (16.8%) cho biết họ sẽ kết hôn khác giới trong tương lai, có đến 31% cho biết họ còn đang băn khoăn với quyết định này. 52.3% còn lại cho biết họ không có ý định kết hôn khác giới. Mặc dù không có trường hợp nào trong nghiên cứu định tính cho biết đã từng kết hôn khác giới, tuy nhiên đa phần đều tiết lộ rằng không dưới một lần trong đời họ đã từng trải trở về điều này hoặc phải chịu những sức ép và tác động từ gia đình khiến cảm thấy bị áp lực đối với trách nhiệm kết hôn và sinh con.



Quan niệm về tình yêu của những người LGBT được gắn liền với sự chân thành, tôn trọng lẫn nhau và sự nghiêm túc gửi gắm tình cảm giữa hai người, thể hiện bằng mong muốn và hiện thực hoá sự lâu dài và bền vững của mối quan hệ, thể hiện bằng những kế hoạch tương lai mà họ cam kết cùng nhau nỗ lực để đạt được. Với những trông đợi như vậy, nhiều người LGBT mong muốn rằng tình yêu của họ cần được ghi nhận và bảo vệ bởi hôn nhân giống như tình yêu của các cặp đôi khác giới.

Hơn một nửa số người tham gia trả lời điều tra trực tuyến (54.1%) cho biết hiện nay họ đang trong một mối quan hệ cùng giới. Khi xét theo xu hướng tính dục, có thể nhận thấy nhóm đồng tính có tỷ lệ hiện trong mối quan hệ cùng giới cao nhất (62%), tiếp đến là nhóm song tính (50.9%). 13.7% nhóm dị tính cho biết họ đang trong một mối quan hệ cùng giới, và tỷ lệ này ở nhóm chưa rõ/chưa xác định bản dạng là 20.1%. Những người thuộc nhóm tuổi cao hơn được ghi nhận trải nghiệm các mối quan hệ cùng giới có thời gian dài hơn.

26.8% số người hiện đang trong quan hệ cùng giới đang sống chung với người yêu/bạn đời, 14.4% cho biết họ đã từng sống chung trong quá khứ, và 58.7% chưa từng sống chung với người yêu. Các nhóm người trả lời chuyển giới dường như hiện đang trong một mối quan hệ sống chung với người yêu/bạn đời của mình nhiều hơn so với các nhóm hợp giới. Cụ thể là: 30.8% nhóm chuyển giới nữ (MtF) và 29.5% nhóm chuyển giới nam (FtM) cho biết hiện họ đang sống chung với người yêu/bạn đời; trong khi tỷ lệ này ở nhóm nam đồng tính/song tính là 25.1% và nhóm nữ đồng tính/song tính là 26.3%. Những người hiện đang sống chung với người yêu cùng giới có xu hướng hiện đang có việc làm hơn là học sinh sinh viên hay là người thất nghiệp. Có đến hơn 70% những người hiện đang trong quan hệ cùng giới cho biết họ sẽ sống chung trong tương lai, điều này thể hiện tính chất nghiêm túc trong mối quan hệ tình yêu cùng giới mà họ đang trải nghiệm.

Lý do cho quyết định sống chung cùng giới được ghi nhận đa phần do họ cảm thấy tình cảm đã đủ bền chặt, muốn thể hiện tình yêu và cam kết sự chung thủy của mình với người yêu/bạn đời (82.6%). 57.6% cho biết quyết định sống chung là một phần cho kế hoạch của cuộc sống lâu dài sau này mà họ muốn xây dựng cùng với người yêu, bao gồm cả các kế hoạch về tuổi già, con cái. 37.7% cho biết họ bắt đầu sống chung để chia sẻ về chi tiêu và tài chính.

Khi tạo lập một cuộc sống chung, việc đóng góp và chia sẻ kinh tế được các cặp đôi cùng giới thực hiện một cách linh hoạt, tùy thuộc vào điều kiện hoàn cảnh của mỗi người cũng như những mong muốn, kế hoạch lâu dài của họ. Thời gian chung sống càng lâu, việc mua sắm và tích lũy cũng theo đó càng trở nên nhiều hơn. Điển hình như trong nhóm tuổi 35-49, có đến 55% các cặp đôi sống chung hiện sở hữu chung các tài sản có giá trị lớn (ví dụ như ô tô, sổ tiết kiệm, vàng,

v.v...), 50% hiện góp vốn đầu tư kinh doanh chung, 57.9% hiện sở hữu chung nhà đất (tuy nhiên giấy tờ đăng ký chỉ đứng tên 1 người trong số họ), và 20% cho biết họ sở hữu nhà đất đứng tên chung cả hai người. Việc linh hoạt trong quan hệ kinh tế giữa các cặp sống chung thể hiện trong các mô hình đóng góp kinh tế khác nhau mà họ đang hiện thực hoá: Với việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, có nhiều cặp đôi dường như áp dụng mô hình phổ biến ở các gia đình hạt nhân dị tính - người trong vai trò “chồng” thường là người tạo ra thu nhập nhiều hơn, đóng góp vào thu nhập chung của cặp đôi, và người trong vai trò “vợ” là người chịu trách nhiệm chi tiêu hàng ngày; mô hình này thường gặp ở các cặp đôi có một người là người chuyển giới. Nhiều cặp đôi khác lựa chọn mô hình kinh tế bình đẳng, với sự đóng góp và gánh trách nhiệm chi tiêu hàng ngày đồng đều nhau. Một số cặp đôi thì lựa chọn độc lập hoàn toàn về kinh tế với nhau.

Có 3.2% số người trả lời cho biết hiện đang có con (47 trường hợp); nếu xét theo giới tính sinh học, nhóm nữ có tỷ lệ đã có con cao hơn nhóm nam một chút (3.4% nữ, 2.5% nam). Trong số những người hiện đang có con, 12 người cho biết họ nhận con nuôi (trong đó 9 người cho biết họ nhận 1 con nuôi, 3 người cho biết họ nhận 2 con nuôi), 16 người cho biết hiện họ sống cùng con đẻ của bạn đời/người yêu của mình, 19 người cho biết họ có con riêng. Trong mẫu nghiên cứu định tính: một cặp đôi của người chuyển giới nam và bạn gái có con chung theo phương pháp xin tinh trùng từ ngân hàng tinh trùng, người bạn gái mang thai và sinh em bé; một cặp đôi đồng tính nam sống chung với con đẻ của một người với vợ cũ của người đó; và một cặp đôi đồng tính nam có con chung theo phương pháp mang thai hộ.

Vấn đề bản khoản trả trở và thường xuyên gặp phải nhất trong việc chăm sóc, dạy dỗ con cái được họ nhắc đến là sự kỳ thị của xã hội với người LGBT có thể có tác động tiêu cực đến con cái của họ (41.3%). 34.8% cho biết họ gặp vấn đề về việc giám hộ và đại diện pháp lý cho con. 26.1% gặp khó khăn trong việc đưa tên của bạn đời cùng giới vào giấy khai sinh cho con. 23.9% gặp khó khăn trong các thủ tục đăng ký nhận nuôi con chung với bạn đời cùng giới.

62.9% cho biết mong muốn có con, 28.2% cho biết họ chưa tính đến việc này (đa phần do thuộc nhóm tuổi trẻ). Với những người không mong muốn có con trong tương lai, lý do chủ yếu là không/chưa sẵn sàng về tâm lý để làm cha mẹ (56.7%). Tiếp đến, những lý do khác được họ đưa ra bao gồm: lo ngại con không được xã hội chấp nhận do có hai bố hoặc hai mẹ (35.4%), lo ngại những vấn đề về giấy tờ pháp lý cho con (37%), hay không đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo nuôi dạy con (22%).

Những vấn đề, khó khăn chủ yếu trong quan hệ sống chung cùng giới được ghi nhận bao gồm: Khó khăn nội tại của cặp đôi, thoả hiệp và giải quyết mâu thuẫn chỉ dựa trên nỗ lực của chính người trong cuộc, thiếu vắng sự hỗ trợ, giúp đỡ của gia đình và xã hội, không có cơ sở pháp lý bảo hộ trong các tình huống tranh

chấp; Chưa có được sự chấp nhận của gia đình và xã hội; Cộng đồng làng xóm nhòm ngó, tỏ thái độ kỳ thị và phân biệt đối xử đối với các cặp đôi LGBT sống chung và con cái của họ; Khó khăn trong các thủ tục pháp lý, các loại giấy tờ liên quan đến đăng ký thường trú với các cặp đôi chung sống với gia đình hoặc sở hữu nhà đất chung; Các cặp đôi LGBT không được tiếp cận đến các bảo hộ hay phúc lợi liên quan đến gia đình; Không thể đứng tên làm người đại diện/bảo hộ hợp pháp cho người yêu/bạn đời cùng giới; Thiếu vắng khung pháp luật quy định về quan hệ về tài sản của các cặp đôi và hướng dẫn cho các tình huống có thể xảy ra khi quan hệ đổ vỡ kéo theo tranh chấp về sở hữu tài sản; Khó khăn trong vấn đề có con, nuôi dạy con và đảm bảo hạnh phúc cho con.

Sự thay đổi trong quy định năm 2014, loại bỏ đám cưới đồng giới ra khỏi quy định cấm trong pháp luật, đã tạo nên ít nhiều tác động tích cực đến cuộc sống và trải nghiệm của các cặp đôi LGBT. Thay đổi này đã tạo ra một niềm hy vọng, sự khuyến khích nhất định cho các cặp đôi cùng giới trở nên tự tin hơn trong việc thể hiện tình yêu, lựa chọn sống chung và gây dựng các mối quan hệ bền chặt lâu dài, tuy nhiên nó vẫn chưa đảm bảo được sự bảo hộ về mặt luật pháp một cách bình đẳng với hôn nhân khác giới. Khi hiện thực hoá quan hệ chung sống và gặp phải các vấn đề về quan hệ tài sản, đất đai trong bối cảnh không có quy định và ràng buộc luật pháp, những thoả thuận, trách nhiệm về tài sản chung trước khi sống chung và tài sản phát sinh sau thời điểm bắt đầu sống chung được họ ngầm giao ước với nhau dựa theo quy định đối với hôn nhân khác giới như những 'thông lệ' để họ làm theo. Những giao ước này chỉ dừng lại ở sự trao đổi với nhau giữa cặp đôi, cùng đồng thuận, tuy nhiên không có giấy tờ hay bằng chứng ghi nhận về thoả thuận này, do vậy mọi thoả thuận về quyền sở hữu với họ vẫn được duy trì chủ yếu bởi niềm tin giữa hai người.

Chính vì vậy, công nhận và hợp pháp hoá kết hôn cùng giới với các cặp đôi LGBT được xem như một nhu cầu cấp thiết. Trước tiên đó là sự công nhận chính thức về tình trạng mối quan hệ của cặp đôi, là danh nghĩa, chúc phận được luật pháp bảo hộ. Việc được phép đăng ký kết hôn sẽ giải toả được những vấn đề lo ngại của các cặp đôi cùng giới trong các quan hệ tài sản, nhà đất, con cái và các vấn đề liên quan khác. Hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới được xem như một phần của quyền con người mà họ mong ước được pháp luật bảo hộ.

Gần như toàn bộ người tham gia nghiên cứu (99.8%) kêu gọi ủng hộ vận động pháp luật thay đổi theo hướng công nhận cặp đôi cùng giới bình đẳng và có thể kết hôn như những cặp đôi khác giới. Đa số (89.2%) mong muốn các cặp đôi cùng giới được quyền đăng ký kết hôn dân sự (sống chung hợp pháp, có đăng ký) mà không phải là kết hôn. Về vận động thay đổi chính sách, pháp luật liên quan đến việc sinh con, nhận con nuôi của các cặp đôi cùng giới, gần như toàn bộ mẫu nghiên cứu (96.1%) mong muốn pháp luật Việt Nam cho phép các cặp đôi cùng giới nhận con nuôi. Đa số (95.5%) mong muốn có được môi trường pháp luật thuận lợi cho các hoạt động hỗ trợ sinh sản, cụ thể như các quy định về thụ tinh nhân

tạo, v.v... cho các cặp đôi đồng giới mong muốn sinh con.

Theo quan điểm của người tham gia nghiên cứu, pháp luật công nhận sẽ giúp các cặp đôi LGBT cải thiện được quan hệ của họ đối với gia đình hai bên, giúp cải thiện đời sống tinh thần, nâng cao chất lượng cuộc sống và trải nghiệm hạnh phúc cho các cặp đôi cùng giới nói riêng và cộng đồng LGBT nói chung, việc cởi mở về bản dạng giới và tính dục trở nên dễ dàng hơn, gia đình và xã hội cũng dễ dàng chấp nhận và ủng hộ hơn, là bước tiền đề cho việc giảm thiểu kỳ thị xã hội đối với người LGBT, làm cơ sở pháp lý để ứng phó với các trường hợp kỳ thị và phân biệt đối xử với người LGBT, giảm bớt những băn khoăn trăn trở trong việc quyết định có con và nuôi con của các cặp đôi.

## Khuyến Nghị

Từ những kết quả nghiên cứu và bình luận nêu trên, chúng tôi xin đưa ra một số hướng can thiệp để đảm bảo nhu cầu, quyền bình đẳng trong bảo vệ quyền lợi cũng như nghĩa vụ về cuộc sống chung với người bạn đời cùng giới của người LGBT ở Việt Nam:

### **1. Thúc đẩy sửa đổi “Luật Hôn nhân và Gia đình” tiến đến vận động công nhận và hợp pháp hoá hình thức kết hôn không phân biệt giới tính.**

Nghiên cứu này đã chỉ ra nhu cầu cấp thiết của các cặp đôi cùng giới đối với sự công nhận và bảo hộ của pháp luật. Công nhận và hợp pháp hoá hôn nhân đồng giới là một giải pháp quan trọng vì nó vừa bảo vệ quyền bình đẳng của người đồng tính, gia đình họ cũng như giúp giải quyết các hậu quả pháp lý phát sinh khi hai người cùng giới sống chung và thiết lập quan hệ gia đình. Quá trình này không có nghĩa là tạo ra những quy định mới dành riêng cho các cặp đôi cùng giới mà là trung tính hóa các quy định hiện tại đang mang tính chất phân biệt giới tính trong việc xác lập, duy trì, chấm dứt hôn nhân. Điều này không những giữ được sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, mà còn phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình.

Bên cạnh đó, pháp luật cũng là công cụ để giáo dục, chính vì vậy, việc thừa nhận quan hệ cùng giới là hợp pháp và bình đẳng sẽ giúp giảm kỳ thị, phân biệt đối xử cũng như bạo lực với người đồng tính cũng như các thành viên của gia đình họ.

Trên thực tế, vận động sửa đổi luật là một tiến trình dài và cần trải qua nhiều giai đoạn. Trong giai đoạn bước đầu, cần nhạy cảm hoá các nhà làm luật thông qua hoạt động hội thảo chuyên đề, báo cáo khoa học, gặp gỡ toạ đàm giữa các nhóm

LGBT với nhà làm luật và các cơ quan, tổ chức liên quan. Đề xuất nội dung cho dự thảo sửa đổi luật có thể được nghiên cứu và xây dựng bởi một ‘nhóm làm việc’, bao gồm các chuyên gia về chính sách và pháp luật, các tổ chức làm về quyền của người LGBT, và chính cộng đồng LGBT. Đề xuất nội dung dự thảo sửa đổi sẽ là tư liệu chính cho quá trình vận động thay đổi luật.

## **2. Rà soát các luật liên quan để đảm bảo quyền bình đẳng của người LGBT**

Bên cạnh sửa Luật Hôn nhân và Gia Đình công nhận hôn nhân bình đẳng, Việt Nam nên có một lộ trình rõ ràng trong việc sửa các luật liên quan để bảo vệ quyền bình đẳng của cặp đôi cùng giới. Ví dụ, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Bình đẳng giới hoặc Luật phòng chống bạo lực gia đình nên có hướng dẫn bổ sung thực hiện nội dung liên quan đến cặp đôi cùng giới, hoặc trong các lần sửa đổi tới cần đưa nội dung bảo vệ quyền bình đẳng và hợp pháp của các cặp đôi cùng giới. Theo đó, song song với quá trình vận động xây dựng dự thảo sửa đổi luật Hôn Nhân và Gia Đình, ‘nhóm làm việc’ cần rà soát, tổng hợp các điều khoản, các quy định pháp luật khác có liên quan, tài liệu hoá nội dung tổng hợp thành các văn bản, tờ thông tin làm tư liệu tham khảo cho các nhà làm luật cũng như các cơ quan, tổ chức, và chuyên gia quan tâm đến tiến trình.

## **3. Hỗ trợ dịch vụ Tư vấn tâm lý, tình cảm cho các cặp đồng tính**

Nghiên cứu này đã chỉ ra lỗ hổng trong dịch vụ tư vấn tâm lý, tình cảm chuyên biệt dành cho các cặp đôi cùng giới. Nhu cầu đối với dịch vụ này hiện hữu, tuy nhiên gần như họ chưa được tiếp cận đến hoặc chưa được đáp ứng một cách thoả đáng. Với bất kỳ cặp đôi nào, bất kể cùng giới hay khác giới, khi bước vào cuộc sống lứa đôi và gia đình đều cần có sự chuẩn bị để họ có thể đối mặt được với những khác biệt khi chuyển về sống chung và cam kết gắn bó với nhau. Điều này còn quan trọng hơn cho người đồng tính vì họ vẫn phải đối mặt với những kỳ thị trong xã hội và ở gia đình.

Nội dung về tư vấn hôn nhân và gia đình cho thanh niên nói chung cần được bổ sung các kiến thức dành cho các cặp đôi cùng giới. Để thực hiện điều này, có thể kết hợp cộng tác với các tổ chức xã hội làm về LGBT hoặc các nhóm cộng đồng LGBT để xây dựng nội dung phù hợp.

Cần thúc đẩy phát triển các trung tâm dịch vụ tư vấn, hỗ trợ tâm lý tình cảm, giải quyết các trường hợp bạo lực gia đình có kỹ năng và hiểu biết về đặc thù của các cặp đôi LGBT. Có thể tiếp cận, nhạy cảm hoá, nâng cao kỹ năng cho các trung tâm dịch vụ hiện đang hoạt động, thông qua các bộ tài liệu, cẩm nang tư vấn, các lớp tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng cho tư vấn viên. Bên cạnh đó, khuyến khích sự ra đời của các trung tâm dịch vụ tư vấn mới, dành riêng cho khách hàng LGBT, có thể được quản lý, vận hành bởi chính người LGBT.

#### **4. Đẩy mạnh hỗ trợ tác động thay đổi diễn ngôn đại chúng về người LGBT và các chủ đề liên quan. Từ đó giảm kỳ thị liên quan đến cộng đồng và gia đình của người LGBT.**

Nghiên cứu này cũng như nhiều nghiên cứu khác đã chỉ ra việc truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi nhận thức của xã hội đối với người đồng tính. Việc thay đổi xã hội có thái độ tích cực với người đồng tính và về quan hệ cùng giới, không phải chỉ là trách nhiệm của người đồng tính và các tổ chức xã hội dân sự. Nó phải là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các thể chế giáo dục cũng như các thể chế xã hội khác. Chính vì vậy, cần đưa nội dung đa dạng tính dục vào trường học cũng như các chương trình ngoại khóa cho học sinh và sinh viên.

Truyền thông cho chính cộng đồng người đồng tính về hôn nhân và gia đình về quyền của họ cũng là một nội dung quan trọng. Khi người đồng tính tự tin về bản thân mình, về quyền của mình thì họ có thể đối phó tốt hơn với những bất công phải đối mặt. Việc này nên làm cùng các tổ chức xã hội dân sự, các mạng lưới của người đồng tính. Đặc biệt, việc xây dựng các thể chế như CLB của người đồng tính (LGBT club) hoặc Liên minh bảo vệ quyền của người đồng tính (Straight - Gay Alliance) ở trong trường đại học, hoặc trong xã hội là cần thiết. Nó giúp người đồng tính tự tin hơn, và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xã hội nhiều hơn.

Hình ảnh của người LGBT trên truyền thông đại chúng cũng cần được chú trọng thay đổi. Cần khuyến khích đẩy mạnh hình ảnh tích cực của các khuôn mẫu, cặp đôi, tình yêu của người LGBT trong diễn ngôn đại chúng. Những năm gần đây, ngày càng nhiều nhân vật nổi tiếng, người ảnh hưởng là người LGBT xuất hiện trên các mạng xã hội, các kênh truyền thông phổ biến, trong các sản phẩm văn hoá đại chúng, đã khiến cho cộng đồng nói chung có sự hiểu biết nhất định, có thiện cảm hơn đối với cộng đồng LGBT. Việc phổ biến các hình ảnh đẹp, những câu chuyện lãng mạn và cảm động, những đóng góp tích cực của người LGBT không những giúp dần xoá bỏ định kiến, mà còn tạo nên sự nhạy cảm hoá về tình yêu LGBT một cách tự nhiên hơn, cũng như tạo nên cảm hứng, truyền tải sự tự tin cho chính bản thân người LGBT.

#### **5. Hỗ trợ nghiên cứu chuyên sâu:**

Có thể nhận thấy trải nghiệm về tình yêu, sống chung, quan hệ con cái của các nhóm đồng tính nam, đồng tính nữ, người chuyển giới đều khác nhau, tùy theo đặc thù của họ cũng như mức độ và hình thức kỳ thị và phân biệt đối xử mà xã hội nhắm đến mỗi nhóm. Do vậy, để có hiểu biết cụ thể hơn đối với từng nhóm cộng đồng, cần có những nghiên cứu chuyên sâu, tập trung phân tích thực trạng và nhu cầu đặc thù cho từng nhóm. Bên cạnh đó, những tài liệu sẵn có, những

nghiên cứu hiện nay thường tập trung tại các địa bàn thành phố lớn, nơi các cộng đồng LGBT khá hiện hữu và các dịch vụ dành cho cộng đồng ít nhiều sẵn có. Chúng tôi mong muốn trong tương lai sẽ có nhiều nghiên cứu hướng đến cộng đồng LGBT ở các địa bàn nông thôn, vùng sâu vùng xa, nơi ít có điều kiện tiếp cận thông tin hay chưa có sự phát triển của các dịch vụ hay hỗ trợ dành cho họ.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Colby D, Cao NH, Doussantousse S. *Men who have sex with men and HIV in Vietnam: a review*. AIDS Educ Prev. [Review]. 2004 Feb;16(1):45-54.
- Nguyễn Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Thu Nam, Lê Nguyễn Thu Thủy, Lê Quang Bình. 2010. *Sống trong một xã hội dị tính: Câu chuyện của 40 người nữ yêu nữ, quan hệ với cha mẹ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Lương Thế Huy. 2018. *Đánh giá quan điểm và tác động của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đối với người đồng tính, song tính, chuyển giới tại Việt Nam*. Hà Nội: iSEE.
- Colby DJ. *HIV knowledge and risk factors among men who have sex with men in Ho Chi Minh City, Vietnam*. J Acquir Immune De c Syndr. 2003 Jan 1;32(1):80-5.
- Lương Thế Huy. 2016. *Quyền Của Tôi: Những gì bạn cần biết về Pháp luật và quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam*. iSEE và ICS
- Ngo AD, Ross MW, Phan H, Ratli AE, T T. *Male homosexual identities, relationships, and practices among young men who have sex with men in Vietnam: Implications for HIV prevention*. AIDS Educ Prev. 2009;21(3):251-8
- Nguyễn Thị Thu Nam, Vũ Thành Long, Phạm Thanh Trà. 2013. *Sống chung cùng giới: Trải nghiệm thực tế và mưu cầu hạnh phúc lứa đôi*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Nguyễn Thị Thu Nam et al. (2012) *Khảo sát thái độ xã hội với người đồng tính*, iSEE.
- Nguyễn Thu Hương et al. (2012) *Trẻ em đường phố đồng tính, song tính và chuyển giới tại thành phố Hồ Chí Minh*.
- NHQuang&Associates. 2015. *Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị*. Hà Nội: UNDP-USAID Việt Nam.
- Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) và Khoa Xã hội học, Học viện Báo chí Tuyên truyền. 2011. *Thông điệp Truyền thông về Đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng*. Nhà Xuất bản Thế giới.







Institute for Studies of  
Society, Economy and Environment  
Viện nghiên cứu  
Xã hội, Kinh tế và Môi trường